

BACH KHOA

G I A I P H Ầ M



*Thực chất của một nền
giáo dục nô dịch * Môn
Nhạc võ Tây Sơn * Y*
*học Tần và Hán * Sự thức tỉnh của
các nước sản xuất dầu * Ngôn ngữ
Việt-Nam * Phạm Trọng Nhân, Võ
Long Tế, Phạm Duy viết và nói
về PHẠM DUY KHIÊM*

T* 420
IV°XX

MỤC LỤC TỪ SỐ 412 ĐẾN 420

BÁCH-KHOA

160 Phan Đình Phùng Saigon

Chủ trương : LÊ NGỘ CHÂU

Bài vở : TÔN THẤT HÀM

Tiền bạc : NGHIÊM NGỌC HUÂN
NGUYỄN HUY NHÂN

GIÁ MUA DÀI HẠN

SÁU THÁNG

2.300đ.

MỘT NĂM

4.500đ.

* Cao Nguyên và Miền Trung : thêm cước phí máy bay một năm : 600đ (mỗi số 25đ.)

* Ngoại quốc đường thủy : thêm cước phí một năm : 1.560đ

* Ngoại quốc đường hàng không, từ 22-7-74, mỗi số :

Gửi đi Kampuchia	: 90đ.	— Âu-châu, Bắc Phi	
— Ai-lao	: 90đ.	— Trung Đông, Đại-dương-châu	
— Đông-Nam-Á (Hồng-kông, Đài-loan, Thái-lan v.v...)	: 140đ.	Úc, Tân-Tây-Lan v.v...	: 365đ
— Nhật-bản, Đại-hàn, Ấn-độ, Hồi-quốc	: 190đ.	— Hoa-kỳ, Gia-nã-đại	: 440đ

* Chi phiếu, bưu phiếu, xin đề tên ông Lê-Ngộ-Châu 160 Phan đình Phùng Saigon, bưu chi phiếu xin gửi Trương mục 27-46, Bách Khoa Thời Đại Trung Khu Saigon.

GIÁ BIỂU QUẢNG CÁO

oOo

1 trang trong	:	mỗi kỳ	:	10.000đ
1/2 trang trong	:	mỗi kỳ	:	5.000đ
1/3 trang trong	:	mỗi kỳ	:	4.000đ
1/4 trang trong	:	mỗi kỳ	:	3.000đ

Muốn đăng quảng cáo từ 6 tháng trở lên có giá đặc biệt, xin liên lạc với Bách Khoa, 160 Phan-Đình-Phùng Saigon. Đ.T. 25.539.

BÁCH KHOA

T*:

PHẠM LONG ĐIỀN <i>Thực chất của một nền giáo dục nô dịch</i>	05
HỒ HỮU TƯỜNG <i>thử ghi một vài nét căn bản của môn Nhạc vũ Tây-Sơn (Sau khi xem trình diễn trống Suwa của Nhật Bản)</i>	19
TRẦN VĂN TÍCH <i>Y-học Tần và Hán</i>	27
PHẠM TRỌNG NHÂN <i>ngôn-ngữ Việt Nam trước ngã tư quốc-tế</i>	37
DOHAMIDE <i>thế lực dầu lửa : Sự thực tình của các nước sản xuất dầu</i>	43
PHẠM TRỌNG NHÂN <i>Phạm Duy Khiêm không còn nữa</i>	56
VÕ LONG TÊ <i>Phạm Duy Khiêm : ông Đại sứ</i>	61
BÁCH KHOA <i>Phạm Duy Khiêm : người anh (Đàm thoại với PHẠM DUY)</i>	65
MINH ĐỨC HOÀI TRINH <i>lá thư Minh-Đức Hoài-Trinh</i>	69
KIM TUẤN <i>khách lữ</i>	74
VÔ ƯU <i>ngã rề, đường giao (truyện)</i>	77
THU THỦY <i>thời sự văn nghệ</i>	81
MỤC LỤC BỘ MÔN TỪ SỐ 412(L*) ĐẾN SỐ 420 (T*)	
VĂN THANH <i>trình bày bìa</i>	

Chủ trương : LÊ NGỘ CHÂU

Địa-chỉ : 160, Phan Đình Phùng Saigon
Điện thoại : 25.539
H.T. 339 Saigon

In tại nhà in TRÍ ĐĂNG
21 Nguyễn Thiện Thuật — Saigon
GIÁ : 200\$ Công sở : 400\$
Cao Nguyên và Miền Trung
cước phí máy bay 25\$ mỗi số

Sách nhận được trước 1-1-75

Bách Khoa trân trọng cảm ơn quý vị đã gửi tặng những sách sau đây và xin ân cần giới thiệu cùng quý bạn đọc :

— **Lửa Thiêng**, tập san nghiên cứu Văn hóa, số 1, tháng 12/74, do ô. Võ Phước Lộc, Giám đốc nhà xuất bản Lửa Thiêng chủ trương, địa chỉ 120 Đinh Tiên Hoàng Saigon 1, mục đích "tạo điều kiện cho các nhà suy tư V.N. diễn đạt và phổ biến những tư tưởng quý giá của họ trong mọi lãnh vực" dày 200 trang gồm những bài nghiên cứu, tiểu luận của : Lê Thọ Xuân, Phạm Hoàng Hộ, Nguyễn Văn Xuân, Nguyễn Ngọc Huy, Bùi Đức Tịnh, Trần Ngọc Ninh, Lâm Thanh Liêm, Nguyễn Ngọc Thạch. Giá 600đ.

— **Kẻ lạ mặt trên hải cảng** truyện thiếu nhi của Bà Minh Quân do Tuổi Hoa xuất bản và tác giả gửi tặng. Sách dày 120 trang, thuộc "Loạt Hoa đỏ" của nhà xuất bản rất hợp với các em, bìa do Vi Vi vẽ. Giá 180đ.

— **Phật giáo Việt Nam của Nguyễn Đăng Thực** do Mặt Đất xuất bản và nhà xuất bản gửi tặng. Sách dày 310 trang gồm 14 chương từ « Tinh thần Phật giáo VN, Thiên là một tôn giáo, Thiên học Tháo Đường, Trúc Lâm v.v. tới Địa vị Phật giáo trong Quốc học V.N, Giá 1000đ.

— **Mã Tô Bách Trượng ngữ lục** do Trần Tuấn Mãn dịch và chú thích, An Tiêm xuất bản và gửi tặng. 2 tập : Mã Tô Ngữ Lục và Bách Trượng Ngữ Lục được dịch chung làm một với ngót 90 chú thích công phu, có phụ lục nguyên bản Hán văn. Giá 270đ.

— **Khía cạnh nhân-bản của Triết học Lão Trang** của Hồ Văn Trai do

Đức Phổ xuất bản và tác giả gửi tặng. Tiểu luận của tác giả dày 210 trang gồm 3 chương và Chương kết trình bày từ khía cạnh nhân bản của Triết học Lão Trang đến vai trò của Triết học Lão Trang trong xã hội ngày nay. Giá 500đ.

— **Thế giới thứ ba của Ngô Văn Lâm** do Lửa Thiêng xuất bản và gửi tặng. Sách dày trên 230 trang gồm 2 phần chính : Đặc tính đại cương, Khung cảnh nhân văn và kinh tế tổng quát, ngót hai chục hình, bản đồ và đồ-biểu. Giá 800đ.

— **Phương pháp vẽ Lược đồ Địa-lý địa-phương** của Ông Bà Lâm Thanh Liêm và ô. Ngô Văn Lâm do Lửa Thiêng xuất bản và gửi tặng. Sách dày 76 trang, khổ 25 x 32, trình bày mục đích cùng các nguyên tắc căn bản của Lược đồ Địa lý địa phương, đơn giản và tổng hợp. Phương pháp vẽ về hình thể, nhân văn và kinh tế. 23 hình vẽ, lược đồ và ký hiệu v.v.. Bản đặc biệt. Giá bán thường : 840đ

— **Văn học sử thời kháng Pháp (1858 — 1945 của Lê Văn Siêu**, do Trí Đăng xuất bản và gửi tặng. Sách dày trên 400 trang, biên soạn công phu chia làm 4 phần. Thời kỳ xâm lăng, Thời kỳ bình định, Thời kỳ khai thác thuộc địa, và Thời kỳ hực dân tàn tạ. Giá 1200đ.

— **Ngón tay đeo nhẫn** truyện dài của Mai Thảo do Anh Lộc xuất bản và gửi tặng. Sách dày 238 trang in đẹp, Giá 750đ.

— **Gọi thăm tập thơ của Nguyễn Ngọc Hạnh** do Đường Vân xuất bản và tác giả gửi tặng. Sách dày trên 40 trang in trên giấy croquis quý, gồm 26 bài thơ, trình bày trang nhã.

Thực chất của một nền giáo dục nô dịch

Trong nhiều số Bách-Khoa, với các văn liệu chính xác, chúng tôi đã chứng minh trong giai đoạn đầu Nam kỳ thuộc Pháp, chữ quốc ngữ xuất hiện trên sân khấu chánh trị như công cụ của thực dân Pháp nhằm triệt hạ nền văn hóa dân tộc tận cội rễ và bóp chết tiếng nói bất khuất của sĩ phu Nam kỳ chống lại chế độ tân trào. Chúng ta đã thấy mưu đồ thâm độc của thực dân Pháp trong việc áp dụng chữ quốc ngữ thay thế chữ Nho, chúng ta lại càng thấy rõ mưu mô thâm độc ấy trong

việc áp đặt nền giáo dục nô dịch lên người dân bị trị, một dân tộc mất chủ quyền tức nhiên mất luôn quyền tự quyết về giáo dục. Lẽ dĩ nhiên, thực dân không bao giờ mong muốn đào luyện giới trẻ thành những công dân yêu nước thật sự, biết thương đồng bào ruột thịt mà trái lại, với nền giáo dục nô dịch, họ chỉ cốt biến trẻ thành công bộc cho chính quyền thuộc địa, cút cung tận tụy phục vụ quyền lợi của ngoại bang trên chính phần đất họ sanh ra và lớn lên.

Hòa ước Nhâm-Tuất (1862) cáo chung quyền tự quyết về giáo dục

Hòa ước Nhâm Tuất ra đời trong một hoàn cảnh khó xử của phái bộ Phan Thanh Giản. Những người Việt thân Pháp thời đó mừng rỡ đón nhận hòa ước với niềm tin vào sự giúp đỡ của người Pháp đã có mặt tại Saigon. Nhưng những người Việt yêu nước đã nhìn thấy manh tâm của thực dân khi ký kết hòa ước. Ký để chuẩn bị thời cơ đánh chiếm ba tỉnh miền Tây Nam Kỳ. Nhà thơ Đồ Chiểu mặc dù mù lòa đã nhìn thấy sự tráo trở của thực dân :

« Chợt thấy cánh buồm lai sứ, việc giảng hòa những tưởng rằng xong ;

• Đã đành tám giấy tỵ phong,

phận thân tử há đâu dám cãi.

« Bồi lòng chúng chẳng nghe thiên tử chiếu, đón ngán mấy dặm mã tiền ».

(Văn tế Phó Quân cơ Trương Định)

Sau khi chiếm ba tỉnh miền Đông Nam Kỳ, thực dân Pháp đã nghĩ ngay đến việc thiết lập một guồng máy hành chánh thống trị. Năm 1864, Nha Nội trị được lập tại Saigon, cũng trong năm này, vào ngày 16 tháng 7, Phó Đô Đốc de la Grandière, chỉ huy trưởng lực lượng viễn chinh Pháp, ban hành sắc lệnh thành lập các trường Tiểu học để dạy trẻ con bản xứ viết chữ quốc ngữ. Đây là bản văn đầu tiên đánh dấu sự suy

tàn của nền giáo dục tự chủ dựa vào sự truyền dạy đạo lý Thánh Hiền qua chữ Nho và khởi điểm của chánh sách văn hóa nô dịch dựa trên việc học chữ quốc ngữ, thứ chữ vừa thoát khỏi nhà chung từ khi thực dân Pháp vừa hạ thành Sài Gòn. Chúng tôi xin dịch toàn bản văn sắc lệnh do de la Grandière ký ngày 16-7-1864 :

« Các trường tiểu học sẽ được mở ra tại các trung tâm quan trọng nhất để dạy thanh thiếu niên viết tiếng của họ bằng thứ chữ Âu châu (tức chữ quốc ngữ).

« Một thông ngôn sẽ đảm trách lớp học và sẽ giảng dạy hai lần mỗi ngày, một giờ buổi sáng, và một giờ buổi chiều.

« Một cơ sở thích hợp sẽ dành cho trách vụ này.

« Người ta sẽ cung cấp miễn phí dụng cụ văn phòng cần thiết.

« Giáo viên sẽ lãnh một phụ khoản 1 franc mỗi ngày dạy lớp.

« Khi bắt đầu khóa giảng, giáo viên sẽ trình cho tham biện một danh sách học sinh của ông.

« Trong vòng hai tháng, tham biện sẽ đi thăm các trường Tiểu học để ghi nhận các thành quả thu đạt được và báo cáo các giáo viên xứng đáng được thưởng.

« Sẽ cho một số tiền thưởng là 1 franc cho giáo viên dạy mỗi học sinh biết đọc và biết viết và 50 xu cho những giáo viên dạy học trò chỉ biết đọc.

« Mỗi học sinh biết đọc và biết viết sẽ lãnh một số tiền thưởng là 1 franc và các phần thưởng tỉ lệ với thiện chí, thấy được.

« Những ai chứng tỏ có một nền học vấn đầy đủ, sẽ được phép mở trường tại các làng kế cận.

« Các tham biện được đặc biệt đảm trách tổ chức những trường này, với công tác như vậy, các tham biện sẽ lãnh dụng cụ văn phòng mẫu chữ viết cần thiết để mở một trường trong mỗi huyện.

« Chi phí dành cho dịch vụ này sẽ ghi vào điều 3 chương 3 của ngân sách địa phương và hằng tháng được ấn định bởi sự phê chuẩn của Phó Đô-đốc Thống-soái ».

Với sắc lệnh ngày 16-7-1864, chánh quyền thuộc địa quyết định thay thế các trường dạy chữ Nho, có tính cách tự trị, bằng những trường dạy chữ quốc ngữ do nhà nước lập ra. Do đó một trong những công tác khẩn cấp mà thực dân Pháp phải làm dưới chiêu bài giáo dục, là xóa bỏ chữ Nho, chữ Nôm trong đời sống của quần chúng bản xứ và thay thế bằng chữ quốc ngữ.

Paulin Vial trong cuốn « Les premières années de la Cochinchine » ghi nhận :

« Đô đốc de la Grandière quyết định phổ biến trong dân gian thuộc địa sự hiểu biết cách viết này (tức cách viết chữ quốc ngữ), có thể học trong một vài bài ; lúc ấy dân chúng có thể có những liên hệ dễ dàng và trực tiếp với các công chức người Pháp mà đa số đã biết cách viết này và dân chúng thoát khỏi ảnh hưởng thù nghịch của các nhà Nho ». (Trang 312).

Theo nhận định của thực dân, ngày nào học trò bản xứ còn học chữ Nho, còn đọc được sách chữ Nho, chữ Nôm, ngày ấy giới trẻ bản xứ còn thương yêu đồng bào ruột thịt, còn xót xa làm dân một nước mất chủ quyền cho nên bằng mọi cách, nhà cầm quyền phải áp đặt một nền giáo dục nhằm đào tạo những con người chỉ biết vâng theo mệnh lệnh của giai cấp thống trị. Nền giáo dục nô dịch không phát triển toàn diện con người mà trái lại biến thành thiếu niên thành những con người chấp nhận sự lệ thuộc ngoại bang. Đó là những điểm chánh yếu trong các bản phúc-trình về nền học chánh bản-xứ của Philastre ngày 12-12-1872, của Legrand de la Liraye ngày 5-1-1873. Nhưng chính Luro mới là con người có nhiều công lao trong công tác áp đặt nền giáo dục nô dịch và quyết xóa bỏ các trường dạy chữ Nho trong sinh hoạt giáo dục tại Nam Kỳ. Trong bản phúc trình của Luro ngày 6-1-1873, chúng ta đọc được :

« Sau ngày chiếm cứ Nam Kỳ, chúng ta đã hủy diệt toàn thể lối giáo huấn này (tức lối giáo dục cò truyền dựa vào Hán học). Sau ngày đồ bộ lên đây, điều đập mạnh vào tinh thần của người Pháp là sự vô lý trong việc sử dụng cách viết tượng hình áp dụng vào việc biểu diễn một ngôn ngữ đã chết, ngôn ngữ quan lại của người An-nam. »

Luro nhận xét chữ quốc ngữ dễ học, dễ đọc. Dân bản xứ chỉ cần biết 24 chữ cái, có thể đọc bất cứ bản văn chi. Tác giả chỉ đề cập tới việc

đọc mà không bàn đến việc tìm hiểu ý nghĩa của bản văn được đọc. Luro đưa ra kế hoạch tận diệt chữ Nho :

« Đề hủy diệt ngôn ngữ quan lại của người An-nam (tức chữ Nho), đề làm biến dạng thứ chữ tượng hình, chúng ta phải học thứ chữ này. Phải bắt buộc tất cả các nhà hành chánh biết sử dụng thứ chữ này để trong khi học, họ có thể thấu đáo lối giáo huấn trong quần chúng An-nam... »

Năm 1864, nhà cầm quyền thực dân ban hành sắc-lệnh thiết lập nền học chánh tại những vùng đã chiếm. Mười năm sau tức ngày 17-11-1874, Soái-phủ Nam-Kỳ ban hành quyết-định về tổ chức cơ-quan học-chánh tại Nam-Kỳ. Quyết-định gồm 23 điều khoản, chia thành 4 thiên : thiên thứ nhất bàn về những nguyên-tắc tổng quát, thiên thứ hai về giáo huấn bậc Tiểu-học, thiên thứ ba về giáo huấn bậc Trung-học và thiên thứ tư gồm các điều khoản chuyên tiếp.

Nhằm kiểm soát tất cả các trường trong lãnh thổ Nam-kỳ, điều 3 quyết định ghi :

« Không có một học hiệu đặc biệt nào có thể mở ra mà không có giấy phép của nhà nước ; ai muốn xin giấy phép này, phải hội đủ những điều kiện về phẩm hạnh và khả năng đã ghi ở điều trên. »

« Tất cả các học hiệu đặc biệt đều phải đặt dưới sự kiểm soát của nhà nước. »

Ở điều 4, các trường Công-giáo được miễn giấy phép và được tự do hoạt động. Cũng trong điều 4 :

« Ngoài ra được miễn giấy phép là các trường Tiểu học tư, có trong làng, được biết với tên trường dạy chữ Nho, các trường này sẽ được các chủ tỉnh thăm viếng. Thầy giáo tại các trường này sẽ giảng dạy cùng với chữ Nho cách dùng chữ la-tinh (tức chữ quốc ngữ), có thể sẽ nhận một số tiền thưởng 400 francs mỗi năm ».

Một Ủy-ban thường trực được thành lập với nhiệm vụ nghiên cứu tất cả các vấn đề liên hệ tới học chánh và thanh tra các trường. Một người VN duy nhất đã được nhà cầm quyền thực dân thời ấy chiếu cố cử vào Ủy-ban này là Trương-Vĩnh-Ký.

Với quyết định ngày 17-1-1874, chữ quốc ngữ là thứ chữ được nhà cầm quyền công nhận. Vì thế nó được xem là thứ chữ chánh thức phải giảng dạy từ Tiểu lên Trung-học.

Ngày 17-11-1874 lại là ngày thật hệ trọng đối với việc giáo huấn tại Nam-Kỳ. Vào ngày này, cách nay đúng 100 năm. Soái phủ Nam-kỳ ban hành cùng một lúc ba quyết định : thiết lập tổ chức học chánh tại Nam-kỳ, chương trình học và các ngạch giáo chức phục vụ cho đường lối giáo dục nô dịch.

Điều 1 quyết định ngày 17-11-1874 của soái phủ Nam-kỳ về chương trình học ghi rõ :

1) *Bậc Tiểu học*

« Tập đọc và tập viết tiếng An-

nam bằng chữ la-tinh (tức chữ quốc ngữ) và học chữ Nho. Học tiếng Pháp. Học tiếng Pháp. Mẹo hoặc văn-phạm sơ cấp. Toán-pháp sơ-cấp. Hình-học sơ-cấp (4 cuốn sách đầu). Khái-niệm về phép trắc lượng sơ cấp. Khái-niệm tổng quát về Sử ký và Địa dư.

2) *Bậc Trung học*

« Khảo sát có suy luận về tiếng Pháp. Văn-chương Pháp. Tập làm văn bằng tiếng Pháp, bằng quốc ngữ và Hán văn. Khái niệm tổng quát về Cờ sử và Sử cận kim, nhất là nhấn mạnh vai trò của nước Pháp. Địa lý đại cương. Khái niệm về Thiên-văn-học. Toán pháp theo chương trình sẽ do Ủy ban ấn định sau. Đại số. Hình học. Đo diện tích và thể tích. Phép trắc lượng và phép lập bảng đồ. Vật lý và Hóa học sơ cấp. Khái niệm về Vạn vật học. Phép giữ gìn sách. Hội họa. »

Cho đến năm 1874, các trường Sơ-cấp đã được thiết lập đến các thôn ấp, các trường Tiểu-học được mở ra tại các làng. Nhưng ở bậc Trung-học tại Sài-gòn chỉ có 3 trường : Trường d'Adran, trường Taberd và Trường Bồn quốc (nay là Trung tâm giáo dục Lê-Quý-Đôn). Với nghị định của Soái-phủ Nam-kỳ ngày 14-6-1880, chánh quyền mới cho phép mở trường Trung-học Mỹ-tho (nay là Trung học Nguyễn-Đình-Chiêu).

Vì muốn chứng tỏ cho các nhà Nho yêu nước có tinh thần đê-kháng mạnh mẽ thấy công cuộc bình định

đã hoàn tất qua sự hiện diện của ngôi trường dạy chữ quốc ngữ và chữ Pháp, nhà cầm quyền hấp tấp đào luyện cũng như tuyển dụng giáo chức. Theo quyết định ngày 17-11-1874 về nhân viên giảng huấn, Đốc-học của mỗi trường dù Tiểu hay Trung-học đương nhiên phải là người Pháp. Giáo chức người Việt đa số xuất thân từ trường Thông-ngôn hoặc trường nhà Dòng. Quyết-định ngày 23-1-1874 của Nha Nội-trị cho thấy tất cả các giáo viên người Việt được tuyển dụng đều mang tên Thánh. Luro trong phúc trình ngày 6-1-1873 đã nhìn nhận tình trạng giáo chức bản xứ sa sút :

« Cũng không nên quên là các giáo chức của chúng ta không hiểu điều chi hết, chỉ là những thằng trẻ con mà người lớn nhất không quá 28 tuổi. Để có kết quả tốt, phải cho họ cứ 4 hoặc 5 năm trở tại trường Sư-phạm Sài gòn để bảo đảm cho họ một nền học vấn đầy đủ và dần dần nâng trình độ hiểu biết của họ lên. »

Tình trạng giáo chức bản xứ thân Pháp đã vậy thì tình trạng giáo-chức người Pháp sang phục vụ tại Nam-Kỳ lại càng bi đát hơn nữa. Chính A. Bouinai và A. Paulus trong bộ *L'Indochine française* đã nhìn nhận :

« Thuộc-địa (tức Nam Kỳ) gặp những trở ngại lớn lao trong việc tuyển dụng họ (tức giáo chức người Pháp), ít giáo viên có bằng cấp chịu sang Nam-Kỳ bởi vì sau khi giáo-dục bậc Tiểu-học được tục hóa, hầu như họ được bảo đảm tìm một chỗ tại mẫu-quốc. Kết quả là thường bọn

không có địa vị, vô nghề nghiệp, hạnh kiểm còn phải xét lại, sức khoẻ thỉnh thoảng không được dồi dào, ít am tường phương pháp sư-phạm, lại thuận sang Nam-Kỳ. Họ không thể được dạy trong trường học. Thống-đốc bắt buộc trao trả họ lại cho Bộ Thuộc-địa và gọi họ trở lại Pháp ; đây là một sự mất mát về tài-chánh vì tốn phí hai chuyến đi không phục vụ được chi... » (Trang 217).

Với một giáo ban như vậy thì thử hỏi công việc giảng dạy đi về đâu ? Con đường duy nhất đi đến là sự nô-lệ-hóa con người trong bối cảnh mất chủ quyền. Nhưng đây lại là đường lối giáo dục nô-dịch do thực dân đề-xương trên phần đất họ chiếm đóng, Thực dân Pháp không dạy trẻ bản-xứ biết suy nghĩ, biết lý luận, tìm hiểu ý nghĩa sâu xa của các bản văn. Trái lại nhà cầm quyền thực dân chỉ cần biến chúng thành những tên nô-lệ biết đọc chữ quốc ngữ, biết đọc các công văn của Soái-phủ Nam-kỳ, biết đọc Gia-định-báo mà không cần phải tìm hiểu những ý tưởng cao siêu hàm chứa trong chữ viết, cách diễn đạt. Chính Cul-tru đã tố cáo chánh sách giáo dục nô dịch này trong quyển « *Histoire de la Cochinchine française de origines à 1883* » :

« Chỉ lấy việc học chữ Pháp và chữ quốc-ngữ làm nền tảng cho việc giáo dục, như vậy là thủ tiêu giáo dục, tinh thần và tâm hồn không phải chỉ nhờ việc biết viết, biết đọc một thứ tiếng mà được cải tiến, bằng lòng như vậy là tạo ra bọn người vô học vì biết đọc biết viết

đề làm gì nếu không hiểu được bản văn đọc... Việc dạy chữ quốc ngữ và tiếng Pháp như đã áp dụng trong những năm đầu thuộc địa đã hoàn toàn làm xao lãng việc phát huy trí

thức và luân-lý người bản xứ và do đó đã dày phần lớn 300.000 trẻ em Nam-kỳ sau khi đi qua các trường học của chúng ta vào một tình trạng ngu ngốc thật sự ».

Những hình thức phản kháng của sĩ phu miền Nam đối với nền giáo dục nô dịch của thực dân

Lề lối giáo dục của thực dân chỉ nhằm biến trẻ thành những tên nô lệ, Sự nô lệ ấy lại gắn liền với việc cõ xúy chữ quốc ngữ, một thứ chữ để làm cho trẻ con bản xứ hồi đó mất gốc và để giúp cho quan lại người Pháp theo dõi tâm địa người dân bản xứ, theo như nhận xét của Paulin Vial trong quyển « Les premières années de la Cochinchine » trang 311. Vào thời kỳ đầu Nam-Kỳ bị trị, các nhà Nho vẫn cho chữ quốc ngữ là chữ của thực dân, chống thực dân tức nhiên phải chống việc dùng chữ quốc ngữ. Vì lẽ đó mà trong gần mười năm, sau khi thực dân Pháp thắng thế trên địa bàn quân-sự tại Nam-Kỳ, vẫn còn gặp nhiều khó khăn từ phía nhân dân đối với việc phổ biến chữ quốc ngữ. Chúng ta hãy nghe Luro phúc trình ngày 6-1-1873 với Soái-phủ Nam-Kỳ :

« Số trường bản-xứ của chúng ta và số học sinh theo học, thỏa mãn lúc đầu. Hình như dưới khía cạnh này, thuộc-địa của chúng ta (tức Nam-Kỳ) đi vào một con đường tiến bộ nghiêm chỉnh, khô thay, tình trạng sung mãn này chỉ là bề ngoài ; từ nhiều năm nay, chúng ta dạy người An-nam ngôn ngữ thô tục của họ

bằng một phương-pháp đơn-giản và hợp lý, trội hơn cách biểu diễn tượng hình... Mặc dầu phương-pháp của chúng ta trội hơn một cách không chối cãi được và đơn giản, tôi lấy làm tiếc mà nhận xét rằng việc dùng chữ la-tinh không bắt rễ được trong quần chúng. Có thể tôi lầm, nhưng tôi biết lý do tuyên truyền của chúng ta không thành công. »

Sức đề kháng của sĩ dân miền Nam đối với công cuộc xâm-lãng văn hóa thật mãnh liệt. Trong chiến tuyến một mặt một còn giữa chánh quyền thực dân và quần chúng yêu nước, chắc chắn chánh-nghĩa sẽ thắng và luôn luôn ngã về phía người dân bị áp bức. Để tiến hành công cuộc xâm lãg văn-hóa nhằm cắt đứt ngọn triều tình cảm yêu nước, trở về nguồn của giới trẻ, nhà cầm quyền thực dân đã ngụy trang việc giáo-huấn qua chiêu-bài thật kêu, thật đẹp và thi-hành kế-hoạch 4 điểm do Luro đề ra trong phúc-trình ngày 6-1-1873 gửi Soái-phủ Nam-Kỳ :

— Bắt buộc mọi người phải học và dùng chữ quốc ngữ.

— Các nhà hành-chánh người Pháp phải am tường chữ Nho để rút tỉa những cái hay của nền cõ-học

VN vào việc áp dụng chữ quốc-ngữ.

-- Dịch sách chữ Nôm, chữ Nho ra quốc ngữ và ấn hành ở các sách quốc ngữ để lẫn át những tiếng nói phát xuất từ sách chữ Nho, chữ Nôm.

— Khuyến khích học sinh về nhà đọc sách quốc ngữ, nhưt là tờ Gia đình báo cho cha mẹ hàng xóm nghe.

Và nhà cầm quyền thực dân còn vượt xa 4 điểm do Luro đề ra trong việc áp đặt nền giáo dục nô dịch là phá bỏ tất cả những gì là dấu tích văn hóa giáo dục của tiền nhân chúng ta để lại trên đất nước miền Nam. Công tác đầu tiên thực dân phải làm, đó là phá bỏ thành Gia-định, Văn miếu, Trường thi là những nơi dễ gây xúc cảm con người trước cảnh mất nước, mất chủ quyền và mất cả thân phận làm người trên phần đất bị ngoại nhân chiếm đóng.

Trong bối cảnh xâm lăng ấy, từ địa bàn quân sự sang chiến tuyến văn-hóa giáo-dục, nhà thơ Đồ Chiểu đã đứng hẳn về phía nhân dân có lập trường dứt khoát. Trong bức thư gửi cho em là Nguyễn Đình Tự đăng trong « Nỗi lòng Đồ Chiểu » của Phan-văn-Hùm, nhà thơ mù lòa của quần chúng yêu nước báo động :

« Thời thế này thà chịu làm ngu,
Học hành vậy cũng kêu là trí. »

Tầng lớp giáo chức tại các trường dạy quốc ngữ vốn là những tay lang bạt giang hồ, không có tác phong đạo đức như các Thầy Đồ vốn đã tạo một hình ảnh tốt đẹp trong lòng người dân Việt. Như ta đã thấy ở

phần trên, các giáo chức người Pháp thường là bọn ít học, hống hách, tự cao tự đại, chính bọn này đã đánh mất cái ý nghĩa cao đẹp của ngôi trường, nơi truyền bá đạo lý Thánh Hiền dưới thời tự chủ.

Riêng các giáo chức bản xứ, đa số là thông ngôn chuyên sang, đã sớm thỏa-hiệp với chế độ tân trào. Họ đã làm theo mệnh lệnh của quan thầy. Họ là những tên nô bộc của chế độ và họ cũng muốn biến tuổi trẻ thành những tên nô bộc như họ. Quần chúng buổi giao thời không mấy ngưỡng vọng thông ngôn, mặc dầu thông ngôn có lương hưởng cao, hồi đó là gạch nối giữa giai cấp thống trị và người dân bản xứ. Đã bán linh hồn cho ngoại bang thì chắc chắn lòng tham của thông ngôn dễ bị lung lạc bởi đồng tiền, danh vọng, nhà cao cửa rộng, vợ đẹp.

« Các ông tham biện đương đàng,
Tiếng Nam người biết điểm đàng
khó qua

Ông nào chẳng biết tiếng ta,
Ở ngoài ử bờ, nói ra nói vào.
Quê mùa làng xóm chủ nào,
Tới dinh hầu cận đã nao biết hồn.
Nên hư nhờ tiếng thông ngôn,
Đưa lên cũng phải lấp chôn bao nài.

(Trích Thơ Nam kỳ)

Bọn thông ngôn cũng như bọn bồi bếp học hành có sa chi nhưng lại thích nói tiếng Tây để cho mọi người tưởng rằng họ có văn-hóa cao. Đó là thứ tiếng Tây mà người bình dân thường gọi là tiếng Tây ba rọi, tiếng Tây lô canh.

thi hành mệnh lệnh của Nhà nước. Với thông tư ngày 11-7-1879 của Nha Nội trị, mỗi cơ quan công quyền phải dán tờ Gia-định-báo trước cổng và bắt dân chúng đến xem. Có thể tại một vài địa phương, vì quá hăng say thi hành lệnh của Trung-ương cho nên các quan Tham-biện, Chủ quận, Cai Tổng, Xã trưởng bắt dân tập họp tại Công sở để chép tay tờ Gia-định-báo về nhà xem. Và không có gì buồn cười cho bằng chính cơ quan ngôn luận chánh thức của Soái phủ Nam - kỳ, viết bằng quốc ngữ, lại tố cáo chế-độ khi đăng tin thông-ngôn Chánh ở Trà-Vinh bị tên Biện-lý Jaboin tước đoạt vợ, thầy lỏng lộn mất cả trí khôn đến độ cầm súng bắn lại quan thầy. Không biết lúc còn sanh tiền, Trương-Vinh-Ký đã nhìn thấy khía cạnh bi đát của vụ án thầy Thông Chánh hay không? Theo tài liệu chúng tôi tìm

được thì Thông ngôn Chánh là một trong những học trò xuất sắc nhất của Trương-Vinh-Ký ở trường Thông ngôn. Học giỏi, đi theo con đường của thầy là ra hợp tác với chế độ tân trào đề rồi vợ và con gái thầy đều bị thực dân Pháp chiếm đoạt và cá nhân thầy Thông Chánh chỉ còn biết lấy cái chết để trả cho xong mối hận lòng!

Một nhà Nho yêu nước nào đó, sống lâu khuất trong đám quần chúng, đã nhìn thấy khía cạnh bi đát ấy, đã đưa vụ án tình giữa kẻ đi xâm lăng và dân bị trị vào lịch sử văn học miền Nam chống xâm lăng với lời thơ mộc mạc của thẻ lục bát. Cho nên tập *Thơ Thầy Thông Chánh* còn là bản án tố cáo dã tâm của thực dân trên đường triệt hạ văn hóa dân tộc và thực thi nền giáo dục nô dịch trên phần đất đã mất chủ quyền.

PHẠM LONG ĐIỀN

THƯ LÂM ẤN THƯ QUÁN

231-233-235, Phạm-Ngũ-Lão — SAIGON

Dây nói: 25.861

NHÀ IN — XUẤT BẢN — CUNG CẤP DỤNG CỤ VĂN PHÒNG
có xưởng cung cấp phù hiệu, cờ hiệu đoàn, nhãn cổ áo (étiquette)
màu đẹp, bền, không phai

Gởi tiền thanh toán xin chuyển vào Trương-mục Bưu-điện SAIGON

Số : 2.701 THƯ LÂM ẤN THƯ QUÁN



Bộ máu Chuông vàng
Soluté B1, B12, Fer

FERAMIN

Mắt máu — Đau mỏi khỏi — Ăn không tiêu — Bàn thần mỏi mệt

Viện bào chế *TENAMYD*

Đậy kỹ và giữ trong tối

công thức mới
tốt nhất

Hemocalcium B12

M. SUY YẾU. CHẠM LỚN
KÉM ĂN. THIẾU MÁU

Hemocalcium B12

Có chất Sorbitol để giúp cho sự thẩm thấu nhanh sinh tố B12 qua màng ruột mà không bị tiêu hao.

Sản tại các nhà thuốc tây.

Công thức môn
thuốc mới :

HÉMOCALCIUM B 12

M. SUY YẾU — CHẠM LỚN
KÉM ĂN — THIẾU MÁU

Có chất Sorbitol để giúp cho sự thẩm thấu nhanh sinh tố B12 qua màng ruột mà không bị tiêu hao.

Sản tại các nhà thuốc tây.

Sau khi xem trình diễn
trống Suwa của Nhật Bản

Thử ghi một vài nét căn bản của MÔN NHẠC VÕ TÂY-SƠN

Đêm 08-12-1974, cơ quan Văn-hóa Nhật-bản có trình diễn tại Hội-trường Thanh-niên một đêm cồng nhạc, trong đó bộ môn *Trống Suwa* là phần chánh yếu. Trước khi khán thính giả được hân hạnh thưởng thức lối đánh trống của người Nhật, bản chất vốn là một thứ nhạc tôn giáo, theo "thần đạo", thì ban tổ chức có cho nghe và xem một màn gọi là "Nhạc võ Tây-Sơn". Có người hỏi tôi màn ấy có đích là "Nhạc võ Tây-Sơn" chăng? Dù sẵn một tinh thần rất cởi mở và chấp nhận những canh cải đúng mức, nhưng tôi chẳng dặng dưng lắc đầu. Ông bạn khuyên tôi viết một bài "tự chỉ trích" có tánh chất xây dựng. Sau khi suy nghĩ chín chắn, tôi thấy thay vì viết một bài "tự chỉ trích", tốt hơn tôi nên phác họa những nét căn bản của môn Nhạc võ Tây-Sơn mà từ nhiều năm, tôi đã vất vả cho sống lại, và đem giới thiệu với đồng bào ở Sài-gòn.

Tinh thần của Nhạc võ Tây-Sơn

Nhạc-sĩ Nhật, khi trình diễn trống Suwa, đã cho "xuất thần" được cái ý nghĩa tôn giáo về môn trống của họ.

Còn chúng ta có những nhạc Văn, nhạc Lễ, và nhạc Võ, hoặc trình diễn

thuần túy, hoặc phối hợp lại, nhưng vẫn lấy cái tinh thần chánh yếu đề mà "thượng" nó lên. Thí dụ như trong một giàn đại nhạc, có đến 64 người mà khi cần "thượng võ" thì những nhóm khác chỉ đóng vai trò đệm, phụ, yểm trợ. Còn chính là nhóm Nhạc võ mới đóng vai trọng yếu, đề "xuất thần" cái tinh thần "thượng võ" ấy.

Tinh thần Nhạc võ Tây-Sơn là gì?

Trước hết, nó là tinh thần *Thượng võ*, nói cách khác, nó là một thứ *Nhạc trận*. Đề động viên tinh thần chiến đấu, yểm trợ tinh thần ấy, đề đem lại sự chiến thắng. Tánh chất kể đó, là tánh chất "Tây-Sơn" tức là một cuộc khởi nghĩa của nông dân, khai thác những nhạc khí sẵn có trong dân gian, chọn lựa những môn nào góp phần "thượng võ" được là "tổng động viên" những nhạc khí và nhạc công sành nhạc khí ấy, sáng tác những bản nhạc hùng, lập thành giàn nhạc, đề làm một *khí giới chiến thắng*.

Sau khi thử thách, những "nhạc sĩ bình dân" thấy rằng môn *Trống* là nên dùng hơn cả. Tâm hồn của người Việt, nhiệm cái văn minh "Trống đồng" từ hồi lập quốc, đã nằm sâu và đầy đặc trong tiềm thức

của mỗi người Việt. Nhưng mà trống không phải là nhạc khí độc nhất, mặc dầu là nhạc khí đệ nhất. Kể đến là *Tù* và bằng sừng trâu, mà nông dân hay dùng để gọi nhau. Thứ ba đến những *Mõ* cũng bằng sừng trâu, mà mỗi chòi giữ dưa thầy đều có, kể nữa là những *Phèn la*, thông dụng của thầy pháp, những *Chạp chĩa* của các chùa, những *Đờn cò*, *Kèn song hi* của các giàn nhạc đám ma... Với những nhạc khí "ở trong tầm tay" đó, mà những nhạc sĩ trong phong trào khởi nghĩa của nông dân vùng Bình-Khê, đã sáng tạo ra được một bộ môn *Nhạc Cách-mạng*, mà đời nay chúng ta đặt tên là *Nhạc-võ-Tây-Sơn*. Do đó mà môn nhạc này lại còn có cái tinh thần thứ ba, ấy là một thứ nhạc *Cách-mạng*, tựa tựa như bản *La Marseillaise* của nước Pháp.

Ba tinh thần chánh yếu của môn nhạc này là: *Nhạc võ*, *Nhạc Bình dân* và *Nhạc Cách mạng*, cần phải được xuất thần. Bằng không thì quả là việc "treo đầu dê, bán thịt chó" vậy.

Giàn Nhạc võ Tây-Sơn

Có người sẽ hỏi: Nếu cái tinh thần của Nhạc võ Tây-Sơn đã là như thế, và ông đã biết là như thế, thì tại làm sao trong mấy lần đem trình diễn tại Sài-gòn, ông không lột ra hết cho công chúng thưởng thức?

Lời hỏi cũng là lời phê bình nghiêm-khắc.

Nhưng xin phép cho tôi biện hộ.

Mặc dầu chỉ là những nhạc khí dụng dẫu quơ nấy, song ba anh em áo vải đất Tây-Sơn, ít nữa, cũng

nắm chút quyền cách-mạng trong tay. Lệnh hô ra, muôn người hưởng ứng. Chẳng mấy chốc mà có đủ phương-tiện đề từ "nước lã khuấy nên hồ". Còn tôi là một kẻ hàn sĩ, đương bị kỳ thị. Góp hết sức mới chỉ sắm được một giàn 12 cái trống lòi thoi mà thôi. Đến khi đem vào Sài-gòn trình diễn, thì chỉ có phương-tiện chớ 12 cái trống, và vốn vẹn có nhạc sĩ Nguyễn Phong đề sử dụng môn "song thủ đả thập nhị cò". Lần thứ hai, nhờ có Hội Đức-Trí Thề-dục yểm trợ cho một trăm ngàn đồng, mới cũng với phương tiện kém cỏi đó trình diễn khá rộng rãi.

Còn giàn nhạc đệm, thì tạm thuê một "giàn nhạc đám ma", không biết bài bản, chỉ cho "sôm tụ" mà thôi, thì làm sao lột được cái tinh thần, lựa là nói đến việc "xuất thần". Sở dĩ tôi kẹt như vậy, mà cũng cố gắng làm, bởi vì nuôi cái ý mang trống đến cửa nhà sấm mà đánh, may ra chọc tức được ai. Chẳng dè những người phụ-trách văn-hóa làm lơ, đến nay khi trình diễn môn nhạc võ Tây-Sơn, cũng y hệt như đời Nhạc, Huệ, Lữ, mà dụng dẫu quơ đó, không khiêng lên sân khấu nổi đủ bộ trống theo qui-tắc.

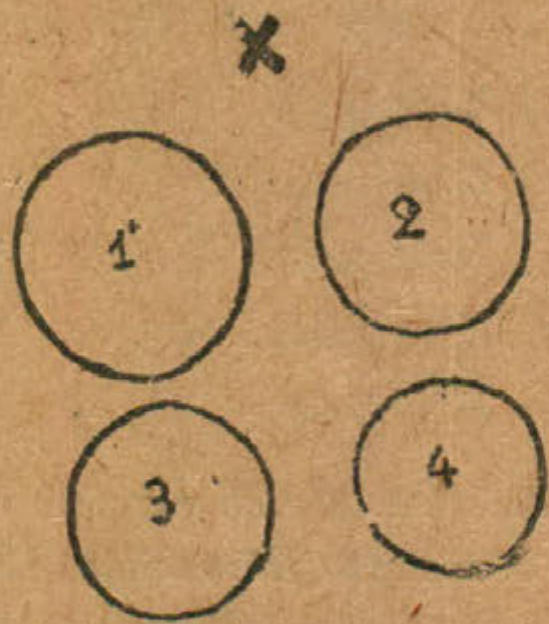
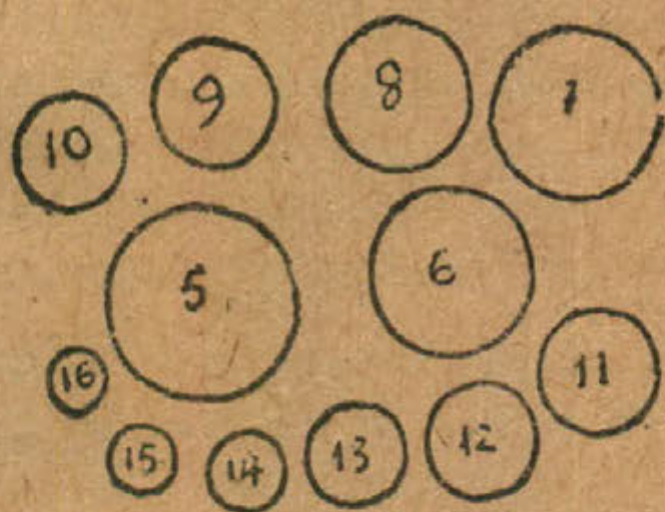
Bộ trống của Nhạc võ Tây-Sơn

Khi đã có rất nhiều cái trống, kích thước đủ hạng, từ trống chùa, trống đình, trống thầy pháp, trống bà bóng, trống trẻ nít chơi, thì người xưa lựa đúng 16 cái trống, mỗi cái phát ra một âm thanh đúng cao độ của 16 tiếng đờn tranh. Tức là có tất cả *Ba*

âm giai, mỗi âm giai có 5 âm. Chúng ta hãy tạm dùng những chữ của đờn tranh mà đặt tên cho mỗi cái trống.

Bốn cái trống có tiếng trầm hơn hết, tên là *Hò*, *Xừ*, *Xàng*, *Xề*, thì đặt sau lưng của nhạc công. Trống *Hò* (1), ngay sau gót trái, trống *Xừ* (2) ngay nơi gót mặt. Trống *Xàng* (3) ngay nơi cùi chỏ trái, trống *Xề* (4) ngay nơi cùi chỏ mặt. Bốn cái trống này không đánh bằng dùi, mà tác động bằng gót và cùi chỏ.

Trước mặt nhạc công, ngay nơi giữa, thì đặt hai cái trống *Cồng* (5) và *Liều* (6). Hai trống này đóng vai trò hai trống « âm » và « dương » của hát bội. Và có lẽ, trong giàn nhạc đầu tiên, hai trống này chính là hai cái trống của một gánh hát nào đó.



X chỗ đứng của người đánh trống và vị trí 16 cái trống.

Hắn đọc giả đề ý rằng, phía trên, năm theo vòng cung (theo hình vẽ) và nối theo trật tự là những trống *Xừ*, *Xàng*, *Xề* (7,8,9) và *Cồng* (10). Còn phía dưới, những cái trống nhỏ mặt hơn, và cũng năm nối theo trật tự là *Liều*, *Xừ*, *Xàng*, *Xề*, *Cồng* (11, 12, 13, 14, 15) và *Liều* (16) cũng bọc hai cái trống giữa, theo vòng cung.

Vị trí của những cái trống đã đặt như vậy, thì về mặt lý thuyết, sử dụng cái thuật « song thủ đá thập nhị cổ » (đánh bằng hai tay 12 cái trống) găm còn dễ hơn một cô thợ ký đánh máy, với « phương pháp mười ngón » mà đánh máy chữ lộp rộp vậy. Chỉ thuộc bài bản nằm lòng, đã biết mỗi chữ nằm nơi nào, cứ đánh vào đó là nghe thành bài bản ngay...

Trên lý thuyết là dễ, mà trong thực tiễn chưa hẳn vậy. Song trước khi bàn về cái thuật đánh trống, chúng ta nên nói qua về cái *Giàn nhạc đệm*.

Giàn nhạc đệm

Giàn nhạc đệm có vai trò vô cùng quan trọng.

Trong giàn nhạc này, có những *Tù* và làm bằng sừng trâu, mà ngày xưa nông dân ta, ít người không biết thổi. Số đông thổi *Tù* và hai âm. Có người thổi được ba và bốn âm. Công dụng của nó là đưa tiếng đi thật xa, và do bài bản mà hai hoặc ba âm ấy kết hợp lại, một cái lệnh được chuyển đi khắp vùng quê. Ai có sống ở ruộng rẫy, khuya ắt nghe tiếng *tù* và đánh thức dậy, gọi công

cây, công phát ra đồng, tụ hợp tại nơi nào, do đoàn thể nào tổ chức...

Trong Nhạc võ Tây-Sơn, tiếng tù và ra lệnh : Báo động, tập hợp, xuất quân, hãm thành v.v....

Sau tù và, quan trọng thuộc về phần của *Mõ*. *Mõ* thường làm bằng một khúc sừng trâu, cắt gần gốc sừng, và đánh bằng dùi. Vai trò của *mõ* là ghi nhịp trường canh, không giữ chắc nhịp, thì không thể đánh trống được. Khi phải nhịp, khi phải khoan, là do cái *mõ* này.

Sau tù và và *mõ*, thì đến những *Phèn la*, *Đờn*, *Chạp chĩa*, *Kèn*, vai trò giống như trong một giàn nhạc lễ. Những nhạc khí này thầy đều tấu ăn nhịp, theo nhịp tuần hườn. mỗi nhạc khí có cái *quận* của nó. Ngoài cái vai trò kỹ thuật đó, những nhạc khí này còn nung nấu tinh thần, cho nó sôi đến tột độ.

Chẳng có giàn nhạc đệm này, khó mà đánh trống cho ăn nhịp. Và chính là cái nhịp mới tác động đến ngay quả tim của thính giả, làm cho các quả tim đập theo tiếng trống, mà tinh thần thính giả bị lôi cuốn theo.

Bài bản của Nhạc võ Tây-Sơn

Tối hôm 08-12-1974, khi trình diễn cái gọi là « Nhạc võ Tây-Sơn » thì giàn nhạc đệm lại cho diễn những bài Lưu-Thủy đoản, Bình-Bán, Kim-Tiền Huế tuy cũng là bản xưa, song thuộc vào loại nhạc thính phòng, nhạc sân khấu cải lương, tức là loại « nhạc Văn ». Người không biết nhạc Việt thì không nói làm chi, song kể trong điệu

nghệ, buổi trình diễn nhạc võ, mà thường thức nhạc văn, thì chẳng khác chi được mời ăn cao lương mỹ vị, lại gặp một tiệc chay. Có thể ngon miệng, tùy theo miệng của mỗi người, song người khó tánh không khỏi nghĩ rằng mình vốn đi tìm thịt dê, mua phải dùi chó.

Từ khi triều Tây-Sơn tàn tạ, cho đến ngày nay, đã quá 170 năm, con cháu của công thần và tàn quân Tây-Sơn, hoặc bị khủng bố, hoặc vì mặc cảm sợ hãi, mà không dám rèn luyện những kỹ thuật của môn nhạc võ này. Nhiều bài bản chỉ nghe tên (như báo động, tụ dân...) thì mất hoàn toàn. Nhưng một học-giả kiêm nhạc-sư có thể lấy tinh thần đó mà sáng tác những bản nhạc, tuy không đúng với bản xưa, song cũng có đồng tinh thần ấy (Vả lại, người Nhật, trong môn trống Suwa, cũng làm như vậy). Còn giữ lại, xuyên qua trí nhớ do thầy dạy, nhạc-sĩ Nguyễn-Phong chỉ còn trình diễn được những bản sau đây :

1) *Khai trường*, tức là khi hội quân tại võ trường, vị thủ lĩnh tấu khúc nhạc này, để « khai trường diễn võ ».

..... Mất bài *Diễn võ*

2) *Xuất quân*

3) *Hành quân*

4) *Thúc quân*

5) *Hãm thành*

6) *Khải hoàn*

Mỗi bản đều có cái tinh thần của nó. Riêng bài *Hãm thành*, nếu trình diễn cho đúng nghệ thuật, phải chia ra làm ba lớp :

Lớp đầu, do một nhạc công đặc nhiệm. Đến cuối lớp, anh bị địch bắn một mũi tên, té nhào, nhưng biết rằng việc thôi động tinh thần chiến sĩ là do nơi giàn trống, nên trước khi chết, anh quăng hai dùi trống lên không. Một anh lính đồng đội nhảy lên cướp hai dùi trống trên không, và đánh lớp thứ hai. Địch lại hạ luôn anh thứ hai này. Anh cũng quăng luôn hai dùi trống như anh trước. Nhưng địch rút kinh nghiệm, cho hai tên cầm tử nhảy cướp dùi trống đi. Thì một chị nữ quân chẳng lẽ để tinh thần anh em tụt xuống, nhảy ra đánh lớp thứ ba với hai bàn tay mềm mại của mình, nhưng lột được tinh thần dũng cảm, khiến cho tất cả mọi người cố gắng mà thắng trận. (Mấy lần trình diễn, vì không đủ nhân sự, nên bài «Hãm thành» chỉ diễn có một lớp đầu mà thôi)

Vũ điệu theo Nhạc võ Tây-Sơn

Nhạc võ Tây-Sơn vốn là một nhạc võ, thì nếu có vũ điệu, cũng chớ nên đem những vũ điệu « văn » (như quay tơ, vũ hoa đăng,) mà ghép vào. Tại Bình Nghi, năm 1970, tôi có nhờ một số con gái nông dân, biết đánh đủ 18 món binh khí, để hòa điệu cùng một bài quyền Ngọc Trản (những em nào có cầm võ khí, thì hai chơn vũ đúng theo «bộ ngựa» của bài quyền này). Sở dĩ chúng tôi chọn bài « Ngọc Trản », vì khắp nước, ở đâu cũng có người biết bài quyền dân tộc này. Việc tập luyện, võ sư Nguyễn-Thọ đã thành công. Các em gái, dầu cho cầm đoản côn,

roi, siêu, song kiếm, chùy, búa v.v... vẫn theo bước của « bộ ngựa » Ngọc Trản mà tiến mà lui nhịp nhàng, coi khá hay. Tập luyện là một chuyện. Đưa ra trình diễn lại là một chuyện thứ hai, không thể vượt nổi. Năm nay, các em ấy vì sanh kế, vì đã lập gia đình, chắc khó tập hợp chúng lại. Nếu chúng ta muốn phục sinh Nhạc võ Tây-Sơn, chắc hẳn là phải hi sinh mà đào tạo lớp người khác.

Sự rèn luyện người đánh trống

Như trên đã nói, trên mặt lý thuyết, việc đánh trống thoát mới nghĩ xem ra còn dễ hơn là đánh máy chữ. Trên máy chữ, hai bàn tay phải làm hơn 50 tác động. Còn trong nhạc võ Tây-Sơn (phần chơn sử dụng bốn trống không đề cập đến, thì không nói làm chi), hai tay đánh chỉ 12 trống mà thôi. Đánh máy còn khó bốn lần hơn mà.

Nhưng mà sự thật không phải vậy.

Muốn đánh được trống Tây-Sơn trước nhất phải biết võ. Ít nữa một đường quyền cho *trình luyện*. Vì như theo chương trình của chúng tôi bàn với nhau, thì nên lấy hai bài Ngọc Trản và Lão Mai.

Phần thứ hai, khi khởi sự học võ có thể khởi sự ngay, là học *Khí công*. Vì đánh trống trận mau mệt hơn là đánh võ nữa. Phải hít vào phổi rất nhiều dưỡng khí, chứa vào đó, để mà sử dụng trọn cả *nhịp lớn* tức là gồm nhiều *quận* trong nhịp tuần hườn.

Phần thứ ba là *luyện thần* tập

trung tất cả tinh thần vào bản nhạc và khi đứng tấn trước giàn trống rồi, hít hơi vào phổi rồi, thì làm như các vị đạo sĩ tu thiền mà « luyện tinh hóa khí, luyện khí hóa thần » tai nghe giàn nhạc đệm mà thu lấy nhịp nhàng, rồi chuyển tất cả thần mình vào hai đùi trống, hoặc hai tay đề cho ra tiếng trống. Như vậy, mới « xuất thần » được.

Nếu ba phần nói trên làm xong, thì việc đứng trước giàn trống và cầm đùi trở nên dễ dàng... hơn là đánh máy chữ.

Một giàn Nhạc võ Tây-Sơn tại Saigon

Có thể nào huấn luyện và tổ chức một Giàn Nhạc võ Tây-Sơn ngay tại Saigon chăng ?

Tôi không dám đáp ngay rằng được. Bởi vì câu trả lời đòi hỏi quá nhiều yếu tố. Yếu tố thứ nhất đòi hỏi có một người « dẫn thân » để hoạt náo. Ví như kẻ già này, làm chi không nổi, song tạm cho là được đi.

Kế đến, cần một giàn nhạc đệm. Hãy khoan bàn đến nhạc khí, mà chỉ bàn về phương diện nhân sự mà thôi. Giàn nhạc này, tối thiểu phải có sáu tay nhạc, giỏi về *Nhịp tuần hườn*, để sử dụng kèn, mõ, chập chĩa, phèn la, đờn... và một số thổi tù và, cồng đồng cồng tốt. Phần này đòi hỏi gần 20 người.

Phần vũ, ít nhất phải tuyển được 18 thiếu nữ khá giỏi về võ thuật, khá đẹp, và mỗi cô sử dụng được một võ khí.

Đề đánh trống cho đủ bài bản,

phải có bốn nam hai nữ.

Kề luôn bộ phận tổ chức, trang trí, ấy là 50 người xông xáo vào nghệ thuật này.

Sau phần nhân sự, đến phần nhạc khí. Những món khác, thì dễ tạo ra, hoặc sẵn có trong thị trường, hoặc do những Mạnh Thường Quân biếu tặng. Khó tạo hơn cả, là có được một giàn trống 16 cái. Năm 1964 chúng tôi phải đặt thợ vào khu mát an ninh, để mua một cây mít lớn mà tiện dăm trống. Vấn đề khó thứ hai là tìm cho ra thợ bịt giỏi làm sao mà mỗi trống phát ra đúng tiếng của âm nhạc ta. Năm 1965, chúng tôi đã tạo được bộ trống gần như vậy. Nhưng mà đến nay, thời gian trôi qua, trống giũn thủng không đều, các âm căn bản đã sai chạy hết. Đánh đề mà coi chơi cái bộ tịch, nhưng nghe thì chẳng đúng bài bản gì cả.

Về phương diện kỹ thuật, không nên dùng những trống bịt chết vào dăm, mà phải có những trống có cơ quan để căng mặt trống tùy ý. Như vậy, trước khi đánh trống, phải sửa tiếng, chẳng khác chi đờn tranh « sửa dây » cho ăn vậy. 16 cái trống của bộ trống phải tốn bao nhiêu ? Không ai đáp lại cho câu hỏi này được.

Còn 49 thanh niên—trừ tôi ra—mà dám dẫn thân vào con đường này, liệu có tuyển mộ nổi chăng ? Liệu có những thiện chí, mà chúng có thể được cha mẹ cấp cơm áo để học bộ môn này chăng ? Kinh-nghiệm vào năm 1970, Hội Khổng-học Bình-Định, theo đề nghị của tôi, chủ

trương «mướn các em ở thôn quê» học Hát-bội, theo giá chúng nó đi làm thuê công cấy gặt. Hội đã thành công mà tạo ra được đoàn Hát bội Tây-Sơn tại xã Bình-Nghi, và có đem vào trình diễn ở Sài-gòn. Nhưng cũng có cái kinh nghiệm rất bi quan là tôi đã lãnh nhiệm-vụ đi «xin tiền» để phục sinh bộ-môn Hát-bội, thì ở Sài-gòn, chẳng ai cho một đồng ten.

Nhưng mà tôi không vội lấy kinh nghiệm đó mà chán nản

Một kế hoạch không không tưởng

Vì không bi quan, nên viết bài này nhờ đăng lên, đề gởi riêng cho ông bạn già tôi là anh Đỗ-văn-Rỡ, hiện đang làm Phụ-tá Văn-hóa. Nếu có cơ hội, anh bạn tôi sẽ tỉ-tê với những cấp trên của anh về cái lợi của dân-tộc đề «trao đổi văn-hóa» với mọi dân-tộc bạn. Mà ông Nhà-nước chỉ hy-sinh không phải tiền của ông Nhà-nước, mà tiền của dân đóng góp thành thuế, chỉ một lần để sắm nhạc khí, và rèn luyện 50 người đầu tiên lót đường, bằng cách cho chúng học bổng ăn học trong một niên-khóa, thêm vào đó, cái ưu quyền được xuất-ngoại *tự túc*, mà khỏi phải bị phiền lụy bó buộc vào qui-chế hiện-hành. Sau khi rèn luyện xong, tôi sẽ dẫn dắt đám trẻ ấy đi

biểu diễn khắp nơi, gom được một số tiền, mà tôi tin rằng sẽ khá to đủ cho chúng nó ăn học một năm. Rồi tôi gởi chúng nó ăn học nơi một xứ. Từ đó về sau, mỗi vụ hè, bốn tháng chúng nó tập hợp lại mà đi trình diễn, để có tiền học nữa. Nhạc khí sẽ do chúng nó tạo ra.

Còn nhạc khí của ông Nhà-nước cấp, tôi sẽ mang về xứ, rèn luyện một đợt 50 thanh niên nữa, để rồi gởi học ở một xứ khác. Cứ mỗi năm, chỉ cái bộ môn *Nhạc võ Tây-Sơn* này có thể đào tạo 50 nhân tài cho xứ sở, khỏi tốn một ten cơm cha áo mẹ, khỏi tốn một đồng ngoại-tệ nào của quốc-gia.

Ví như ông Nhà-nước không chấp nhận chi tiền, mà có tinh thần cởi mở, cho phép đoàn nghệ-sĩ của tôi lưu học thành tài ở xứ người, khỏi chui qua qui-chế hiện hành, thì tôi tin rằng sẽ có 50 Tú-tài, kết thành một «cộng-đồng nghệ-thuật» mỗi người chỉ góp độ một triệu bạc, để luyện Nhạc võ Tây-Sơn trong một năm, trả chi phí di chuyển, rồi học cho đến khi thành tài, năm bảy năm không hạn. Thật là *quá rẻ*.

Không tưởng hay là không không tưởng, chỉ tùy nơi sự sáng suốt của ông Nhà-nước.

HỒ-HỮU-TƯỜNG

QUẢNG CÁO BÁCH KHOA SỐ TẾT

Nhận cho tới ngày 10 - 1 - 75

Giá biểu gấp đôi số thường (xin xem giá biểu ở trang 2 của bìa Bách Khoa)

SOCIÉTÉ D'OXYGÈNE ET D'ACÉTYLÈNE D'EXTRÊME-ORIENT

(S. O. A. E. O.)

DIVISION VIETNAMIENNE :

2 Nguyễn-Trường-Tộ (Khánh-Hội) SAIGON

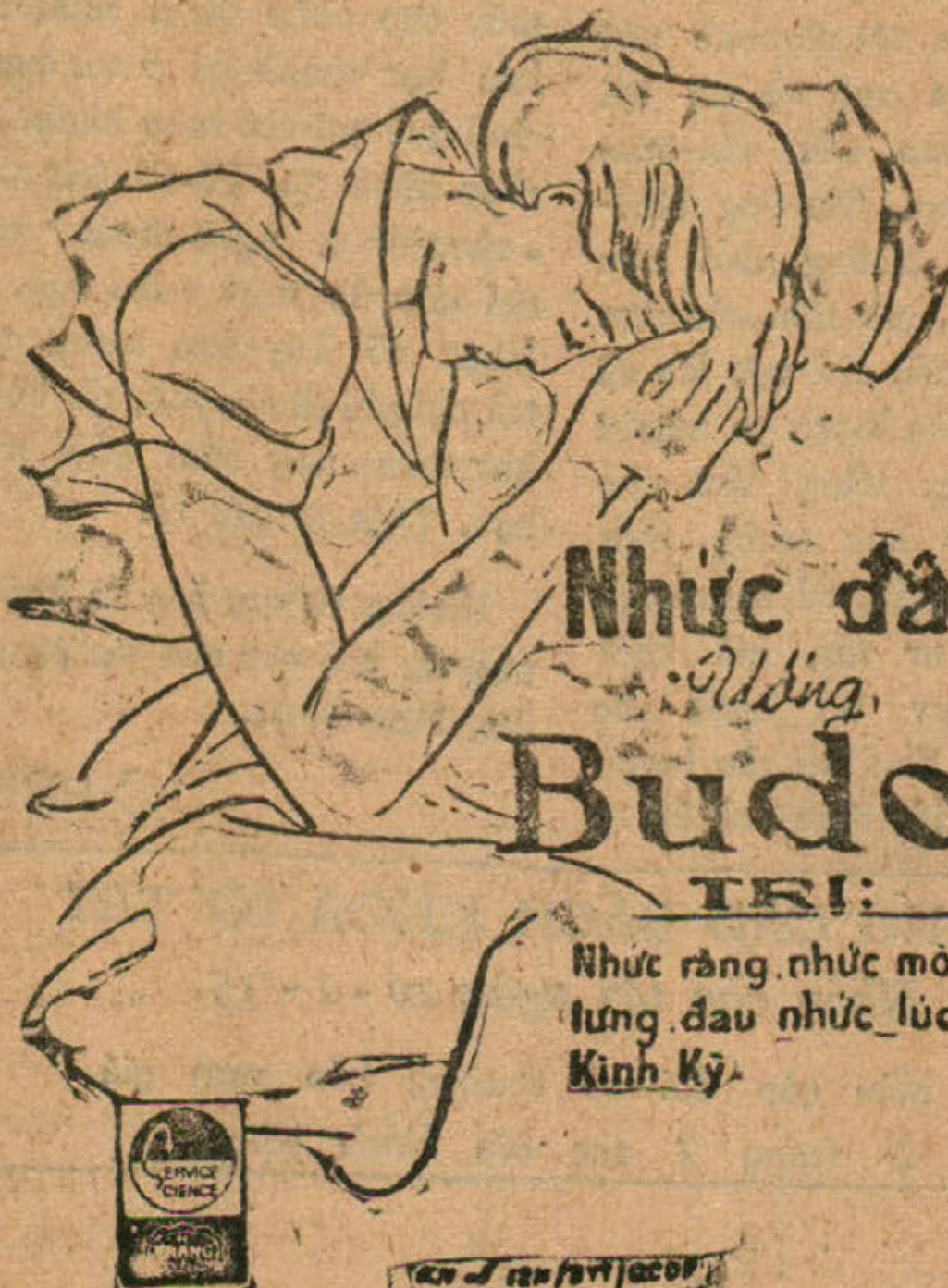
Tél : 21.266 - 21.273

Fabrication : OXYGÈNE — ACÉTYLÈNE GAZ — CARBONIQUE

Vente : HYDROGÈNE — AMMONIAQUE — CYCLOPROPANE
— PROTOXYDE D'AZOTE — ARGON etc...

Matériel pour soudures oxy-acétylénique et électrique
Installations de gazothérapie

NOTRE SERVICE TECHNIQUE D'APPLICATION EST À LA DISPOSITION
DE LA CLIENTÈLE POUR TOUTES ÉTUDES ET INSTALLATIONS



Nhức đầu.

Đông.

Budon

TRÍ:

Nhức răng, nhức môi, đau
lưng, đau nhức lúc có
Kinh Kỳ.

120 - 121/197/1907

Y-học Tần và Hán

Phát kiến dược liệu hữu hiệu

Tư-liệu đầu tiên trong lĩnh vực phương tễ mà ngày nay chỉ còn lại cái tên là tác phẩm của *Trường-Tang-Quân*, ra đời vào khoảng thế-kỷ thứ năm hay thứ sáu trước Công nguyên. *Biển-Thước* được mô tả là đã học nghệ thuật dùng thuốc trong sách này.

Vào thế-kỷ thứ hai trước TCGS, với *Thuần-Vu-Ý*, ta biết rằng họ Thuần đã học tập và đã giảng-dạy y-học dựa vào nhiều tài-liệu xử phương nhưng tất cả đều không còn dấu vết gì. Tuy nhiên, trong công-trình của *Lý-Trụ-Quốc*, xuất hiện năm Hà binh 2 đời vua Hán Thành đế (— 26), thấy liệt kê mười một bộ sách về dược phương, bao gồm 274 quyển, nghĩa là một con số khá lớn.

Bộ *Thần-Nông-Bản-Thảo-Kinh*, có lẽ viết vào lối thế-kỷ thứ nhất trước Công nguyên, thống-kê được tất cả 365 vị thuốc. Nếu chúng ta gạt bỏ những loại dược kê đến hai lần, thì còn lại 347 vị, bao gồm dược thảo, ngũ cốc, rau cải, trái cây, đại mộc, thú vật nuôi trong nhà, sâu bọ, cá, khoáng sản và kim loại. Nhưng nếu chúng ta gạt lọc cần thận hơn nữa, không kể đến những thứ vẫn được dùng trong đời sống hằng ngày hoặc những thứ không mấy giá-trị về dược-lý thì chúng ta có thể giữ lại

lại 200 dược liệu. Bộ *Bản-thảo* của *Trường-Trọng-Cảnh*, viết vào thế-kỷ thứ hai sau TCGS, có lối 170 vị thuốc. Hai hình ảnh này có thể cho chúng ta một ý niệm khá chính xác về số lượng phòng chừng những dược phẩm do giới y-sĩ sử dụng dưới thời Hán.

Phần *Bách-quan-chí* trong bộ *Tục-Hậu-Hán-Thư* ghi nhận trong quan-chế nhà Hán hai tước vị khác nhau, một chuyên về phương tễ và một chuyên về dược liệu. Từ đây ta có thể suy ra là sau thế-kỷ thứ nhất sau Công nguyên, hai nghệ thuật chữa bệnh và chế thuốc đã tách rời nhau, nói cách khác, bộ môn dược-khoa không những đã góp mặt mà còn bành-trướng mạnh vào thời ấy.

Những dược-liệu đặc dụng thuở bấy giờ phần lớn là những dược-liệu vừa phổ-thông vừa đơn giản, và được phát kiến do những kinh-nghiệm dùng thuốc của khối cư dân sống rải rác trong cương-vực Trung quốc. Về sau này, tuy rằng kho tàng dược-phẩm Trung-Y đã phát triển mạnh mẽ, với một số lượng vị thuốc nhiều gấp năm lần, nhưng nhìn chung, bộ *Thần-Nông Bản-Thảo* vẫn là trụ cột của phân môn bản-thảo-học.

Đóng vai trò dẫn đường trong đội-ngũ dược phẩm, ra quân đầu tiên trong cuộc chiến là những dược-

liệu gây nôn, tẩy xổ và hạ nhiệt, bởi đây là những vị thuốc tương đối dễ phát hiện và dễ sử dụng. Ngay từ thế kỷ thứ hai trước TCGS, Thuần Vu-Ý đã tỏ biệt tài thiên dụng các dược-liệu tẩy xổ và giảm nóng. Trương-Trọng-Cảnh cũng phát giác những thứ thuốc gây nôn và gây xổ.

Về thuốc hạ, y-giới lúc bấy giờ đã biết dùng Đại-hoàng (*Rheum officinale* Baill.) Mang tiêu (*Mirabilita*), Ba đậu (*Croton Tiglium* L.). Công-năng giảm sốt đã được phát-giác ở những vị như Cát (*Pueraria Thunbergiana* Benth.), Hoàng cầm (*Scutellaria baicalensis* Georg.), Tri mẫu (*Anemarrhena asphodeloides* Bunge), Quế chi (*Cinnamomum cassia* Bl), Ma hoàng (*Ephedra sinica* Stapf.) và Sài hồ (*Bupleurum falcatum* L.). Trong hàng ngũ các vị gây nôn, chúng ta thấy sự góp mặt của Qua để (*Cucumis Melo* L.) và Chi tử (*Gardenia florida* L.).

Ngày nay, khắp thế-giới đều dùng Đại-hoàng, Mang-tiêu, Ba-đậu và Ma-hoàng. Đại-hoàng từ Trung-Hoa du-nhập Âu-châu rất sớm, ở thế-kỷ thứ nhất trước Công-nguyên từ Thiềm-tây qua ngã Bokhara, do những thương-đội. Đến thời Trung-cô thì vị thuốc này trở thành khá phổ-thông và lúc bấy giờ rất được ái-mộ nên bán đắt như vàng. Mãi đến thế-kỷ XIX, Trung-Hoa vẫn còn là quốc-gia độc quyền xuất-cảng Đại-hoàng qua phương Tây. Ma-hoàng là một vị lương dược chữa suyễn. Tất cả những cống-hiến ấy là những món nợ lớn nặng mà y-học hiện-đại còn

mắc chịu Trung-Y.

Các thứ thuốc gây tê và an-thần đặc dụng dưới triều Hán là Phụ-tử (*Aconitum sinense* Paxt.) và Hạnh-nhân (*Prunus armeniaca* L.). Ngày nay, ta vẫn còn dùng Hạnh-nhân để chữa ho. Phụ tử đã góp mặt trong gia-đình Đông dược rất sớm, từ thế-kỷ thứ bảy trước Công-nguyên, nhưng vì đây là một vị thuốc đại-độc nên giới y-sĩ Trung-Hoa sử dụng rất cần-trọng, dưới nhiều danh-xưng khác biệt như Ô-đầu, Thiên-hùng, Thiên-chùy, Ô-đuế. Nay thì công-năng của nó liên-hệ đến thần-kinh đã được biết rõ.

Cũng phải kể thêm các loại thuốc lợi-tiêu như Phục-linh (*Pachyma Hoelen* Rumph.), Trạch-tả (*Alisma Plantago* L.) và Đinh-lich (*Draba nemorosa* L.). Hoàng liên (*Coptis Teeta* Wall.). Sinh khương (*Zingiber officinale* Roscoe), Cam thảo (*Glycyrrhiza glabra* L.), Thông bạch (*Allium fistulosum* L.) và Trần bì (*Aurantii nobilis Pericarpium*) đã được triệu dụng do công năng giúp vào sự tiêu hóa. Bạch đầu ông (*Anemone cernua* Thunb.) và Hoàng liên (*Coptis Teeta* Wall.) thường hiện diện trong các thang thuốc trị lý; Thục tất (*Orixa japonica* Thunb.) là thần dược trị sốt rét; Thủy ngân và Diêm-sinh đề bôi ghê. Tất cả những dược-liệu ấy đến nay vẫn còn đặc dụng.

Nhìn chung, người y-sĩ thời Tàn Hán có vẻ chỉ thích dùng các vị thuốc thổ-sản bản địa và không có nhiều thuốc men nhập cảng từ nước ngoài. mặc dầu thuốc bấy giờ quan hệ mật-

T*

dịch rất rộng rịp giữa Trung-Hoa và Triều-Tiên, Việt-Nam, Nhật-Bản, đế quốc La-mã, Thiên-Trúc (Ấn-Độ), Ba-tư. Riêng với Việt-Nam thì đương thời có lẽ người y-sĩ Trung-Hoa đã từng thu mua Quế, Xương bồ, Ý-di Đậu-khẩu, Sa-nhân mà tổ tiên ta đã biết dùng từ buổi quốc sơ Âu-Lạc.

Vào thế-kỷ thứ hai trước TCGS, thuốc được bào chế dưới nhiều dạng thể; thuốc phiến, thuốc thang, thuốc bột, thuốc hoàn và thuốc ngâm rượu. Thuốc phiến, thuốc thang chủ-yếu đặc dụng trong các chứng nội thương, thuốc bột dùng ngoài hay trong các bệnh thuộc tứ chi, thuốc hoàn thường là hình-thái phục được phổ-thông trong các chứng bệnh do phong, hàn và thuốc rượu được chỉ định khi cần phát tán hàn tà. Ngoài ra, cũng còn cần kể thêm một dạng thể dùng thuốc đặc-biệt do các đạo-sĩ chủ xướng, tức là đan dược, rất phổ-biến dưới đời Tần, càng phổ-biến hơn nữa dưới đời Hán, đến nỗi một chuyên-viên bào chế thuốc là Vương-Quân-Phòng đã tự tạo một gia-sản không lồ chỉ nhờ vào bán buôn đan dược! Từ đấy về sau, tất cả những loại thuốc bột màu đỏ đều có tên là « đan ».

Cuối cùng, vì tài-liệu ghi chép rằng sau khi mồ xẻ xong và khâu vá vết thương lại, Hoa-Đà, người chuyên viên thủ-thuật lừng danh thời Tam Quốc, đã dùng một thứ thuốc cao để bôi lên vết khâu, nên ta có thể kết luận rằng dạng thuốc này cũng đã được y-giới Tần Hán biết đến, ít nhất là dựa vào tiêu-sử Nguyên-Hóa tiên sinh.

Những Y-sĩ lớn thời Hán

● Thuần Vu Ý

Sinh vào cuối thế-kỷ thứ ba trước Công nguyên, quê quán vùng Lâm-Chuy, tỉnh Sơn-Đông, thường được gọi là *Thái Thương công*. Họ Thuần học y-thuật với Công-Tôn-Quang và Công-Thặng-Dương-Khánh rồi về sau chính mình trở thành y-sư, với các môn sinh như Tống-Ấp, Phùng-Tin, Cao-Kỳ, Đường-An, Đỗ-Tấn.

Bộ *Thương công truyện* ghi chép hai mươi lăm bệnh án, với sự xác-định thành khẩn rằng các bệnh-án ấy đã được thu-thập để cho hậu-thế có tài-liệu hữu phán-đoán xem chẩn đoán và mạch-học đã được áp-dụng đúng hay sai. Mỗi bệnh-án đều ghi rõ quán chỉ người bệnh, thời điểm khám bệnh, chứng trạng và được phương. Ảnh hưởng của đường lối thu-thập tư-liệu này vào đời sau rất sâu đậm, và tác-phẩm đã góp phần không nhỏ vào sự phát-triển của kỹ-thuật biên soạn bệnh án, nhất là tinh-thần khoa-học của tác-giả, không dấu diếm những lầm lỗi mình đã phạm phải trong lúc theo đuổi nghiệp y, là một tấm gương sáng. Trong số 25 ca được báo cáo, có đến 10 ca tử vong.

Có những đoạn đề-cập đến hỗn-loạn vị trường, sốt, làm kinh (trúng phong), nhiều trùng (*Oxyuris vermicularis*), bệnh thận; sâu răng, thổ huyết, ít sữa v.v.. Tuy nhiên, văn-từ sử-dụng rất khó hiểu, và giới nghiên cứu chỉ có thể lĩnh-hội nhiều đoạn do suy-luận.

Theo những bệnh-án của họ Thuần thì rượu và dâm là hai nguyên-nhân tử vong quan trọng nhất, và trong số 25 ca bệnh-lý được tường-trình, có đến 11 ca do tửu sắc mà y-giới đương thời quan-niệm là gây thiên-lệch các chức-năng nội-thê.

Phần lớn những trường-hợp đau ốm đã được điều-trị bằng dược-liệu, và đây là một điểm đặc-biệt, nếu chúng ta so-sánh với *Tổ-Vấn* và *Nạn-Kinh*, vốn có phần thiên về sử-dụng châm và cứu. Căn-cứ vào lẽ lối dùng thuốc, chúng ta ghi nhận có vẻ như các dược-phẩm tày xỏ rất được ái mộ, bằng-chứng là sự kiện đề cao những thang như *Hạ khí thang*, *Hỏa tễ thang*, và *Bán hạ hoàn*. Nếu kể từng vị riêng rẽ thì Lang-tảng (*Scopolia japonica* Max.) là thuốc giúp gia-tăng bài-tiết sữa, Nguyên-hoa (*Daphne genkwa* Sieb. et Zucc.) có công-năng trục sán lái, *Khô sâm thang* dùng súc miệng và các loại rượu khiến ra mồ-hôi.

● Trương-Trọng-Cảnh.

Người đất Nam-Dương, tỉnh Hồ-Nam, chào đời vào thế-kỷ thứ hai sau TCGS, do *Trương-Bá-Tồ* truyền-thụ nghiệp y, và trở thành một khuôn mặt chói lòa hào quang trong y-sứ Trung-Quốc, được người đương thời tôn-vinh là Y thánh, được hậu-thế xem là Hippocrate Trung-Hoa.

Những tác-phần của Trương-Trọng-Cảnh hiện còn truyền lại đến bây giờ là *Thương-Hàn-Luận* và *Kim-Quỹ Yếu-Lược*, hai pho sách y-học duy-nất thuộc thời cổ-đại may mắn

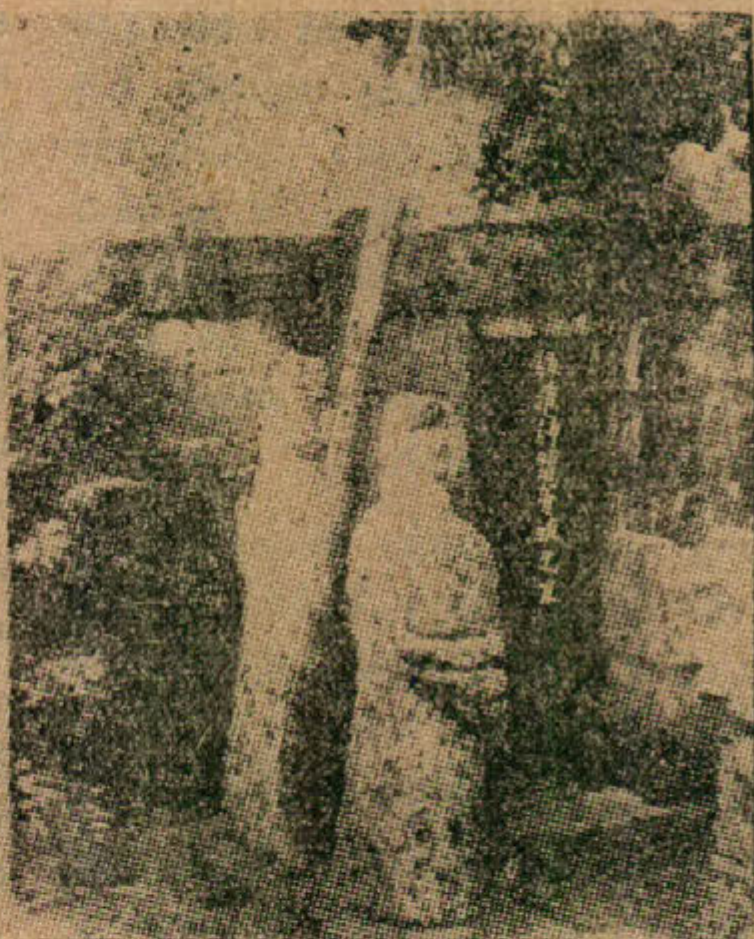
thoát khỏi những tàn-phá của thời-gian để đến với chúng ta nguyên vẹn. Đây cũng là những y-thư phổ biến nhất ở phương Đông, đã đóng trọn vai trò chỉ-đạo đối với người y-sĩ cổ, truyền qua thời-gian và không-gian cho mãi đến bây giờ, đã tỏa-chiếu một ảnh-hưởng mạnh-mẽ hơn bất cứ tư liệu y-học nào khác. *Thương-Hàn Luận* đề-cập đến các bệnh nhiễm trong khi *Kim-Quỹ Yếu-Lược* lấy đối-tượng khảo-cứu là các loại bệnh khác.

Trương-thị chia các chứng thương-hàn ra ba loại âm chứng và ba loại dương chứng, dựa vào mạch chầu cùng các triệu-chứng lâm sàng khác. Trên cơ-sở lục kinh chính bệnh ấy, họ Thương lại tế phân thành những nhóm bệnh-lý nhỏ, và đối với mỗi nhóm đều có mô tả chi-tiết triệu-chứng và trị-pháp. Chẳng hạn *Thái-dương kinh bệnh* thì người bệnh nhức đầu, nóng khắp người, mồ hôi ra nhiều, xương sống cứng đờn, mạch phù; trị liệu cơ-bản dùng thang *Quế chi*. Nhưng nếu cùng một bệnh-cảnh mà mồ-hôi ra rất ít, bệnh-nhân nôn mửa, khiến nghi hàn tà xâm-nhập, thì thang *Ma-hoàng* lại đặc-dụng. Trên một bình-diện khác, ảnh-hưởng ngoại-giới lên cơ-thể rất được coi trọng, nhất là tầm mức chi-phối của thời-tiết trong năm, đến nỗi một số bệnh-tật đã được đặt tên theo danh-xưng của bốn mùa: thương-hàn (do câu « Đông thương ư hàn »), thu-bệnh, xuân-ôn chẳng hạn.

Về trị-liệu, tổng-số thang phương trong *Thương-Hàn Luận* là 113 và trong *Kim-Quỹ* là 262, huy-động một đoàn-ngũ dược-hệu lối 170 loại. 113



Trương Trọng Cảnh khám xét một bệnh nhân (hình khắc trên đá)



Bia đá ở làng Hoa Đà

phương tễ của Thương-Hàn Luận được chia ra 12 nhóm, nhưng nhìn chung, trong điều-trị các chứng sốt, không thấy có nhiều thay-đổi các vị thuốc cấu-thành phương-tễ.

Đối với những trường-hợp cơ-thể quá suy nhược hay đang sốt nóng cao độ, các loại thuốc công tả mãnh-liệt bị gạt bỏ vì quá nguy-hiêm. Tuy vậy, có khi vẫn dùng mật ong hoặc sỏi mặt heo để hạ. Nhằm điều-trị những ca ngất xiu hoặc trong mục-đích giúp người bệnh hồi sinh, tác-giả Thương-Hàn-Luận kê toa nhiều vị thuốc kích-thích, như nhỏ Dơi-trấp (nước lá kiệu) hoặc thổi bột Tạo-giáp (quả bồ-kết) vào mũi. Khi có người tự-tử vì treo cổ, một số biện-pháp vận-động lồng ngực

được áp-dụng, khá gần gũi với phương-pháp hô-hấp nhân-tạo. Nếu bị ngộ độc thì những lượng nước lớn được bơm vào ống tiêu-hóa qua ngã thực-quản để tẩy rửa dạ-dày. Trương-Trọng-Cảnh cũng lưu-ý triều đình phải triệt-đề cấm bán buôn thịt các súc-vật chết vì dịch và các thức ăn ô nhiễm hay hư hỏng.

● Hoa Đà

Tự Nguyên-Hóa, cha đẻ bộ môn phẫu thuật, vốn người đất Tiểu ở Bái Quốc, hiện nay là vùng Tiểu Huyện tỉnh Giang-tô. Năm sinh của Hoa-Đà còn là một vấn-đề chưa thống-nhất. Có lẽ tiên-sinh chào đời dưới thời Vĩnh - Hòa, triều vua Thuận-đế nhà Hán (136-141 sau

TCGS), nhưng có phần chắc là Hoa-Đà sinh trong khoảng từ năm 112 đến năm 212 sau Công nguyên. Có tài-liệu khẳng-định hơn, xác-quyết rằng năm sinh của Hoa-Đà là năm 110 sau TCGS. Cũng theo tài-liệu ấy thì Hoa-Đà chết năm 207, do Tào-Tháo giết, vị nghi-ngờ vị danh-y có ý-định mưu-sát mình.

Trong Trung-y sử, Hoa-Đà giữ một vị-thế tôn quý, không những vì các cống-hiến chuyên-môn, vì các thủ-thuật nổi tiếng, mà còn vì tinh-thần « uy vũ bất năng khuất ».

Hậu-Hán-Thư chép: « Hoa-Đà rất thiện dụng dược phương, và thường chỉ dùng một số ít vị thuốc, với một liều lượng rất chính-xác. Châm cứu, tiên-sinh cũng chỉ dùng một số huyệt rất ít nhưng rất tinh-tế. Đối với những chứng bệnh nội-thê không chữa được bằng châm cứu, Hoa-Đà thường dùng thủ-thuật mổ xẻ để cắt bỏ các loại bướu, sau khi cho bệnh-nhân uống một thang thuốc gây mê (ma dược). Tương-tự như vậy, nếu là bệnh ruột hay dạ dày, tiên-sinh cắt bỏ những đoạn đau, tẩy rửa sạch, khâu vết thương và phủ lên một lớp cao. Trong vòng bốn, năm ngày vết thương lành miệng và khoảng một tháng thì người bệnh khỏi. »

Theo tinh-thần đoạn văn trên đây, Hoa-Đà có lẽ đã biết dùng thuốc mê và biết giải-phẫu bụng. Sách vở ghi chép rằng đại y-tôn đã mổ bụng hai lần và ba lần đánh thuốc mê. Tuy nhiên, giới nghiên-cứu nêu rất nhiều nghi-vấn đối với những sự kiện loại

này. Có tác-giả còn cho rằng có lẽ ngay đến tiều-sử Hoa-Đà cũng chỉ là sao chép lại những truyện tích truyền khẩu, kể cả những kỳ công như trực thai-nhi chết trong bụng mẹ, mổ bụng cắt nối ruột. Dầu sao đi nữa thì thiết-khai tử-cung về sản-khoa không phải là họa-hoãn trong những thời cổ-đại, và các nền văn-minh khác như Ấn-Độ, Babylon cũng có nói đến. Tuy nhiên, ta cũng khó tưởng-tượng rằng các thủ-thuật tinh-tế đã có thể tiến-hành được vào những thời xa xăm, vì thiếu thốn y-cụ. Có lẽ Hoa-Đà đã tiến-hành được một vài thủ-thuật như tẩy nạo vết thương thương-chỉ cho Quan-Vũ, hoặc khoan xương sọ cho Tào-Tháo như ngoại-sử chép trong Tam Quốc Chí. Và ngay cả các trường-hợp ấy có thể cũng chỉ là những liệu-pháp châm-thuật kèm thêm một số thủ-thuật giải-phẫu tương-đối ít phức-tạp. Và chẳng, khoan sọ vốn là một tác-vụ phẫu-thuật đã được biết đến từ những thời cổ-đại, và về sau, đã trở thành thông-dụng trong điều-trị một vài thê-loại chứng mù, dầu là ở Hy-lạp với Hippocrate hay là ở Ấn-Độ với Jivaka, người y-sĩ tương-lai của Phật-tồ. Cho nên có thuyết cho rằng đây có lẽ là âm-hưởng của một thủ-thuật Tây-trúc vang dội vào y-học Trung-Hoa, qua trung-gian mai-mối của đạo Phật.

Tất cả những tác-phẩm do chính Hoa-Đà trước tác đều thất truyền từ lâu. *Trung Tạng Kinh* và *Nội Chiếu Pháp* gán cho vị danh-y, đều không phải do chất xám của Nguyên-Hóa thai nghén.

Các đồ-đệ của Hoa-Đà là Ngô-Phổ, Lý-Đương-Chi và Phàn A. Hai người trước đã sáng tác những sách vở về dược-liệu-học, người thứ ba chuyên về châm cứu. Họ đều là những đại mộc trong rừng hạnh.

Thư - tịch

Khi Lý-Trụ-Quốc liệt kê các sách vở về y-học vào năm 26 trước TC-GS, họ Lý đan cử bảy bộ: *Hoàng-Đế Nội Kinh Ngoại Kinh*, *Biên-Thước Nội Kinh Ngoại Kinh*, *Bạch-Thị Nội Kinh Ngoại Kinh* và *Bàng Thiên*. Tất cả những tư liệu ấy đều thất truyền, nhưng đoạn văn sau đây rút từ Hán Thư Văn-Nghệ-Chí có thể cho chúng ta một ý-niệm khá rõ rệt về chúng: "Những kinh-diễn về y-lý gồm các sách nói đến huyết mạch, âm dương, nội ngoại nhân-tổ gây bệnh, cùng những tài liệu về chữa trị bệnh tật" Như vậy, ta cũng có thể phỏng đoán nội dung các pho sách bị mất cũng không khác nội dung hai cuốn *Tổ-Vấn* và *Nạn Kinh* còn truyền đến bây giờ.

Cũng còn phải kể thêm bộ *Kinh-Phương* chuyên đề cập đến phương tề và dược liệu. Có những thang thuốc dành cho chứng tý, chứng sán, chứng đản, sốt và hỗn-loạn nội tạng, vài thể bệnh thần-kinh, bệnh phụ-nữ và nhi đồng. Ngoài ra còn có những phần như *Thái-Thủy-Hoàng Đế Biên Thước Du-Phụ (1) Phương*, *Thang Dịch Kinh-Pháp*, và *Thần-Nông Hoàng-Đế Thực Cấm*. *Kinh Phương* còn có một số thiên bản về phòng the và thuật trường sanh bất tử.

Tất cả những thư tịch này đều

chào đời trước năm 26 trước Công nguyên, và phần lớn nếu không là tất cả được khắc trên thẻ tre hay thẻ gỗ. Cuối đời Hán, khi thẻ kỷ thứ ba sau TCGS bắt đầu, chắc chắn là vốn liếng sách vở phải rất phong phú nhưng đến nay, chỉ còn lại hai bộ *Thương-Hàn-Luận* và *Kim Quỹ Yếu Lược* của Trương Trọng Cảnh.

Hành-xử y-nghiệp

Trong hệ-thống tổ-chức xã-hội phong-kiến, người thầy thuốc thường chỉ giữ một chỗ đứng tương-đối khiêm tốn. Trên bậc thang quan-chế thời xưa, những đẳng-trật dành cho y-sĩ thường chỉ vào hàng lục, thất phẩm. Nhưng vì ốm đau và chết chóc vốn vẫn là mối đe dọa và kinh-hoàng của muôn thuở và mọi người — nhất là đối với những người cầm quyền bính — cho nên những lúc "sóng gió bất kỳ", người lương-y vẫn là đối-tượng của các phương-pháp huy-động cưỡng-bách từ tầng-lớp cai-trị.

Ngay từ năm 168 trước TCGS, *Chào Thác* đã ghi nhận rằng "thời xưa, khi chuẩn-bị thôn tính một lãnh-thò, hai hạng phù-thủy và y-sĩ đều bị trưng-tập để đảm-trách phần vụ chữa-trị bệnh-tật cho quần-chúng".

Nhất là khi xã-hội chuyển từ hình-thái săn bắn, hái lượm, du mục sang hình-thái nông-nghiệp, định-cư thì vai trò của người y-sĩ đối với cộng-đồng càng quan-trọng gấp bội, do cơn ác-mộng của những trận dịch tế khủng-khiếp, vốn là sản-phẩm bất-đắc-dĩ của cuộc sống tập-trung. Vì

(1) *Du-Phụ* là một y-sĩ tương truyền sống đồng thời với Hoàng-Đế.

vậy, nhiều biện-pháp đã được qui-định để bảo-vệ chủ-yếu là vua quan và phần nào là đám lễ thứ. Chẳng hạn, mỗi năm, vào dịp xuân về, thường có tập-tục tế lễ, để nguyện-cầu cho quốc thái dân an, với sự tham-dự đông-đảo của giới vu nghiễn và giới y dược, bên cạnh những đạo đồng ăn mặc sắc sỡ. Số đạo đồng này có khi lên đến 120 trẻ. Đến năm 109 sau TCGS, số lượng ấy giảm-thiểu còn 60.

Vào khoảng cuối thế-kỷ thứ hai sau Công nguyên, năm trận dịch tàn-khốc liên-tiếp nở-bùng trên đất Hán. Lưu-Hoàng — tức vua Hán Linh-đế (168-198 sau CN) — trưng-dụng nhiều y-sĩ để tổ-chức những đoàn y-tế công cộng, luân phiên đi đến các vùng dịch, nhất là vào những năm 171, 173 và 179 sau TCGS. Y-sĩ phục-vụ trong các đoàn này dưới hình-thức cung-cấp lực dịch, tương-tự như người tá-diễn phải đóng điền-tô. Tuy nhiên, những biện-pháp y-tế công-cộng ấy không thỏa-mãn nhu-cầu yểm-trợ y-vụ cho quần-chúng. Trương-Giác hiểu rõ điều này cho nên, khi vào năm 182 sau TCGS, có dịch phát khởi thì họ Trương tổ-chức ngay một đoàn chuyên-viên quân dân y để sung vào đội ngũ Thái-Bình Đạo-Giáo. Phụ-hội thuyết thần quái của bọn phương-sĩ, lợi dụng lòng dễ tin của đám quần-chúng đương thời, Trương-Giác vừa chữa bệnh bằng thuốc, vừa sử dụng bùa pháp trấn yểm, vừa niệm thần chú hô thần sai quỷ. Theo cách ấy, họ Trương đã thu-phục được lòng tin

của đa-số nông-dân để lôi cuốn tầng lớp này vào những cuộc nổi dậy thực rầm-rộ.

Đời Hán một số tiến-bộ về mặt kỹ-thuật vệ-sinh đã đạt được. Chẳng hạn trong lĩnh-vực tiêu-hủy phế vật, người đương thời đã biết xây những nhà tiêu gia-đình. Về vệ-sinh thân-thể thì những thiết-bị dành cho việc tắm rửa khá tiến-bộ, ví dụ các bồn tắm, thùng tắm...

Y-thuật được giảng dạy theo lối tập-nghệ trực-tiếp, có khi là cha truyền con nối, nhưng thường thì qua chế-độ môn phái, cứ mỗi y-sĩ thành-đạt thì lại đào-tạo một số môn-sinh, rồi số môn-sinh này, khi đã rành nghề, lại đến lượt mình lo huấn-luyện thêm một số đệ-tử khác. Xuyên qua tiểu-sử của ba nhà đại y-tôn thời Hán, ta có thể thấy được khá rõ nét bóng dáng phương-thức đào luyện y-sĩ, tập huấn y-học.

Thường thì nghề thuốc là một nghề riêng biệt, gần như không có những y-sĩ nghiệp dư, do nơi tính-cách nặng nhọc của y-vụ. Nói cách khác, lương-y coi nghề của mình là phương-tiện mưu-sinh chủ-yếu, nếu không là duy-nhất. Nhưng sự kiện y-sĩ kiêm dược-sĩ thì lại rất phổ-biến, và có lẽ trong cuộc sống hằng ngày, đối với khá đông môn-đệ Hiên Kỳ, bông lộc kiếm được do tài cao minh của y-thuật đôi khi không lớn hơn lợi nhuận thu góp qua lời lãi trong khi buôn thuốc!

Thời Hậu Hán (25—57 SCN), Hồ Công một khuôn mặt rất quen thuộc

của tập thể đau ốm lúc bấy giờ, thường mang theo mình một cái hồ lô đựng thuốc để khám bệnh xong là bán luôn thuốc. Vì vậy, trong những thế hệ sau, thành ngữ «huyền hồ» nghĩa là treo hồ, treo bầu, trở nên đồng-nghĩa với theo đuôi nghiệp y. Tóm lại, dưới thời Tần Hán y-học và dược học lên hệ cực kỳ chặt chẽ.

Nếu đối với tầng lớp vua quan, người thầy thuốc không được tôn trọng mấy thì trái lại, người lương-y luôn luôn được sự mến chuộng, ưu ái, ngưỡng mộ của đại chúng. Theo nguyên tắc, khám bệnh thì phải trả tiền. Nhưng nhiều lương y đã chữa bệnh miễn phí, chẳng hạn trường hợp nổi tiếng của *Đổng-Phụng* Vốn đặt rất nặng thái độ từ ái trong nghiệp y, họ *Đổng* đã chữa trị không biết bao nhiêu bệnh-nhân mà không bắt họ chịu một phí tổn nào. Đề ghi ơn người thầy thuốc rất xứng với bốn chữ «cứu nhân độ thế» ấy, mỗi thân chủ của tiên-sinh, sau khi được chữa khỏi, nếu bệnh nhẹ thì trồng chung quanh nhà người ân một cây hạnh, nếu bệnh nặng thì trồng năm cây. Chẳng bao lâu nơi cư-trú của người lương-y chìm trong một rừng hạnh bát ngát (hạnh lâm). Từ đấy bản huyền sử ca «*Lư Sơn Hạnh Lâm*» còn dội mãi âm hưởng trong lòng người qua dòng thời gian.

Những lại viên chuyên về y-thuật phục vụ nơi triều đình gọi là *Thị y*, Người *Thị Y* của Tần Thủy Hoàng Đế là *Hạ Vô Thư*. Theo sử-liệu, *Kinh Kha*, sau khi vĩnh biệt các thân

hữu trong cảnh «phong tiêu tiêu hồ Dịch thủy hàn», tìm cách vào yết-kiến được kẻ sáng lập triều Tần thì *Hạ vô Thư*, với túi dược phẩm trong tay, đang có mặt giữa đám cận thần của viên bạo chúa.

Thị Y lắm khi bị đối xử một cách khinh bạc, trái ngược với tư thế của người lương-y trong môi-trường quần chúng. Năm 195 trước TCGS, khi *Lưu-Bang* bị thương vì một mũi tên bay lạc, Hoàng-hậu là *Lã-Trĩ* đề-nghị mời y-sĩ, nhưng họ *Lưu* huênh hoang tuyên-bố rằng «số mệnh ta ở trong tay Thượng-Đế», rằng «ngay cả *Biền-Thước* tái-sinh cũng không làm được việc gì», và nhà vua từ-chối mọi trị-pháp. Vua *Hòa-Đế* nhà Hán không tin rằng thầy thuốc có thể bắt mạch. Khi *Hoa-Đà* không chịu xu-phụ *Tào-Tháo*, thì kẻ gian-hùng này gọi chung y-giới là một đàn chuột và mưu giết *Hoa-Đà* một cách hèn-hạ.

Nhìn chung, và như đã nói ở trên, người thầy thuốc chỉ được xã-hội phong-kiến dành cho một chỗ ngồi tầm thường và có khi họ còn phải chống đối lại thế-lực của giai-cấp vọng-tộc cầm quyền.

Dưới đời Tần Hán không có trường y-khoa. Y-sĩ của triều-đình là do các chức quan lệnh đề-cử. Năm *Vinh-Quang* thứ nhất (43 trước TCGS) đã có tuyển-chọn nhân-tài để phục-vụ bộ máy công-quyền và trong số được chọn, có cả y-sĩ. Năm *Nguyên-thủy* 5 (5 sau TCGS), có sắc-chỉ ban-hành nhằm tuyển-trạch

người có khả-năng về y-thuật và dược-học.

Con số ngự-y nhiều khi lên rất cao, tỷ-lệ với lối sống ưu du hưởng lạc nơi cung khuyết. Theo quan-chế nhà Hán căn-cứ vào bộ Hậu Hán Thư (25-219 sau Công-nguyên) thì chức quan đầu triều về y-khoa — *Thái Y Lệnh* — có dưới quyền hai viên phụ-tá, một về dược-khoa gọi là *Dược Thừa* và một về phương-tễ gọi là *Phương Thừa*, cùng với một đội ngũ 293 y-sĩ và 19 thư lại hành-chánh.

oOo

Dinh-Chính và Lưu-Bang đã khai-trương hai triều-đại, một ngắn-ngủi, một lâu-dài, và cả hai triều-đại đã có những đóng góp quan-trọng cho khoa-học chữa bệnh cứu người.

Trước nhà Tần, y-học pha-tạp với thần bí. Sau nhà Hán, y-học thoát khỏi mê cung của pháp thuật.

Trong quá-trình phát-triển của y-học, nếu chúng ta so-sánh hai giai-đoạn, một tiền-Tần và một hậu-Hán thì hai giai-đoạn ấy có thể được xem như hai bức tranh tương-phản đậm nét, như một quá-trình vận-động từ bóng tối ra ánh sáng. Nếu ở thời Tần và nhất là lưỡng-Hán con người dám vùng lên với tất cả tầm vóc lớn lao đề đập tan uy-lực của thần quyền và giải phóng cho y-học, đưa y-học thoát khỏi nhà ngục của huyền-thoại bí-hiêm, kinh nghiệm thô-sơ thì ngược lại, trước đó có đôi ba thế-kỷ, cái bóng đen ám-đạm và mê hoặc của

yêu pháp, bí-thuật còn trùm lên mọi đường hướng tư duy, mọi hành động xử trí trong cuộc chiến chống lại bệnh tật, trùm lên như một định mệnh hải hùng, và mọi biểu hiện sơ đẳng nhất của ốm đau đều được xem là không biết từ đâu đến.

Thời kỳ Tần Hán là lưỡi dao mổ sắc bén tách rời dứt khoát giới y dược khỏi giới vu nghiễn, là mũi đục xương sắt thép bóc tĩa cái vè thần bí khỏi cái lõi tiến bộ của y-khoa, là đềm giao thừa của thời-đại tư duy khoa học trong y-thuật.

Ngày sinh ra những tên họ như Trương-Trọng-Cảnh, như L'huần-Vu Ý ở trên đời cũng là ngày sinh ra những cây đòn xeo, đòn bẩy mạnh mẽ của thời kỳ cổ đại, những đòn bẩy kích dựng một lẽ lối suy nghiệm mới trong y khoa, những đòn bẩy phá sập các bức tường rêu phong lưu cửu của dĩ-vãng huyền hoặc. Tố Vấn, Thương Hàn Luận là những tư liệu cơ bản, đứng vô song trong kho tàng sách vở của Trung y, những tư liệu mà các vòng ngân vang hưởng còn dội mãi trong không gian và qua thời gian.

Trên tất cả những cống hiến đó của hai triều Tần Hán, hình thành một cái dàn phóng vững chắc đề cho chiếc hỏa tiễn Trung Y vượt lên và lao đi, vượt lên mãi và lao đi hoài...

TRẦN VĂN TÍCH

(Trích từ cuốn « *Lược khảo Lịch sử Y học Trung Hoa* » sẽ xuất bản)

Ngôn ngữ Việt-Nam *trước ngã tư quốc-tế*

C. — Bây giờ đến lượt ngôn-ngữ Việt-nam tiếp xúc với ngôn ngữ Nhật, Anh, Mỹ...

Giai đoạn khởi sự từ cuối trận đệ-nhị thế chiến, quân Nhật đồn-trú chiếm đóng Đông-Dương. Những tiếng Nhật-bản: Hay, Anata, Watakusi, Arigato, Daizobu, Dame, Kudasai Deco, Coco, Yoto, Yotonai... xâm-nhập ngôn-ngữ Việt-nam, do trung-gian của các bà « Me Nhật ». Một số người Việt-nam làm ăn buôn bán, sử dụng các tiếng đó như tiếng Việt-nam: chẳng khác các tiếng Pardon, Vous, Moi, Toi, Elle, Lui., trước đây, khi Pháp-ngữ còn trong buổi thịnh thời... Nhưng vì thời gian ngắn ngủi, nên các tiếng đó không kịp mọc rễ trong ngôn-ngữ Việt-nam. Và khi quân đội Thiên-Hoàng thất trận rút về các hòn đảo Phú-tang, thì những tiếng Anata, Watakusi... cũng sớm trôi vào dĩ vãng.

Ngoại trừ đối với các học sinh, sinh viên, có theo học ngoại ngữ đàng-hoàng, còn thì tiếng Anh, Mỹ, được giới thiệu ra mắt công chúng, kể từ thời kỳ này.

Thế hệ chúng tôi (ngày nay từ 45 tuổi trở lên), không thể dễ quên những biểu ngữ dăng ngang các đường phố chính Hà-nội, để chuẩn bị đón tiếp các phái đoàn ngoại-

Quốc. Trong số có biểu-ngữ câu trên là tiếng Việt, câu dưới là tiếng Anh, được sắp xếp trên dưới như sau :

« Việt-nam độc lập muôn năm, »

« Viet Nam to the Vietnamese »

Người Việt-nam hài hước, đọc thành thơ lục bát :

« Việt-nam độc lập muôn năm, »

« Việt-nam to thế, Việt-nam mẹ sề... »

Về sau, quân đội Hoa-kỳ sang Việt-nam, nhất là từ năm 1966, chúng ta lại có cơ-hội chứng-kiến ngoại-ngữ này xâm-nhập ngôn-ngữ Việt-nam hơn bao giờ hết, mau hơn cả tiếng Pháp xưa kia. Người Việt-nam không gọi là tiếng Anh, mà gọi là tiếng Mỹ. (Mà cứ kể ra, thì tiếng Mỹ cũng khác tiếng Anh thực...)

Chữ Okay, viết tắt là OK mà một số người đã biết từ trước, phải nói là chỉ thịnh-hành trong ngôn-ngữ Việt-nam kể từ năm 1966. Không những Okay; mà còn Okay Salem, kèm theo màn chót là : You, number one, hay You, number ten, tùy theo trường hợp : (Du, nam-bờ-oăn, — Du, nam-bờ-ten...) Nếu giải-thích cho rõ ngọn-ngành, bình-phâm về xuất xứ, bản luận về bối-cảnh, danh từ đã thoát thai như thế nào, sử,

dụng ra sao, bao giờ và thoát đầu bởi những thành phần tầng lớp nào trong xã hội, thì đây quả là một vết thương lòng, si nhục. Nhưng mà thôi, « cuộc vui gây khúc đoạn trường mà chi ? ». Và chẳng, nguyên thủy chữ Okay có gì là xấu đâu ? Nó tượng trưng cho sự xấu, chỉ vì ở Việt-nam, nó đã chào đời và được sử dụng buổi đầu trong những hoàn cảnh xấu...

(Chữ OK bắt nguồn từ chữ All Correct, nghĩa là rất đúng, « đồng ý » « được chấp nhận ».. Nhưng người viết hoặc vì không biết, hoặc vì có tâm hồn văn-nghệ « văn gừng » bay bướm làm sao đó, nên thay vì viết tắt là AC, thì lại viết OK như khi đọc chữ All correct vậy).

Các chú lính Hoa-kỳ, gọi là G.I. (Government issued) được các « chị em ta » kêu gào đúng, là Di-ai, vì không biết uốn lưỡi. Và chữ Saigon ti (Saigon tea), không một anh G. I. nào không biết.

— *Du bay hia, nè du ơi !* (Mua đây đi, anh. You buy here)

— *Du đã là may hót bần mà đến khi tao có bê bi hia thì du lại đi dốt cát với con đi ấy hả ?* (Anh đã là chồng tôi, đến khi tôi có con trong cái bụng này, thì anh lại đi mèo chó với nó hả ? My husband, baby here, dog, cat).

Có bà « Me Mỹ » còn hách hơn các bà « Me Tây » một bậc :

— *Goét phóc mi sâm mi-nít may sán* (đợi tao vài phút đi con ; Wait

for me some minutes, my son...)

Bây giờ, chúng ta hãy nghe các « chị em ta » chào đón khách GI :

— *Câm hia, câm tí tí...* (Come here, come... Vào chơi một tí đi !)

Khiến chú GI cao hứng nhận lời, « Okay », — hoặc chán-chường từ-khước, nhưng vẫn xã-giao hứa-hẹn buổi tao-phùng :

— *Tí-tí câm bắc...* (Come back... Tí nữa sẽ trở lại !)

Tiếng « si-ke » bắt nguồn từ chữ skag, là bạch-phiến. Có người lại cho bắt nguồn từ chữ smoke là hút, gọi tắt chữ đầu và âm cuối thành « ske » hay « si-ke ».

Chữ « tốp » là do chữ stop, là ngừng lại, đứng lại.

Chữ « mat » do chữ mad là điên điên, gàn gàn, dở dở, khùng khùng, hình như nay trở nên rất hợp thời-trang...

Ngoài ra những bà con Việt-Kiều của ta sống tại Cambodia, quen mồm gọi những ai có chức-phận, địa-vị (dù là người Việt-Nam), là các « lục », nghĩa là quan lớn. Về phần các bà con Việt-kiều của ta sống tại Ai-lao, dùng quen những chữ « bù mi, bù chắc, sừ-sừ... » (không có, không biết, đại-khái...) như tiếng Việt-Nam vậy.

Ngược lại, những chữ, những tiếng Việt-Nam, như « con gái », « cái nhà », « cái phen », « mau lên », « chít khăn », « cái áo »... đều đã xâm-nhập ngôn-ngữ Pháp. Không những ngôn-ngữ, mà còn được ghi trong từ-điển. Chữ « ném », « chả giò » được thông-dụng ở Nam-vang và Vạn-tượng...

Những món ăn Việt-Nam như « phở », « mỳ xào », « nem », « chả giò », « cá kho tiêu »... được ghi nguyên-văn trong các thực-đơn, không những tại các nhà hàng, các bữa họp mặt trong giới « sành điệu », mà cả nhân những bữa tiệc lớn, hoàng-thân quốc-thích, ở nhiều nước Phi-châu..

oOo

Qua các chuyện kể trên (mà nếu dụng công sưu-tầm nghiên-cứu, thì kho-tàng này còn phong-phú nhiều hơn nữa), chúng ta nhận thấy ngôn-ngữ Việt-Nam góp phần vào ngôn-ngữ ngoại-quốc cũng có, nhưng ngôn-ngữ Việt-Nam thụ-ân ngôn-ngữ ngoại-quốc thì nhiều khôn xiết kể. Có những vụ thụ-ân mà ta phải tri-ân : đó là trường-hợp những danh-từ ngoại-quốc, một khi đi vào ngôn-ngữ Việt-Nam, tức thì khiến ngôn-ngữ Việt-Nam thêm duyên-dáng, dỗi-dào, và khả-ái. Đa-số trường-hợp này là từ văn-chương Trung-Hoa, từ ngôn-ngữ Trung-Hoa, vì đây là nguồn cung-cấp thích-đáng nhất. Hai nước ở gần nhau, có văn-hóa giống nhau ; hai tính-tình có thể nói là đôi khi tương-đồng, thường khi bổ-túc ; hai ngôn-ngữ lại có chung đặc-điểm là cùng đơn-thanh, độc-âm, vì cùng có một số dấu nặng nhẹ như nhau... Sau đó, là tiếng Pháp, Mỹ, Anh, mà chúng ta chịu nhiều ảnh-hưởng, qua những cuộc tiếp-xúc có sắp-xếp, ngẫu-nhiên, hay miễn-cưỡng... Nhưng cũng có những vụ « thụ-ân » mà sau đó, ngồi suy-ngẫm triền-miên, chúng ta không khỏi bực mình, khó chịu. Đó là trường-hợp

những danh-từ ngoại-quốc đã xâm-nhập ngôn-ngữ Việt-Nam một cách hỗn-xược, bằng những ngả cửa hông hay cửa sau, thiếu khang-trang, mỹ-thuật và thoải-mái...

...Nói về phiên dịch từ ngoại-ngữ sang Việt-ngữ (để làm giàu cho kho tàng Việt-ngữ) : phải dịch cho đúng, không được dịch sai hay tối nghĩa. Cũng không nên quá lập-dị, nặng-nề, như có người dịch cái máy đánh chữ là « đả tự khí », hay thư ký đánh máy là « đả tự viên » ; nhà soạn kịch thì cứ gọi là nhà soạn kịch, nếu có muốn văn-chương thì gọi là tác-kịch-gia, chớ không thề kêu là « kịch-tác-gia ». Chữ này có nghĩa là làm một cái gì đó, thực kịch-liệt...

Tôi không quên có lần chứng-kiến hai người Cambodia nói chuyện với nhau. Bằng tiếng Cambodia, nhưng cứ thỉnh-thoảng lại chêm vào một vài tiếng Pháp, hay rất nhiều tiếng Pháp thì đúng hơn. Bà vợ của một trong hai người lại là người Pháp. Bà ta nghe thấy chướng tai, bảo chồng :

— Thế sao mình không nói tiếng Cambodia cả, hay tiếng Pháp cả cho xong chuyện, có được không ? Ai nấy đều hiểu. Retour de France, Faculté, Ecole des Eaux et Forêts, Conscience professionnelle ?...

Rồi bà quay sang hỏi tôi :

— Thế khi các anh, Việt-Nam, nói chuyện, có cần phải cầu cứu đến tiếng Pháp nhiều như vậy không ?

Tôi trả lời :

— Không... Có lẽ tiếng Việt-Nam

không giàu có lắm, nhưng cũng không đến nỗi thiếu-thốn... Du học tại Pháp, Trường Đại-học, Trường Thủy-lâm, lương tâm chức-nghiệp..

Bà bạn tôi khôi-hài, nói, nửa đùa nửa thực :

— Có lẽ tại ở Cambodia không có conscience professionnelle... Vì vậy mà không có chữ đề diễn-tả...

Câu chuyện tuy đơn-giản, không đâu, nhưng cũng đủ khiến cho chúng ta suy-ngẫm.

Phần riêng tôi, xin thú thực, thật khờ-tâm khi phải nghe hai người Việt-nam nói chuyện với nhau, mà cứ chêm vào đó quá nhiều tiếng ngoại-ngữ xét ra không cần thiết; lại khờ-tâm hơn nữa khi phải nghe hai người Việt-nam nói chuyện với nhau mà hoàn toàn dùng ngoại-ngữ. Vì thực ra, ngôn-ngữ Việt-nam đâu có đến nỗi nghèo nàn đến vậy.. Cỗ-nhân thường nói : « con không chê cha mẹ khó... » Mà ví như ngôn-ngữ Việt-nam có nghèo-nàn thiếu-thốn, thì chính bần-phận chúng ta là phải làm sao cho mỗi ngày thêm phong-phú...

Ngôn-ngữ của một dân-tộc, của một quốc-gia, là một cái gì thực thiêng-liêng, sống-động. Có những tiếng, những chữ, sinh ra đời, được thông-dụng trong một thời gian, rồi sau bị đào-thải, chết đi vì biến mất hẳn trên « thị trường chữ-nghĩa ». Ngoài ra, một ngôn-ngữ xâm-nhập một ngôn-ngữ khác cũng là nhẽ rất thường, nhất là trong trường-hợp các nước láng-giềng. Hơn nữa, ngày nay thế-giới tuy to mà vẫn nhỏ, rộng

mà vẫn hẹp, giao-thông di-chuyên tiến bộ trở nên giản-dị dễ-dàng... Có những chữ Pháp, như Premier (đề chỉ chức-vụ Thủ-tướng), Chargé d'Affaires (Đại-lý), Monsieur, Madame, Mademoiselle, R.S.V.P.... được cả thế-giới biết và dùng, không những dùng mà còn cho đó như một nhãn-hiệu của tánh-chất quốc-tế. Có những chữ Anh, Mỹ, như Weekend, Show, Slow, Speed, Stop, In' Out, Parking, Self-service... được trà-trộn vào bất-cứ ngôn-ngữ nào trên thế-giới. Nước Đức và nước Pháp trong thời-gian ngắn-ngủi một góc thế-kỷ đã lâm-chiến tới hai lần. Ấy thế mà tại Pháp, chữ Đức « Was ist das » (cái gì đó ?) là chỉ cái cửa tò-vò nhỏ phía trước nhà, để người đứng bên trong nhìn và hỏi khách tới, trước khi mở cửa lớn đón mới vào. Sự-kiện chứng-tỏ nỗi lo-ngại của người đứng bên trong. Danh-từ này, các kiến-trúc sư Pháp đều biết. Tại Việt-Nam, chúng ta cũng có dùng mà không biết xuất-xứ.

Nếu vậy, thì cái gì dở, trong hiện-tại, phải chấm dứt; trong tương-lai, phải né tránh. Cái gì hay, phải duy-trì, tiếp-tục, tài-bồi. Đó là một đề-tài rộng lớn và cao xa, vượt ra ngoài và lên trên khuôn-khò buổi nói chuyện chiều nay. Tôi chỉ mạn phép nêu vấn-đề, mà không dám đào sâu vấn-đề thuộc thẩm-quyền và kiến-thức của các nhà chuyên-môn, hữu-trách.

Ngôn-ngữ ví như một tấm lụa, hay súc gấm, có thể vẽ hình thêu hoa. Ta không thể đang tâm đề

những hình vẽ kém thanh-tao in trên lụa ; những bông hoa vô-duyên, tầm-thường, thêu trên gấm. Ngôn-ngữ cũng ví như một công-viên rộng lớn, với các thảm hoa chiếu cỏ, duyên dáng, mỹ-miệu, đầy hương sắc. Chúng ta hãy cố gắng, « các y kỳ phận », trở nên những người làm vườn có lương-tâm chức-nghệp : xin hãy dáng làm sao để nhờ những cỏ dại, giết những con sâu, và đi mua thêm hạt giống tốt để trồng thêm hoa mới, hoa quý, hoa lạ, hương sắc vẹn toàn... Với những tên đẹp tỳ-dụ như Dã-Hạc, Bạch-Hạc, Hoàng - Hạc, Phi - Hạc, Hồ - Điệp, Thiên-Nga, Uyên-Uơng... Đó là tên những bông hoa phong-lan bất-tử... Và nếu : « Chơi hoa hồ dễ mấy người biết hoa ? », thì tiếng nói là linh-hồn quốc-gia, là tinh-thần dân-tộc. Phải làm sao để linh-hồn đó được thanh-tao, tinh-thần kia tinh-khiết.

Hơn một tiếng đồng-hồ đã trôi qua : chúng ta đã cùng thưởng-thức một số khá nhiều tỳ-dụ và giai-thoại. Tuy nhiên, thiên-nghĩ đó mới chỉ là một phần rất nhỏ : chắc-chắn còn một số rất lớn khác mà quý vị đều nhận thấy. Xin quý vị hãy ra công tìm-kiếm, lựa-chọn, ghi-nhận, để thấy rằng công-cuộc thật lý-thú và bờ-ích.

Dầu sao, sự-kiện hiển-nhiên là tiếng Việt-Nam văn-hoa thoát-thai từ tiếng Trung-Hoa (80% tiếng Việt văn-chương là bắt nguồn từ Hán-tự), ngày nay đã trưởng-thành và trở thành quốc-ngữ, có lịch-sử, có tiến bộ, có văn-phạm, có mực thước,

thực tình vi duyên-dáng. Mà ngôn-ngữ nước nào, dân nào, thì cũng phải bắt nguồn từ ở một khởi điểm nào.

Điều mà tôi muốn đặc biệt, nhiệt thành trình bày và tâm sự hôm nay sau một cuộc nắm vòng tay lớn để cùng du-lịch dưới vòm trời ngôn-ngữ, là : làm dân một nước nhỏ, trải qua biết bao nhiêu biến cố, thăng trầm và thử thách, người Việt nam đã biết tự thích nghi với hoàn cảnh, tiếng Việt-nam luôn luôn phải thêm bớt, biến cải để đáp ứng với nhu-cầu. Có những chữ, những tiếng ngoại-quốc, được *nhập cảng vội vàng* để rồi sẽ bị *quên đi cũng vội vàng* không kém ; tôi tin chắc rằng một tình trạng như thế không thường xảy ra ở những nước lớn, hay những nước không thường bị đô-hộ hay dòm ngó.

Nhưng điểm sót sa không phải là ở đó. Mà sót-sa là vì có một số người, tuy có học-vấn kiến thức mà lại thiếu cái căn-bản quốc-hồn.

Trừ các trường-hợp khôi hài để chế diễu đả phá chính và ngay những điều những chữ mình vừa nói, vừa dùng, không kể, còn thì chắc quý vị cũng như tôi chúng ta làm sao có thể tán thành thán phục những con người tự mãn tự hào, khi ở trong gia đình với người thân hay ra ngoài với bạn bè, nói chuyện mà lại chỉ dùng một thứ ngôn ngữ xa lạ nào đó, không phải là tiếng nói của bà mẹ hiền Việt-nam ru con còn nằm ở trong nôi, hay chêm quá nhiều chữ ngoại ngữ không cần thiết vào câu chuyện : dường như

đề cho ai nấy biết rằng mình thuộc vào cái giai cấp mệnh danh là thượng lưu, văn hóa ! Trong khi đáng lý ra, đảm nhận vai trò chuyển tiếp giữa quá khứ và tương lai, bọn phận của chúng ta là phải biết đón nhận cái di sản ngôn ngữ của tiền nhân để lại, cố gắng làm sao cho ngày ngày thêm phong phú dồi dào, để truyền lại cho các thế hệ sau.

Nói như vậy, không có nghĩa là chúng ta sao-lãng hay « tầy-chay » ngoại-ngữ. Ngoại-ngữ là những khung cửa rộng hấp-thu khí trời và ánh nắng, khiến cho những bồn cây chậu cảnh trong nhà được thêm nở ngành xanh ngọn. *Ngoại-ngữ phải được coi như phương-tiện ; ngoại-ngữ không thể được coi như cứu-cánh.*

Đối với chúng ta, ngoại-ngữ chỉ có giá-trị và trở nên bồi-ích, nếu đối ngoại, nó giúp chúng ta trau-dồi thêm trí-thức ; đối-nội, nó giúp chúng ta phục-vụ văn-chương và ngôn-ngữ của quê-hương. Và người công-dân Việt-Nam xứng-đáng với danh-từ và danh-dự ấy, trước hết là phải biết viết chữ và nói tiếng Việt

Nam, thanh-tao, lưu-loát và thuần-túy.

oOo

Lời nói của nhà văn-hào Nguyễn-Văn-Vĩnh : « Nước ta sau này hay dở là ở chữ quốc-ngữ » còn văng-vẳng bên tai. Và đề kết-thúc buổi nói chuyện, tôi xin được mượn câu sau đây của Lương-Khải-Siêu, là một nhà chánh-khách kiêm văn-nhân thời-danh Trung-Quốc hồi đầu thế-kỷ : « Dục diệt nhân chi quốc giả, tiên diệt kỳ ngôn-ngữ văn-tự ». Xin tạm dịch : Muốn giết chết dân một nước, thì trước hết hãy giết chết tiếng nói của dân nước đó.

Và tôi thiên nghĩ : có hai cách giết chết tiếng nói. Bóp mạnh cho chết ngay ; hay bóp nhẹ cho chết từ từ, nghĩa là làm cho dần dần kém tinh-khiết, bớt thanh-tao. Vì mặc dù không chết hay chưa chết, nhưng một ngôn-ngữ thiếu tinh-khiết, kém thanh-tao, chỉ có thể là một ngôn-ngữ bệnh-hoạn và sa đọa.

PHẠM-TRỌNG NHÂN

Tháng 11-1974

Tác phẩm thứ ba của một tác giả quen thuộc, với những biểu hiện trách nhiệm đáng quan tâm nhất hiện nay :

NHỮNG CƠN MƯA MÙA ĐÔNG

Truyện dài của LỮ QUỲNH

NAM GIAO xuất bản

Đã phát hành trên toàn quốc

Thế lực dầu lửa

III.— Sự thức tỉnh của các nước sản xuất dầu

Như đã trình bày ở đoạn trước, ngoại trừ Canada, Hoa-kỳ..., có thể huy động tư-bản cơ hữu để tự khai thác các đồng dầu của mình, hầu hết các nước có dầu đều phải nhờ vào phương tiện và kỹ thuật của các Công-ty dầu ngoại quốc.

Đối với những nước tự đứng ra khai thác dầu của mình, vấn đề đặt ra có lẽ chỉ giới hạn trong tương quan quyền lợi của các nhóm tư-bản, đưa đến sự cần thiết phải có một chánh sách khai thác rõ rệt, tránh hậu quả phí phạm và xáo trộn nhất là trong kỹ-thuật đào giếng và địa hạt tiếp thị.

Tại Hoa-kỳ chẳng hạn, số các giếng được đào gia tăng kỷ lục và khi chưa được phối hợp, các Công-ty được cấp đặc nhượng ở một khoảng đất nào thì cho đào nát vùng ven ranh tiếp giáp với lô lân cận, để khai thác tối đa đồng dầu có thể ăn lan sang lô kế bên ở dưới lòng đất trước khi cho đào vùng trung tâm lô của mình (1). Mặt khác, dầu sản xuất nội xứ, giá thành có thể cao hơn dầu nhập cảng từ Trung Đông, nếu không có biện-pháp dung hòa về giá cả, thì hoạt động sản xuất dầu nội xứ sẽ đương nhiên bị bóp nghẹt.

Vấn đề được đặt ra khác hơn tại các nước không thể tự đảm trách

việc khai thác dầu của mình. Ưu thế hiển nhiên của các Đại Công-ty dầu, nhất là đã được tổ chức thành *cartel*, ở ạt áp đảo về tư-bản, về kỹ-thuật, về nhân-sự... khiến vị thế của các nước cấp đặc nhượng khai thác dầu hầu như vô nghĩa.

Tuy nhiên, những diễn biến trên thế-giới những năm gần đây cho thấy các nước có dầu đang cố ngoi đầu dậy, giành lấy quyền kiểm soát trong kỹ nghệ dầu và do đó, đang hình thành một căn-bản tương quan khác biệt giữa các nước sản xuất dầu và các Đại Công-ty dầu với những hậu thuẫn chánh trị vững mạnh ở đằng sau.

Thật vậy, khi thương lượng về những điều-kiện đặc-nhượng ở buổi đầu, mỗi nước đều bị đặt vào một tình-trạng riêng biệt và hầu hết thì, nếu không là một nước bị trị như Iraq, Syria... dưới sự kềm hẹp của Đế-quốc Thổ, thì cũng đặt dưới ách thống trị của các cường quốc Âu-châu; một vài nước, nhất là các Tiểu-quốc Á Rập lại thuộc cơ-cấu phong-kiến, sống bên lề nền kinh-tế tân-tiến và giới lãnh đạo Vua quan còn di chuyển bằng lừa bao quanh bởi đoàn lính hộ vệ chạy bộ, tay vác những khẩu súng trường đại thườn thợt, chẳng có một ý-niệm

(1) Jean Marie Chevalier, *Le nouvel enjeu pétrolier* Paris: Calmann Levy, 1973.

gi về các kho tàng dầu lửa đang nằm dưới lòng sa-mạc thuộc lãnh-địa của mình. Công-sản quốc-gia, ngoài ra, lại được đồng hóa với sản-nghiệp riêng tư của các Ông Hoàng.

Không như tại Iraq, Iran, Bahrain, Kuwait thuộc vùng ảnh hưởng của người Anh, đã một phần nào quen thuộc với lề lối làm việc ăn ở của người Tây phương. Khi các Công-ty dầu đến hoạt động tại Á-Rập Saudi, chỉ có thành phố duy nhất là Jeddah nằm gần một hải-cảng là có tiếp xúc với bên ngoài. Đa số dân chúng sống trên đất sa-mạc, hoặc du mục, hoặc tập trung tại các khoảng đất rải rác có giếng nước, có lùm cây chà là, hầu như chưa bao giờ được thấy người ngoại quốc.

Để làm dịu bớt tình trạng căng thẳng và những va chạm tâm lý trong buổi đầu tiếp xúc với người Á-Rập, các nhà địa-chất học Hoa-kỳ giúp việc Standard Oil Company of California đã phải để râu và mặc áo dài như người Á-Rập, khi bắt tay vào việc thăm dò địa-chất tìm dầu.

Ngoài ra, Á-Rập Saudi lúc đó chỉ có nguồn lợi tức chánh yếu dựa vào sanh hoạt của hai Thánh-địa Hồi-giáo là Mecca và Medina, nơi mà hằng năm tín đồ Hồi-giáo các nước trên thế-giới đến thực hiện Hồi-giáo điều và thụ nhận giáo-phẩm *Haji* tại đây. Những năm đệ-nhứt thế-chiến, số người Hồi-giáo đến Mecca bị sụt giảm nhiều, trong khi đó, Quốc-vương Á-Rập Saudi lại đang cần tiền thêm để phân phối cho các bộ lạc đang đối nghịch nhau, để đánh đổi lấy sự

trung thành đối với Quốc-vương và duy trì hòa bình trong nước.

Các Công-ty dầu quốc tế dĩ nhiên phải hiểu rõ hơn ai hết những nhược điểm của các nước đang nằm chủ quyền lý-thuyết trên các mỏ dầu, để có thể xoay trở hưởng lợi, kể cả thủ đoạn tạo nên hoặc giúp củng cố địa-vị những nhân vật lãnh-đạo sẵn sàng hợp tác. Hoàn cảnh mỗi nước mỗi khác nên tánh chất áp đảo của các Công-ty dầu cũng mỗi nơi mỗi khác nhau.

Đọc lại những văn-kiện đặc-nhượng nguyên khởi do các Vua Ông Hoàng Á-Rập ký, người ta không lấy chi làm ngạc nhiên khi nhận thấy, về nội dung, những điều cam kết của người Á-Rập nhiều hơn là nghĩa vụ ràng buộc bên thụ-hưởng quyền đặc-nhượng. Cam kết thường được nhấn mạnh hơn cả là cam kết dành độc quyền cho Công-ty đặc-nhượng và sẽ không được thương lượng với một cá nhân, tổ chức nào khác, về hoạt động thăm dò khai thác dầu trên lãnh thổ, nếu cá nhân hay tổ chức đó — như trường hợp Kuwait, Ba-tur,.. — không do Chánh phủ Anh tiến cử.

Trong đặc-nhượng cấp cho William Knox D'Arcy, trong buổi đầu, Ba-tur hầu như chẳng được hưởng gì cả, kể cả thuế.

Danh-hiệu của các Công-ty có mang chữ quốc-gia có mỏ dầu nhưng thật sự chỉ có quyền-lợi tư-bản ngoại-quốc mà thôi. Điều 8 Thỏa-hiệp San Reno 1920 giữa người Anh và Pháp có quy-định rõ khi một Công-ty tư được

thành lập để khai thác dầu tại Mesopotamia (sau này là Iraq) thì Chánh-phủ bản xứ hoặc các quyền lợi bản-xứ sẽ được tham dự tối đa 20% phần hùn trong Công-ty. Nhưng trên thực tế, khi thương lượng với *Turkish Petroleum Company* thiết lập *Iraq Petroleum Company*, Chánh-phủ Iraq xin được hưởng điều-khoản trên thì không được chấp thuận viên lẽ Thỏa-hiệp với các Công-ty Hoa-kỳ vừa tham dự *Iraq Petroleum Company* không có điều khoản này. Sau đó, trong cuộc thương-lượng 1924-25 về đặc-nhượng của *Iraq Petroleum Company*, Iraq bắt buộc phải chấp nhận giải pháp đánh thuế theo tấn dầu thô sản xuất thay vì có phần hùn vào Công-ty.

Trong những điều-kiện kể trên, thề-thức được áp dụng thường là thề-thức đặc-nhượng tổng quát, có giá trị cho cả việc khai thác lẫn sản-xuất và có thể bao trùm, như trường hợp Ba-Tur, toàn lãnh thổ một nước. Nhờ đó, các Công-ty thụ-nhượng sẽ khỏi phải phiền hà vì sự hiện diện của một nhóm tư-bản khác có thể xen vào cạnh tranh, nhưng đồng thời, đó cũng là thiệt thòi cho nước cấp đặc-nhượng, bởi lẽ do phương tiện kỹ-thuật giới hạn, Công-ty dầu liên-hệ chỉ thật sự khai thác được một phần mà thôi.

Lại nữa, thời hạn đặc-nhượng thường rất dài, có thể từ 60 năm đến 75, 90 năm là thường, vị thế độc quyền của Công-ty thụ nhượng càng được củng cố thêm.

Ngoài ra, văn-kiện ban cấp đặc

nhượng còn có thể quy định quy chế riêng biệt đối với tài sản, nhân viên của Công-ty, chẳng hạn như miễn thuế quan cho các vật dụng nhập nội, miễn thuế lợi-tức v.v... nói tóm lại là những đặc quyền cộng thêm những cơ sở kiến trúc quy mô được xây dựng với đầy đủ tiện nghi vật chất theo tiêu-chuẩn Tây-phương tạo thành những khu vực biệt lập, trái ngược hẳn với hoàn cảnh sống của người bình dân bên ngoài.

Những khu vực biệt lập kể trên lần hồi rất có thể biến thành một quốc gia trong quốc gia, và là cứ-điểm xuất phát mọi vận dụng xoay trục chánh trường của quốc gia liên hệ, dựa vào những thủ đoạn mua chuộc những nhân vật lãnh đạo không kèm hãm nôi trước những miếng mồi vật chất.

Mặc dầu có sẵn những ưu thế đó các Đại Công-ty bao giờ cũng tỏ ra dè dặt và luôn luôn giữ kín, không cho phổ biến ra ngoài nội dung các Thỏa-ước khai thác dầu, một là để tạo điều-kiện hưởng lợi tối đa trong cuộc thương-nghị, hai là e các nước đã ký kết sẽ dựa vào đó mà suy bi yếu sách thêm.

Những đòi hỏi này dĩ nhiên sẽ làm thiệt thòi quyền lợi của Công-ty dầu, nên khó mà được đáp ứng nếu không có hậu thuẫn chánh-trị mạnh mẽ hoặc biến-cố lớn lao. Ngoài ra, quốc gia có dầu còn có thể bị đặt vào thế kẹt, như năm 1948, chẳng hạn đề trả đũa vụ Palestine. Liên-đoàn Á-Rập đã biểu quyết chống lại việc xuất cảng dầu lửa Trung-Đông

qua lãnh địa Do-Thái, kẻ thù chung của người Á-Rập. Iraq đã thi hành quyết nghị bằng cách cắt đứt ống dẫn dầu từ giếng *Kirkuk* đến nhà máy lọc dầu rất lớn tại Haifa thuộc Do-Thái, phải hy sinh quyền lợi tài chính rất quan trọng và về sau, phải tốn kém rất nhiều để đặt một hệ-thống ống dẫn dầu khác chạy qua Iraq và Syria hoàn toàn trên lãnh thổ Á-Rập. Nhưng Á-Rập Saudi, trái lại, đã không làm như Iraq và đã lập luận rằng Iraq và Syria là hai xứ nông nghiệp, còn Á-Rập Saudi không có gì cả ngoài các đồng dầu, nên bất chước theo thì chỉ có nghĩa là tự diệt.

Vị thế không thuận lợi cho sự nhứt trí hành động giữa các nước có dầu càng củng cố thêm uy thế của các Công-ty dầu.

Tuy nhiên, quốc-gia có dầu có lợi khí sắc bén nhứt là biện-pháp quốc-hữu-hóa và trường-hợp Mexico đã là một bài học kinh-nghiệm của quốc-gia có dầu.

Hiến-pháp Mexico ban hành năm 1917, tuyên bố các khoáng-sản thuộc sở hữu của quốc-gia, trong khi đó, như trường-hợp Doheny đã được trình bày ở đoạn trước và một số Công-ty dầu, trước đó, đã mua đất của các địa-chủ bao gồm cả phần tài-nguyên nằm dưới mặt đất. Do đó, các Công-ty dầu đã phản đối mãnh liệt, đột ngột cho hồi hương chuyên viên, khiến sản lượng dầu năm 1922 là 180 triệu thùng, 4 năm sau chỉ còn phân nửa, năm 1930 chỉ còn 8 tấn dầu.

Về phía người Mexico, nhân công các Công-ty dầu đã tổ chức nổi lên yêu sách về lương bổng, gây nên những khó khăn trầm trọng cho hoạt động các Công-ty dầu.

Năm 1938, biện pháp truất-hữu được ban hành các Công-ty dầu được Chánh-phủ Mexico bồi thường thiệt hại.

Trong 25 năm, tài nguyên dầu lửa Mexico bị phá vỡ, cả tỷ thước khối hơi đốt bị phí phạm, các giếng dầu giảm áp-suất nhanh chóng do lẽ lối khai thác cầu thả, khiến dầu vẫn còn trên các đồng dầu nhưng phải ngưng khai thác vì quá tốn kém.

Để thay thế các Công-ty dầu ngoại quốc, Chánh-phủ Mexico thiết lập *Petróleos Mexicanos* (PEMEX) đứng ra quản trị việc khai thác dầu của mình.

Các Công-ty dầu bèn rút các chuyên viên nòng cốt cuối cùng và tầy chay dầu thô Mexico, khiến PEMEX phải lâm vào tình trạng nguy khốn, nhưng lần hội đã thuê dụng được một số chuyên viên mới, kế đệ-nhiệm thể-chiến bùng nổ, nhu cầu dầu lửa gia tăng, việc tầy chay dầu Mexico thành dang dở.

Trong cuộc tranh chấp kể trên, các Công-ty đã chủ trương cứng rắn quyết liệt, dựa vào quyền tư hữu do các văn-tự đoạn mại của các địa-chủ địa-phương, đồng thời, kể công trong việc xây cất các thành phố, cải tiến đời sống công nhân Mexico. Tuy nhiên, lập luận danh thép kể trên lần đầu tiên đã phải đội ngược trở lại trước thành trì kiên cố của chủ quyền quốc gia có đồng dầu. Trên

thực tế, thắng lợi của Mexico không hẳn chỉ dựa vào căn bản vững mạnh của chính quyền ; thắng lợi đó, còn do nhược điểm của các Công-ty dầu quốc-tế, vì tranh giành quyền lợi, không thể liên kết được với các nhóm tư-bản dầu lửa khác.

Kinh-nghiệm của Mexico đã khiến các Công-ty dầu chấp nhận một thái độ dung hòa hơn tại Venezuela lúc đó do 2 Đại Công-ty *Royal, Dutch Shell* và *Standard Oil of New Jersey* và một Công-ty liên thuộc *Gulf* chế ngự.

Đặc nhượng trước hết chỉ quy định Công-ty khi tìm được dầu sẽ trả 10% thuế trên trị giá sản lượng. Vào năm 1943, đạo luật dầu lửa được ban hành, quy định giấy phép thăm dò tìm dầu chỉ có giá trị 3 năm mà thôi và đặc-nhượng khai thác thì chỉ có thể được cấp đến 40 năm, mỗi đặc nhượng không quá 5 cây số vuông. Những quy định này giúp Chánh-phủ Venezuela bẻ gãy độc quyền dầu lửa và cho những Công-ty mới đến những khoảng đất thừa được giao hoàn. Ngoài ra, còn điều-kiện buộc các Công-ty dầu phải lọc dầu tại Venezuela để thúc đẩy kỹ-nghệ-hóa xứ sở.

Quan trọng hơn hết là vấn đề thuế-khóa : tiền mướn đất được gia tăng gấp 4 lần đối với năm 1922, tỷ lệ thuế từ 1/10 lên 1/6, Công-ty dầu lại còn bị đánh thuế lợi-tức theo bách-phân lũy-tiến và sau khi trả các khoản thuế, phần còn lại của Công-ty, nếu vẫn còn trội hơn phần đã trả cho ngân-quỹ quốc-gia thì sẽ phải chia

phần thừa này làm hai, quốc-gia hưởng một nửa, Công-ty dầu hưởng một nửa.

Nguyên-tắc chia lời 50/50 này về sau đặt thành tiêu chuẩn chung trong tương quan quyền lợi giữa quốc-gia có đồng dầu và Công-ty khai thác dầu.

Sau đệ-nhị thế-chiến, Venezuela lo ngại về những tiến bộ nhanh chóng trong hoạt động sản xuất dầu Trung-Đông sản phẩm có khuynh hướng hạ hơn dầu Venezuela, có thể sẽ cạnh tranh bất lợi cho Venezuela, lúc đó là một nước đứng đầu thế giới về số dầu xuất cảng và hàng thứ nhì về sản lượng dầu. Do đó, vào năm 1948, Venezuela đã cử một phái bộ sang Trung-Đông tiếp xúc đề hành động ăn rập, nhất là về công thức chia lời 50/50 như kể trên. Tại Trung-Đông, từ sau đệ-nhị thế-chiến, nhiều phong-trào tranh đấu quốc-gia nổi dậy, nội dung các Thỏa-hiệp ban cấp đặc nhượng khai thác dầu lần hồi được tiết lộ, khiến các nước có dầu bắt đầu ý-thức quyền lợi thực sự của mình, đòi hỏi các Công-ty dầu phải cho hưởng lợi nhiều hơn. Mặc dầu ưu thế vẫn được duy trì nguyên vẹn, các Công-ty dầu nhận thấy không thể mãi ngăn trở những đòi hỏi này được. Chính người Hoa-kỳ đã tìm ra giải pháp cho vấn-đề bằng cách cho hủy bỏ khoản thuế thường lệ và thay thế bằng sự chia lời trên căn bản giá niêm yết (posted price) đối với dầu thô.

Như đã trình bày ở đoạn trước, trước thế-chiến, rất ít dầu thô được

bán trên thị trường quốc-tế, vì phần lớn được lọc tại chỗ gần nơi sản xuất. Sau thế-chiến, công tác lọc dầu được lần hồi di chuyển đến các địa-điểm xa nơi sản xuất để gần với các nguồn tiêu thụ hơn, nhưng vì các xưởng lọc dầu này cũng do các Đại Công-ty dầu làm chủ nên không có giá chung trên thị-trường về dầu thô. Dầu thô được chuyển từ Trung-Đông đến các cơ sở chi nhánh, được định giá tùy theo hệ-thống và khác biệt với giá bán ra ngoài.

Giá niêm yết đối với các Đại Công-ty Hoa-kỳ được thiết lập để tính dư lợi trên dầu thô làm căn bản đánh thuế, được căn cứ vào giá do Hoa-kỳ gián tiếp hoặc trực tiếp áp đặt cho tương ứng với giá thành dầu sản xuất có khác biệt khá lớn đối với dầu thô Trung-Đông.

Năm 1950, ARAMCO ký Thỏa-hiệp với Ả-Rập Saudi áp dụng công thức 50/50 kể trên; (1) vài tháng sau, các Công-ty dầu ở các nước Ả-Rập lân cận như Kuwait, Iraq cũng noi theo. Nhờ đó, *Iraq Petroleum Company* đã tăng từ 4 shillings lên 18 shillings một tấn dầu sản xuất cho Chánh-phủ Iraq.

Riêng đối với các Đại Công-ty dầu Hoa-kỳ, trên thực-tế, công-thức kể trên chỉ có nghĩa là chuyển thuế trả cho công-quỹ Hoa-kỳ sang cho công-quỹ của quốc-gia có dầu, bởi lẽ luật lệ thuế-khóa Hoa-kỳ có quy định các khoản thuế do các Chánh-phủ ngoại-quốc đánh trên các Công-ty thì có thể được khấu trừ trên thuế lợi-tức tại Hoa-kỳ. Ả-Rập Saudi ấn định

thuế lợi tức 50% đối với Công-ty dầu là để lấy 50% lợi thuần tịnh gồm cả thuế, nên Công-ty dầu sẽ không phải đóng thêm thuế nào nữa.

Trong khi đó, tại Anh không có điều khoản miễn thuế tương tự, nên nếu cùng áp dụng như các Công-ty Hoa-kỳ, các Công-ty dầu Anh sẽ bị thiệt quyền lợi. Do đó, mới xảy ra tranh chấp với *Anglo Iranian Oil Company* tại Ba-Tur, lúc đó đang trả cho Chánh-phủ Iran 16% dư lợi, trong khi Công-ty đặt trụ sở tại Anh phải trả cho Chánh-phủ Anh nhiều gần 4 lần hơn phần trả cho Chánh-phủ Iran rồi.

Biện-pháp quốc-hữu-hóa do Chánh-phủ Mossadegh áp dụng tại Iran năm 1951 đưa đến phản-ứng quyết liệt của *Anglo Iranian Oil Company* cũng giống như tại Mexico: cho hội hươg chuyên viên và tổ chức tẩy chay dầu do hệ-thống quản-trị mới của quốc gia Iran vừa sản xuất được. Cuộc phong tỏa lúc đầu có hiệu quả, sản lượng xuống thấp, dầu thô bán ra một phần ba giá thị-trường quốc tế, nhưng không ai dám mua vì e ngại bị các lực lượng Hải-quân Anh viện lẽ thuộc sở-hữu của *Anglo Iranian Oil Company* tịch thu.

Một Dân-biểu Anh đã tuyên bố quá khích là nếu phải san bằng cơ-sở Abadan thành bình địa cũng không

(1) Donald A. Wells. *ARAMCO: the evolution of an oil concession* trong quyển « Foreign investment in the petroleum and mineral industries » do Raymond F. Mikesell. Baltimore, London: The John Hopkins Press, 1971, tr. 216-236.

có gì trở ngại mà quên rằng Abadan có một thời đã sản xuất dầu cần thiết cho nền kỹ-nghệ thế-giới (1).

Hai năm sau biện-pháp quốc-hữu-hóa, người ta bắt đầu thấy xuất những Công-ty dầu độc-lập không liên-hệ đến Cartel đang áp-đạo kỹ-nghệ dầu Trung-Đông. Một vài tàu Ý, Nhật, mạo hiểm vượt vòng vây đã nhận được một số dầu Iran bán ra.

Sau khi Chánh-phủ Mossadegh bị lật đổ, Consortium dầu Iran được thiết lập, như đã trình bày ở đoạn trước, tạo cơ hội cho nhóm tư-bản Hoa-kỳ, Pháp, tham dự, đồng thời một Công-ty quốc gia *Iranian National Oil Company* được hình thành với quyền được hợp tác với các Công-ty khác giúp người Ý nhảy vào hoạt động khai thác dầu Ba-Tur.

Năm 1956, Kinh Suez bị đóng cửa làm đảo lộn sâu xa kỹ nghệ dầu, nhưt là trong hệ-thống chuyên vận phân phối, tàu dầu phải đi vòng, kéo dài lộ trình, khiến sản phí gia tăng, giá dầu phải tăng. Để hạ bớt chi phí chuyên vận, các Công-ty gấp rút cho đóng những chiếc tàu dầu trọng tải lớn gấp bội; việc đóng các tàu này, nhưt là tại Nhật, càng đòi hỏi thêm dầu, khiến nhu cầu dầu thế-giới càng gia tăng. Đồng thời, các địa-điểm bơm dầu tại Syria bị chiến cuộc phá hủy làm giảm mức sản xuất dầu Trung-Đông.

Trước những khó khăn kể trên, vào năm 1959, 1960, các Công-ty dầu hạ giá niêm yết, để giảm sản phí. Và lần này thì các nước sản

xuất dầu đã phản ứng bằng cách lập nên tổ chức các nước xuất cảng dầu (Organization of Petroleum Exporting Countries) viết tắt là OPEC nhằm lấy quyền kiểm soát giá dầu thô thế giới.

Năm 1968, OPEC công bố lập trường chung, xác nhận chủ quyền quốc-gia trên các tài-nguyên thiên nhiên, kể cả quyền hưởng lợi trên các tài nguyên này. Thuyết hoàn-cảnh đổi thay đã được dùng để biện-minh cho những thay đổi đơn phương trong liên-hệ kết-ước với mục-tiêu đề quốc-gia khai thác trực tiếp, qua các hợp-đồng, kiểm-soát tối đa. Do đó, những phần đất đặc nhượng nhưng không khai thác cần được quy hoàn.

Cả Đại Công-ty dầu quốc-tế lúc đầu có vẻ không nao núng vì không tin các nước sản xuất dầu có thể đạt được sự nhưt trí hành động khi cần thiết. Trước đó, riêng Iraq đã qua mấy chục năm kêu gào đòi hỏi rồi.

Nhưng trong 4 năm, tình thế đã đổi. Vào tháng 10 năm 1961, sau khi thương lượng bế tắc, Chánh-phủ Iraq đã quyết định truất hữu 99% đặc nhượng của *Iraq Petroleum Company* và chỉ đề nguyên các vùng đang khai thác. Năm 1965, mới đạt được Thỏa-hiệp và ngoại trừ *Standard of New Jersey* (Hoa-kỳ) các thành viên của *Iraq Petroleum Company* thỏa thuận hợp tác khai thác những vùng chưa khai thác. Điều này rất quan trọng

(1) Daniel Durand. *La Politique pétrolière internationale* Paris : Presses Universitaires de France, 1960, tr. 65.

vì ảnh-hưởng đến mô-thức hợp-tác của toàn Trung Đông.

Năm 1967, xảy ra cuộc chiến với Do-Thái. Sau đó, Iraq lập Công-ty quốc-doanh *Iraq National Oil Company* đứng ra thương lượng với các Công-ty dầu ngoại-quốc dưới sự kiểm soát của Chánh-phủ. Do thái độ thiện cảm của Pháp trong 6 ngày chiến tranh với Do-Thái, Iraq đã quay sang hợp tác với người Pháp rồi với Liên-sô và đến tháng 10 năm 1973 thì quốc-hữu-hóa hoàn toàn các cơ-sở sản-xuất dầu tại Iraq.

Tại Libya, để khích lệ các Công-ty dầu, trong buổi đầu, thuế được đánh trên giá bán thực sự chứ không phải trên giá công bố, nhưng lần lần được siết chặt lại, áp dụng giá công bố theo quyết nghị của OPEC. Công-ty dầu hoạt động ở Libya là các Công-ty độc-lập không thuộc Cartel dầu nên Libya dễ dàng hành động hơn.

Từ khi buộc các Công-ty công bố giá để đánh thuế, Chánh-phủ Libya nhận thấy giá hạ hơn các nơi khác tại Trung-Đông và Bắc-Phi, nhất là sau khi Kinh Suez bị đóng cửa năm 1967, giá chuyên chở gia tăng, Libya ở vào địa thế gần Âu-châu hơn các nước Trung-Đông, các Công-ty dầu đã phải chấp nhận mau lẹ việc tăng giá và tăng thuế, mặc dầu việc tăng này vi phạm điều khoản của đặc-nhượng.

Năm 1968, Libya thiết lập Công-ty quốc-doanh buộc các Công-ty dầu ngoại-quốc phải hợp tác với Công-ty này.

Tháng 9 năm 1969, xảy ra cuộc

đảo chánh đưa nhà lãnh đạo Mammuar Kazzafi lên cầm quyền, và đến năm 1970, ông đòi các Công-ty dầu tăng giá niêm yết và tăng thuế suất. Các Công-ty chống lại, Chánh-phủ Libya buộc phải giảm sản lượng gây ảnh hưởng đến các nước tiêu thụ Âu-châu, đề rồi sau cùng, các Công-ty dầu vẫn phải tuân theo.

Năm 1971, 6 nước xuất cảng dầu Trung-Đông họp ở Teheran (Ba-Tur) chánh-thức thỏa-hiệp bù đắp vào việc tăng thuế, các Công-ty dầu được bảo đảm giá công bố sẽ không tăng trong 5 năm, ngoại trừ sự thay đổi đề theo kịp đà lạm phát. Nhưng tiếp đó, Libya lại đòi hỏi thêm nữa và đã ký một Thỏa-hiệp ở Tripoli vào tháng 4 năm 1971.

Tháng 12 năm 1971, Libya quốc-hữu-hóa cơ-sở sản-xuất dầu British Petroleum để trả đũa việc Iran chiếm Tumb Islands trong Vịnh Ba-Tur mà Libya cho là Anh phải chịu trách nhiệm.

Tháng 9 năm 1973, 51% cơ sở các Công-ty dầu ngoại-quốc tại Libya bị quốc-hữu-hóa khiến những đảm bảo kể trên trở thành quá mong manh.

Năm 1971, Ả Rập Saudi dẫn đầu 5 nước Trung-Đông thương-lượng về công-thức tham dự sản-xuất mục đích cũng không ngoài gia-tăng quyền kiểm soát kỹ-nghệ sản-xuất dầu, nhưng cho mãi đến tháng 3 năm 1972, các Công-ty dầu mới nhượng bộ qua một bản Thỏa-hiệp

tổng-quát, chỉ có Ả Rập Saudi và Abu Dhabi ký, còn Iraq cho là không-liên hệ, Kuwait từ chối hẳn, Iran nói là không thích hợp, chỉ có thể dùng làm nguyên-tắc tổng-quát mà thôi.

Tháng 7 năm 1972, Iran nắm trọn quyền kiểm soát kỹ-nghệ dầu, để các Công-ty chỉ còn liên-hệ đến dầu thô theo những khế-trúc chuyển nhượng 20 năm.

Cuộc chiến tháng 10 năm 1973 với Do-Thái đã thúc đẩy các nước Ả-Rập xuất cảng dầu quyết định dùng dầu làm lợi khí tranh đấu chánh-trị, ngưng cung cấp dầu, khiến thế-giới, nhất là các nước kỹ nghệ, phải lâm vào tình trạng bối rối, kinh-tế xáo trộn, cho đến khi hệ-thống tiếp-liệu được trở lại bình thường; Ả-Rập Saudi, với sản-lượng dầu dẫn đầu thế-giới, đã đóng vai trò nổi bật.

Tuy nhiên, mỗi nước xuất cảng dầu đều có những liên-hệ quyền lợi riêng đối với Công-ty dầu cũng như đối với khách hàng tiêu thụ. Tại phiên họp của OPEC hồi cuối tháng 6 năm 1974 tại Quito (Ecuador) chẳng hạn, đại-biêu Ả-Rập Saudi đã đề-nghị hạ 2 Mỹ-kim giá niêm-yết mỗi thùng (lúc đó là 11,65 Mỹ-kim), e ngại rằng giá dầu duy trì ở mức độ cao như vậy sẽ gây thâm thủng trầm trọng cho cán cân chi phí các nước tiêu-thụ. Ả-Rập Saudi hi vọng rằng với sự cắt giảm giá niêm-yết tức giảm thuế, sẽ thương lượng thuận lợi hơn trong việc nhập cảng từ các nước kỹ-nghệ chế-bóa-phẩm, dịch-vụ và kỹ-thuật. Venezuela,

Algeria, Libya, Kuwait, Nigeria trái ngược lại, nhất quyết tăng giá dầu niêm yết 65 xu Mỹ để bù đắp lại mức lạm phát trên giá hàng họ nhập-cảng từ Âu-châu, Hoa-kỳ và Nhật.

Sau cùng, phải có một giải-pháp dung hòa là vẫn giữ nguyên giá dầu niêm yết, nhưng tăng thuế 2% tính ra vào khoảng 5 xu Mỹ mỗi thùng dầu.

Sau đó, Tổng-trưởng dầu lửa Ả-Rập Saudi là Ahmed Zaki Yamani đã đến Washington thuyết phục Hoa-kỳ áp-lực với Iran giảm giá dầu. Sự thật là Ả-Rập Saudi đang thương lượng với ARAMCO để làm chủ từng phần cơ-sở sản xuất dầu của Tổ-hợp này, để sau cùng nắm trọn quyền kiểm soát và sẽ tổ chức bán lại cho ARAMCO xuất lượng hằng ngày với 93% giá dầu niêm yết và như vậy, Ả-Rập Saudi sẽ được hưởng khoảng 1 Mỹ kim lợi thêm mỗi thùng dầu !

Các nước xuất cảng dầu, ngoài ra còn nhằm vào đặc quyền cuối cùng của các Đại Công-ty dầu về khoản dầu thô đặc nhượng concession brut, mà các Công-ty, chiếu theo các Thỏa-hiệp cũ, được hưởng với giá từ 7 đến 8 Mỹ kim, để được thay thế bằng công-thức duy nhất « dầu thô tham dự » (participation brut) được bán ra vào khoảng 11 Mỹ kim.

Nói chung, trong những điều kiện và hoàn cảnh khác nhau, mỗi nước sản xuất dầu đang cố vùng vẫy thoát khỏi nanh vuốt của Tổ-hợp các Đại Công-ty dầu để nắm lấy chủ quyền

thực sự. Công việc này được thuận tiện một phần nào nhờ sự xuất hiện của các Công-ty độc lập thuộc các nhóm tư-bản không nằm trong hệ-thống Cartel hoạt động lâu đời, sẵn sàng thỏa-hiệp với những điều-kiện hợp tác dễ dàng. Công-ty Ý *Ente nazionale idro carburati* năm 1957 đã nhận được 3 đặc-nhuợng ngoài khơi Vịnh Ba-Tur, không phải đóng tiền trước, nhưng khi tìm được dầu, sẽ được bồi hoàn toàn phí và sau đó sẽ chia lời một nửa cho Công-ty, một nửa cho Chánh-phủ, rồi E.N.I. còn phải trả 50% thuế, sau cùng chỉ còn hưởng 25% lợi. Một Công-ty Nhật *Japanese Export Oil Company* cũng đã thỏa hiệp với Ả Rập Saudi và Kuwait khai thác dầu ngoài khơi vùng trung lập trong 40 năm, đóng 10% vốn cho 2 nước, tổ chức lọc dầu tại chỗ, Ả-Rập Saudi hưởng 56% lời, Kuwait 57%, cho Ả-Rập Saudi và Kuwait 1/6 Hội-viên Hội-đồng quản-trị.

Theo chiều hướng này, người ta nhận thấy về bề ngoài, các Công-ty dầu ngày càng phải thu hẹp quyền lợi thủ đắc, không còn thu lợi hấp dẫn như trước và cuối cùng có lẽ các công-ty dầu không còn tha thiết phát triển khai thác dầu thêm nữa. Bằng chứng là Tờ-hợp các Đại Công-ty cũ có khuynh hướng đầu tư vào các ngành sản xuất năng lượng thay thế dầu như than đá, nguyên-tử-lực, v.v... Nhưng sự thật là các Công-ty dầu vẫn còn nhiều nguồn lợi trong hoạt động khai thác dầu và sẵn sàng chấp nhận công-thức dầu thô tham dự, miễn là các nước xuất cảng dầu

không áp dụng đột ngột biện-pháp quốc-hữu-hóa. (1)

Hoạt động trực lợi của các Công ty dầu quả thật đã bị chỉ trích khắp nơi, tại các nước xuất cảng dầu và cả tại các nước tiêu thụ dầu, nhưng sự hiện diện của các Công-ty dầu vẫn còn cần thiết với những trang bị càng ngày càng tối tân, hệ-thống chuyên viên ngày càng kinh-nghiệm và nhất là khả năng tổ-chức đầu tư phát triển mà các nước xuất cảng dầu chưa thể tự mình đảm đương được. Đó là không kể một số Công-ty độc lập sanh sau đẻ muộn nhưng lại sẵn sàng liêu lĩnh hơn với những điều-kiện hưởng lợi ít ỏi miễn là, đánh đổi lại, có thể cung cấp dầu cho kỹ-nghệ nước họ. (Nhứt chẳng hạn).

Khuynh hướng sau cùng này tạo nên một tình trạng mạnh ai nấy lo lấy thân và đó cũng là một trong những đề tài thảo luận trong buổi gặp gỡ giữa Tổng-Thống Hoa-kỳ Gerald Ford và Tổng-Thống Pháp Giscard d'Estaing tại Martinique trong trung tuần tháng 12 năm 1974 để tìm lấy một thỏa-hiệp thương-nghị với các nước xuất-cảng dầu. Theo Ngoại-trưởng Hoa-kỳ Henry Kissinger, cần có hành động chung giữa các cường-quốc kỹ-nghệ Hoa-kỳ, Tây-Âu, Nhật và Giann-đại. Nếu các nước tiêu thụ lớn đồng giảm mức tiêu thụ dầu, thì chắc chắn sẽ có thể buộc Tổ chức các nước xuất cảng dầu hạ giá dầu và

(1) Edith Penrose, *The multinational oil corporations in the Middle East and the oil crisis*, trong Tập san «Monde en développement» dưới quyền điều khiển của François Peroux, số 5, 1974, tr. 98.

thúc đẩy Cartel dầu gia-tăng xuất-lượng để duy trì mức lợi. Nhưng Hoa-kỳ cần có hành động đồng loạt; và đó mới là điều khó khăn.

Trong khi đó, người ta ước lượng, riêng Á-Rập Saudi với sản lượng dầu dẫn đầu thế-giới, năm nay, nguồn lợi về dầu thâu đạt vào khoảng 25 tỷ Mỹ-kim do việc tăng giá dầu, phần lớn chuyển về hệ-thống Ngân-hàng Hoa-kỳ, nhất là Chase Manhattan Bank (đối với các nước trong Vịnh Ba-Tur thì về các Ngân-hàng Anh), phần nhỏ đáp ứng nhu cầu ngân-sách trong nước, viện trợ kinh tế quốc-tế, Viện trợ địa phương, Quỹ phát triển kinh-tế Á-Rập (1).

Cái kẹt cho hệ-thống tiền-tệ quốc-tế là các nước Á-Rập sản-xuất dầu, đề phòng bị hậu quả lạm pháp, luôn luôn ký thác ngắn hạn, nên các ngân-hàng Tây phương không thể dùng khối-lượng tiền ký-thác ngày càng gia tăng kê trên vào công cuộc đầu tư dài hạn, do đó, nếu bỗng nhiên các nước xuất cảng dầu rút khối lượng tiền ký-thác kê trên về thì hậu quả đổ vỡ sẽ không thể lường được. Chủ-tịch Mc. Namara của Ngân-hàng Thế-giới vừa cho biết tại Hoa-thạnh-đốn là các nước trong tổ chức OPEC hiện thặng dư 60 tỷ Mỹ-kim có thể dùng đầu tư

và con số này có thể sẽ đạt mức 750 tỷ « và bây giờ chỉ còn cách là học cách giao thiệp với họ ».

oOo

Tuy nhiên, dầu lửa là một thứ tích sản giảm dần, một khi đã được lấy khỏi lòng đất để chở đi khỏi nước là đi mãi. Nếu những nguồn lợi thâu đạt được do dầu không được sử dụng vào việc đầu tư xây dựng cơ-sở phát-triển của chính các nước xuất cảng dầu thì một ngày sẽ đến, khi mà nguồn dự trữ đã cạn, thử hỏi sẽ còn lại những gì ngoài bãi sa mạc ? Do đó, mối quan tâm chánh yếu của người Á-Rập là mở mang xứ sở, nâng cao dân trí, thiết lập những cơ-sở tiện-ích công-cộng v.v... , những điều mà ai cũng biết là không thể thành đạt một sớm một chiều được.

Trong cái khí thế đang lên của các nước sản-xuất dầu, thế lực của các nhóm tư-bản liên-kết trong Tờ-hợp Công-ty dầu vẫn hiện tồn, -- dù là dưới bóng mờ -- thủ lợi, mặc cho bao nhiêu sóng gió bên ngoài.

DOHAMIDE
XII-1974

(1) Henri Lepage, *Les circuits de l'or arabe*, trong Tạp-chí *Entreprise*, số 994 tr. 58.

TIN MỪNG

Chúc mừng :

PHẠM THỊ BÍCH LOAN và NGUYỄN THUẬN

trăm năm hạnh phúc

Hôn lễ sẽ hành tại Saigon ngày 22-12-1974

Ông Bà Lê Ngộ Châu, Nghiêm Nhật Hiền, Lê Hoàng Phương,
Lê Hoàng Dũng.

BNP

A votre service

tous les services de la

BANQUE

NATIONALE

DE PARIS

Đã phát hành :

VẤN HỌC SỬ THỜI KHÁNG PHÁP

của LÊ VĂN SIÊU

Công trình biên khảo từ đầu cuộc xâm lăng đến ngày Pháp mất quyền ở Việt-nam.

Phải đọc để thấy người Việt lúc nào cũng chiến đấu, chống trả đánh đuổi quân xâm lăng...

TRÍ ĐĂNG
xuất bản phát hành

19 Nguyễn Thiện Thuật Saigon 3
Đ.T. 92.017

Vitaplex

CALCIUM + 6 SINH-TỐ
C - D - PP - B2 - B6 - B12



- CON NIT MAU BIẾT ĐI
- CỨNG XƯƠNG.
- MẠNH KHOẺ
- NGƯỜI LỚN CỨNG RĂNG
- ÍT ĐAU RĂNG.
- YẾU PHỔI.
- MỆT MỎI.

LABOHADZER

VỪA THƠM NGON - VỪA BỔ!



(1957)

LBK Ô. Phạm Duy Khiêm sinh năm 1908 tại Hà-nội. Nhờ một học bổng của tư nhân, ông theo học tại trường Trung học Albert Sarraut ở Hà-nội. Do học lực xuất sắc, nhất là về cổ ngữ La-tinh, Hy-lạp, nên ông lại được học bổng sang Pháp học tại trường Trung học Louis le Grand, Ecole Normale Supérieure, đồng khóa với René Billières, Thierry Maulnier, Georges Pompidou, Leopold Senghor...), đậu Thạc-sĩ văn-phạm năm 27 tuổi. Về nước, ông làm Giáo-sư tại Trường Bưởi, rồi Trường Albert Sarraut. Từ 9-1939 đến 6-1940, ông tự nguyện tòng quân trong quân đội Pháp và sau đó lại trở về dạy học tại trường Albert Sarraut cho tới 1945. Ông đã làm Bộ trưởng đặc nhiệm tại Phủ Thủ-tướng, (Chính phủ Ngô Đình Diệm) từ tháng 7-1954 trong 5 tháng, rồi Cao-ủy và Đại sứ VNCH tại Paris cho đến hết năm 1957. (Ngày 5/11/1957 ông đã nhận bằng « Tiến sĩ danh dự » tại trường Đại học Toulouse Pháp).

Ông ở luôn bên Pháp dạy học, giúp việc cho nhà xuất bản v.v..., chỉ về nước một lần sau Tết Mậu Thân và chết ngày 2-12-1974 tại một nông trại ở miền quê nước Pháp.

Các tác phẩm của ông gồm có : *Việt nam Văn phạm* và *Grammaire Annamite* (soạn chung với Trần Trọng Kim và Bùi Kỷ) (1941), *Back street* (tùy bút viết theo một truyện phim) 1940. *De Hanoi à la Courtine* (1941), *De la Courtine à Vichy* (viết xong năm 1942, bị cấm xuất bản) *Mélanges* (1942), *Légendes des Terres Sereines* (1942), *La jeune femme de Nam Xương* (1944), *Nam et Sylvie* (ký bút danh Nam Kim) (1957), *La place d'un homme* (tái bản *De Hanoi à la Courtine*) 1958, *La mère* (cuốn này theo nhạc sĩ Phạm Duy, là em ruột ông Khiêm, thì ông Khiêm, viết về thân mẫu ông và nhan đề là *Ma mère*, có lẽ chưa xuất bản),

* Ông đã được Giải đầu tiên của Prix littéraire d'Indochine (Giải Văn chương Đông Dương) trao tặng cho cuốn « *Légendes des Terrers Sereines* » và Giải thưởng Louis Barthou của Viện Hàn-lâm Pháp trao tặng cho cuốn « *Nam et Sylvie* »

* Về năm sinh 1908 ghi trên, thì Ô, Nguyễn Doãn Vượng — một người bạn thân của ông Khiêm — cho biết là ông Khiêm sinh ngày 22 tháng 3 giờ Hợi, năm Đinh Mùi, tức là năm 1907 mới đúng.

* Tiêu sử trên đây chúng tôi viết theo tài liệu do Ô. Võ Long Tế cung cấp cùng cuốn « *Tiểu truyện các tác giả hiện đại* » của Ô. Trần Phong Giao, sắp ấn hành và theo lời chỉ dẫn của một vài vị quen biết Ô. Khiêm.

PHẠM DUY KHIÊM không còn nữa

○ PHẠM TRỌNG NHÂN

Một tin văn từ Paris vọng về c' o biết : Phạm Duy Khiêm đã trút hơi thở cuối cùng ngày 5 tháng 12 năm 1974, tại một nông-trại nhỏ cách tỉnh ly Tours hơn sáu chục cây số. Ông sinh năm 1907 : như thế là thọ được 68 tuổi, tính theo lối Việt-Nam.

Lẽ dĩ-nhiên, đây là một tin buồn. Nhưng tin buồn này độc-đáo, không giống một tin buồn nào khác, từ trước đến nay, và có lẽ cả từ nay về sau. Trong hàng-ngũ các người đồng-bối, không một nhân-vật nào lúc sinh-thời đã gây nhiều phản-ứng, dù là ác-cảm hay thiện-án, bằng Phạm-Duy-Khiêm.

Ông được người đời mến thương, chán-phục ; ông bị người đời ghét bỏ, coi thường. Mà dù ở trường-hợp nào đi nữa, cảm-tưởng về ông khát-khe hay nồng-nhiệt đều cùng một cường-độ như nhau. Đối với những ai thuộc thế-hệ ngày nay 45 tuổi trở lên, ông là một dị-nhân tài-ba, có tính tình quá độc-đáo, có lẽ do đó mà suốt đời chỉ là một chuỗi thất-bại, mặc-dù thật huy-hoàng và oanh-liệt...

oOo

Ông bị người đồng-thời trách là mất gốc, là thân Pháp, là chỉ nói và viết tiếng Pháp. Dấu-chứng : ông toàn viết sách Pháp, được các phần thưởng văn-chương Pháp ; dịp đ-nhị thế-chiến, ông tình-nguyện gia-nhập quân-đội Pháp chống Đức, không với đảng trật sĩ-quan hay hạ-sĩ, mà nhất thiết đòi cho được mane hung-phục Han tron, hạng nhì. Sĩ-ta trước

những bạt-đãi hà-khắc của chánh-quyền Pháp đối với dân Việt-Nam « bản-xứ » (indigène), ông phản-kháng, chống-đối, bằng đường lối riêng của ông, một đường lối quá tề-nhị, tình-vi, khiến người đời không hiểu, hay khó hiểu...

Đậu thạc-sĩ (người Việt-nam đầu tiên đậu thạc-sĩ Pháp), ông là bạn đồng học của cố Tổng-Thống Pháp G. Pompidou, và đương-kim Tổng-Thống Sénégal, L. S. Senghor. Được bổ-nhiệm giáo-sư Pháp-văn tại trường trung-học Pháp Albert Sarraut ở Hà-nội, ông lãnh lương không bằng một viên sĩ-quan cảnh-sát Pháp, mà trình-độ học-vấn chớ chưa nói đến văn-hóa, không bằng học-trò của ông. Phạm-Duy-Khiêm tỏ vẻ ngỗ-ngàng nếu chưa muốn nói là phản-lối, và được chánh-quyền thuộc-tạ kín đáo trả lời : vì người công-chức Pháp phải xa lìa « mẫu-quốc », sang « thuộc-địa » chịu đựng « lam sơn chướng khí » ; và chẳng người Pháp làm bổn-phận quân-dịch mà người « bản-xứ » không làm.

Một số người Pháp « tiến-bộ » muốn giải-quyết vấn-đề bằng một biện-pháp dễ-dãi, có khuyên ông xin nhập Pháp-tịch. Ông không chịu, nhưng ông « đi lính », để sau này dễ ăa nói với người Pháp. ăa nói không phải cho riêng ông, mà cho một chánh sách hợp với lẽ trời và hợp với tình người.

Toàn quyền J. Decoux tặng ông mỹ-danh là « con tinh-thần của nước Pháp » (fils spirituel de la France) ; trong khi dư-luận bất-biàn, cho ông

là « bảo-hoàng hơn nhà vua ; ngoan đạo hơn linh-mục » ! Ông trả lời đại ý và gián-tiếp trong cuốn « De Hanoi à la Courtine » : « Khi nhà hàng xóm cháy, bần-phận ta là phải góp phần chữa cháy. Có ai đang tâm nêu câu hỏi : đám cháy dập tắt, gia-chủ sẽ đền ơn bằng những gì, và cách nào ? »

Ông ý-thức lương-tâm chức-nghiệp tới cao-độ, có thể nói là lập-dị, hay điên đại. Chấm thi Tú-tài Pháp, môn Pháp-văn, nếu thí-sinh không được 6/20 điểm trở lên, thì đương-nhiên bị loại : cô kim, chỉ có Phạm-Duy-Khiêm đám đôi khi hạ bút phê điểm 1/20 hay 5,75/20. Khiến thí-sinh không những thi rớt, mà còn uất-ức...

Quân-đội Nhật chiếm-đóng Đông-Dương. Các khu phố thủ-đô Hà-nội phòng-thủ thụ-lộng. Đốc-ly Hà-nội (người Pháp) ngợi khen công-cuộc hoàn-hảo, ban thưởng một số tay chân. Phạm-Duy-Khiêm công-khai tuyên-bố rồi viết thư phản-đối : ông đề-nghị phải tồ-chức cho thực-tình, chứ không vì hình-thức...

Dưới thời Pháp-thuộc, đã nhiều lần, ông đọc diễn-văn nhân-lễ phát phần thưởng cuối năm học, hay trong các dịp long-trọng tương-tự khác. Diễn-văn của ông bao giờ cũng được coi như cô-động, mẫu-mực và tinh-túy : không những người Việt-Nam biết tiếng Pháp, mà ngay cả các người Pháp đại tá-thức cũng đều hết mực thán-phục.

Sang Pháp công-cán, ông được Bộ Quốc-gia Giáo-dục (Pháp) ủy-nhiệm lời chuyển trên đài phát-thanh Paris, cho học-sinh các trường trung-học.

Ông chọn đề-tài « Trương-Chi, Mỹ-Nương », nói lên tất cả về nền thơ của tình người Việt-nam, đứng hẳn lên trên hay bên lề ý-niệm giai-cấp, lên trên không-gian và bên ngoài cả thời-gian ..

Năm 1942, ông lãnh phần thưởng văn-chương Đông-Dương. Lễ tất-nhiên, ngoài các người Việt-Nam, Cao-Miên và Ai-lao, còn có nhiều nhà văn Pháp tham-dự. Đó là nhờ cuốn « Légendes des terres sereines ». Với quan-niệm thời đó, và rất có thể là ngay đối với cả thời nay, dù sao thì sự-kiện cũng đã làm vẻ-vang cho dân-tộc.

Khi dạy học tại trường tư thực Roche, bên Pháp, ông đọc diễn-văn về T.T. Thích Quảng-Đức. Khi còn là Đại-sứ Việt-Nam tại Pháp, ông được trường Đại-học Văn-khoa (trên không nhà Toulouse hay Bordeaux ?) mời diễn-thuyết và tặng bằng Tiến-sĩ Danh-dự. Bài diễn-văn của ông được các giới thức-giả địa-phương hết lời tán-tụng : trước-vị Đại-sứ có thể do những yếu-tố nào khác đưa tới, và có thể rất đoan-mệnh (Excel-len e éphémère) ; còn tư-cách văn-nhân lỗi-lạc do chính mình tạo nên mới thật đáng quý, và có khả-năng trở thành bất-tử, hay ít ra trường-cửu...

Có nhiều lần, sau hay trong giờ làm việc nơi Sở-quan, ông hội-hợp một số nhân-viên, uống nước trà, ăn bánh ngọt, đề nghe ông đọc văn của ông. « Tự kỷ văn-chương... » Sau đó cũng là lễ thưởng của con nhà văn vậy... Ông ca-tụng, dẫn-chứng, những đoạn mà ông cho là hay, mà

hay ở chỗ nào, tại sao? Ông gặt gù lên bông, xuống trâm, chẳng khác một nhà nho xa xưa, ngâm vịnh... « chi, hồ, giả, dã... »

Có người cho ông là « gàn », « không chịu được »! Nhưng có lẽ các cử-chỉ « gàn » nhất của ông nhân-danh là Đại-sứ, là mấy việc điển-hình sau đây :

— Tùy khả-năng và nhất là nhu-cầu chức-nghiệp của một số cộng sự viên đặc-lực, ông thường kín đáo giúp đỡ, bằng quỹ mật, đôi khi bằng tiền riêng. Không ngờ, và cũng ít ai khác được biết.

— Ông coi các cộng-sự viên như đàn em, khuyên răn, chỉ thị, thật tâm-tình và thật tận-tình. Đôi khi cũng có gắt gỏng, nhưng thật bộc-trực, với tất cả tấm lòng huynh-đệ. Thái-độ của ông là thái-độ của kẻ trọng-phu : lãnh trách-nhiệm về mình mà không cần lập công theo cái quan-niệm thế thượng thường tình...

— Là Đại-sứ, ông thận-trọng và trịnh-trọng phục-vụ quốc gia, triệt để không bợ đỡ phục vụ cá nhân ; có thể là ông nghi sai hay đúng, nhưng mỗi ưu-tư thường-xuyên của ông là *quyền-lợi đất nước*, và *phẩm-cách con người*... Làm Đại-sứ, ông luôn luôn duy-tì một cá-tính mạnh, *không đội trên, không nhường không đạp dưới mà còn bền vững dưới, hết mình*. Có lần, một phụ-nhân thế-lực của chế-độ có ý làm một việc gì đó, mà ông không tán-thành. Ông cương-quyết chống-đối thẳng tay, không gượng nhẹ... Có lẽ vì vậy, mà ông không ngồi ghế Đại-sứ được bao lâu... Khi đứng dậy,

làm biên-bản bàn giao, ông để lại quỹ mật có tới cả chục triệu quan. Để rồi sau đó, rũ áo ra đi, nghèo túng, trong khi ông rất có thể giữ lại một số nào đó trong ngân-khoản mật, để « lăn hồi độ nhật » trong thời gian chờ đợi... Ông từ-biệt sứ-quán, đi dạy học tư. Sau này, ông còn làm các nghề : đọc bản thảo để chọn tái-phần, sửaac hữa các bản in, phụ-trách nhiều việc khác, thật khiêm-nhượng không ngờ, tại một nhà xuất-bản ở Paris. Có người triu-nến tặng ông hõa-danh là... « nhà nho Tây »...

Không biết vì tình nghĩa xa xưa, hay vì lý do văn-hóa, chính trị, Chính-phủ Pháp có lần mời ông làm giáo-sư, ở Paris. Phạm-Duy-Khiêm đã khiêm-nhượng và cương quyết khước từ. Ông lập luận và viện lẽ : ông là công-dân Việt-Nam, không thể làm công-chức cho Chính phủ Pháp, mặc dù chỉ là tạm thời, vì lý do đặc-biệt, và mặc-lâu những văn-bằng của ông là do chánh-phủ Pháp cấp.

Khi G. Pompidou bạn đồng học được chỉ-định làm Thủ-tướng, một số ký-giả Pháp có đến tận nông-trại phòng-vấn. Phạm-Duy-Khiêm trả lời có thể là rất chân-thành, nhưng đứng ngoài nhìn vào thì thực biết bao ngạc-mạn : đối với G. Pompidou, tôi chỉ là bạn đồng-học, (1) không phải là bạn tri-âm (2)... G. Pompidou có lần muốn gặp lại Phạm-Duy-Khiêm : Phạm-Duy-Khiêm hân-hoan tái-ngộ với bạn học cũ, chớ không yết-kiến Thủ-tướng...

L.S. Senghor sáng-tác văn và thơ

(1) — Condisciple

(2) ami

có gửi tặng Phạm-Duy-Khiêm. Ông đã bình-phẩm thật chân-thành, khe-khắt, nếu chưa muốn nói là chê-bại thẳng-thắn... Mặc-dầu vậy, khi Tổng-Thống G. Pompidou, công-du Sénégal, cả Pompidou lẫn Senghor đều nhắc tới Phạm-Duy-Khiêm trong các bài diễn-văn và đáp-từ. Chúng ta hãy nghe cả Pompidou lẫn Senghor tâm-sự :

Senghor : « Pompidou, Phạm-Duy-Khiêm và Senghor đã sớm trở nên một bộ ba bạn chí-thân ».

Pompidou : « Chẳng phải vì tò-mò chuộng lạ mà tôi đã hướng tới bạn L.S Senghor, cũng như tôi hướng tới người bạn chung của chúng tôi là Phạm-Duy-Khiêm. Lẽ tất-nhiên, tôi hiểu lòng cảm-mến đối với người từ phương xa tới, mà lại thấu hiểu văn-hóa của chúng tôi, không phải chỉ riêng nước Pháp mà còn cả Latinh, Hy-lạp. Dầu sao, với thời-gian ba chúng tôi càng trở nên thân-thiết. Không một chút khó-khăn, tôi nhận thấy ở các bạn tôi một thái-độ kiên-hùng, hãnh-diện vì dân-tộc và tha-thiết với đất nước; mặc dầu rất thắm-nhuần văn-hóa của Âu-châu và nước Pháp... » (bài « Ý-nghĩa và bên lề một cuộc công-du... », B.K. số 340, 1 tháng 3, 1971).

Một thanh-viên qua Pháp, có mang tin-tức và quá-cáp từ Saigon sang để trao cho ông. Ông hẹn sẽ gặp ở sân ga tỉnh Tours, vì về nông trại, đường đi xa-xôi, diêu-vợi, các chuyến tàu tới rồi đi, mà không thấy Phạm-Duy-Khiêm. Sau cùng, ông tới nơi, hơi trễ một chút, không

bằng xe lửa, mà bằng xe gắn máy ở Trời lạnh, đường dài hơn sáu chục cây số : nhà mô-phạm, nhà văn hào, nguyên-đại-sứ, Phạm-Duy-Khiêm, lúc đó 67 tuổi. Vì sự kiện mới diễn ra hồi năm ngoái !

oOo

Từ nhiều năm nay, ông chơi « bụi » theo thể thức Tây-phương. Hình như cách đây khoảng một năm, ông có lãnh một số tiền lớn ; lớn đối với ông, chứ thực chẳng nghĩa lý gì đối với một số nhà « ái-quốc » « hy-sinh » của thời-đại mới !.. Ông trang-trải các mùa tiêu ở nông-trại, sắp xếp một vài công-tác, trong số có vấn-đề tang lễ của ông ủy-thác cho một hãng cho chuyên-môn phụ-trách...

Phạm-Duy-Khiêm đã sống, và đã chết. Như một cơn gió thoảng qua, và như ý ông muốn vậy. Một cuộc sống ngắn ngủi trước vô biên, và theo sau đó, là một cuộc viễn du quyết liệt... để cát bụi trở về cùng cát bụi...

Ông đã tự ý chọn cái chết, và ngày chết ! Sự kiện còn nóng bỏng, chưa cho phép chúng ta bình-phẩm dài dòng. Nhưng tôi tin rằng những ai đã từng ngưỡng mộ ông, giờ đây lại càng cảm thấy ngậm-ngùi thương tiếc. Về phần những ai đã từng không đồng ý với ông, giờ đây chắc cũng không hẹp hòi gì để thành tâm cầu nguyện cho linh hồn người quá cố. Ước mong rằng bóng cây thắm cỏ không tủi hồ với sứ mệnh rủ-là hay che-phủ trên năm mộ sâu : con người năm đó đã có một tâm hồn khác thường, suốt đời cô đơn, suốt đời thất bại, mặc dù là oanh liệt hay

hoàng ! Có điều mà ai nấy đều phải nhận chân là con người ấy đã không hề phản bội ai, vì không chấp-nhận phản bội với chính mình.,.

1907 — 1974

« Một lần mình khóc, lần người khóc
Sống thác đôi lần, giọt lệ rơi... »

Cách đây 68 năm, nơi quê hương đau khổ, Phạm Duy Khiêm đã cất tiếng khóc chào đời. Ngày nay, nơi

quê người đất khách Phạm Duy Khiêm đã cô-đơn vĩnh biệt cõi đời. Và ngày nay, đến lượt chúng ta cất tiếng khóc và thấp nén hương, để chào tiễn Phạm Duy Khiêm về vĩnh biệt một tâm hồn đơn côi, hữu tài, nhưng không hữu dụng, vì không biết tự thích nghi với thời cuộc, vì « sinh bất phùng thời »,..

Saigon 13 tháng 12 1974.

PHẠM TRỌNG NHÂN

Phạm Duy Khiêm : ông Đại sứ

Hồi ký của VÕ LONG TÊ

Trong một tác-phẩm mang tên « Vị-trí của một người » (La place d'un homme), Phạm tiên-sinh có viết « tôi phải biện-minh sự hiện-diện của ta trên cõi đời này » (il faut justifier sa présence sur cette terre). Tôi bỗng nhớ đến tư-tưởng này khi bàng-hoàng tiếp-nhận điện-đàm của Lê quân báo tin Phạm tiên-sinh đã trở nên người thiên-cò. Tôi nghĩ rằng Phạm tiên-sinh đã can-đảm sống theo vị-trí của một người ý-thức rõ rệt về thiên-chức của mình trong một hoàn-cảnh lịch-sử cụ-thể, đòi phen thử-thách những giá-trị nhân-bản mà Phạm tiên-sinh đã tự ý đảm-trách.

Cách đây hai năm, tôi có nhiều lý-do từ chối khi Lê-quân mời tôi viết về Phạm tiên-sinh. Cuộc đời đặc-biệt, phi nhân-tuần của Phạm tiên-sinh liên-hệ đến một giai-đoạn lịch-sử, đến nhiều người đang còn sống. Tất cả những gì tôi biết về Phạm tiên-sinh, nếu được phổ-biến trong sinh

thời Phạm tiên-sinh có thể làm phiền lòng một số người, có thể gây ngộ nhận rằng người viết và đối-tượng của người viết nhằm một hậu-ý nào, và nhất là khấy-động cách vô-ích bầu không-khí thanh-bình buổi văn niên mà tiên-sinh đã tự ý lựa chọn.

Giờ đây Phạm tiên-sinh đã vĩnh-viễn ra đi về bên kia thế-giới. Thế theo ý muốn của Lê quân, tôi xin góp bài tường-niệm Phạm tiên-sinh, nhưng xin tự hạn chế bài hồi-ký này trong những giai-thoại có thể tiết-lộ được, không nhằm mục-dích nào khác hơn là góp chứng-từ tô đậm vài nét cá-tính độc-đáo của một người đã sống trung-thực theo vị-trí và thiên-chức của mình.

oOo

Biệt-nhân của Phạm tiên-sinh đối với tôi bắt đầu từ năm 1956. Bảy giờ tôi tập tễnh bước vào làng văn, có vài tác phẩm đã xuất bản, được

mời đứng tên Chủ-nhiệm kiêm Chủ bút một tuần báo văn nghệ xuất bản ở Huế. Nhưng nghề-nghiệp chính của tôi là dạy học tại một Trung-học công-lập, sau hai năm gián đoạn vì thi-hành nghĩa-vụ quân-sự. Tòa Đại-sứ Việt-Nam Cộng-Hòa tại Paris vừa được thiết lập, thoát thai từ Tòa Cao-ủy Việt-Nam tại Pháp, đã có đủ các hạng nhân-viên ngoại-giao, tốt-nghiệp Đại-học ở ngoại-quốc nhưng thiếu người am-tường văn-hóa Việt-Nam. Do sự giới thiệu của một người bạn, Phạm tiên-sinh đã vận-động xin biệt-phái tôi sang ngành Ngoại-giao, phục vụ tại Tòa Đại-sứ Việt-Nam Cộng-Hòa tại Paris mà tiên-sinh là Trưởng-nhiệm-sở tiên-khởi. Bạn tôi và Phạm tiên-sinh đã mất công theo dõi gần năm tròn mới khắc phục các trở ngại hành-chánh để đầu năm 1957 tôi nhận nhiệm-vụ-lệnh sang làm việc tại Paris.

Tôi còn nhớ mãi buổi diện-kiến Phạm tiên-sinh lần đầu tiên. Tiên-sinh có biệt tài đưa người đối thoại cách tự nhiên trong bầu không-khí thân mật, khiến cho buổi sơ-kiến trở nên dịp thâm-giao. Tôi vẫn có thành-kiến tiên-sinh chỉ thông thạo Pháp-ngữ nên ngay từ phút đầu tôi ngỏ lời chào kính bằng ngôn ngữ của Racine. Sau khi lắng nghe với ánh mắt bao dung, tiên-sinh đáp lời bằng tiếng Việt và không quên nhắc tôi :

— Anh nên nhớ tôi là đồng tác-giả *Việt-Nam Văn-phạm*.

Tiên-sinh đã thành-thực kể lại phần đóng góp việc biên-soạn tác-phẩm này và tỏ ý tiếc hoàn-cảnh

riêng không cho phép hoàn tất việc phiên dịch chính bản Việt-ngữ ra Pháp-ngữ, khiến cho Trần-Trọng-Kim tiên-sinh phải một mình tiếp tục một công trình chung. Cũng như mọi tác giả, Phạm tiên-sinh đều mong mỏi tiếp nhận dư-luận độc giả đối với văn-nghiệp của mình. Tôi tỏ lời khâm phục bút pháp trong sáng của tiên-sinh trong *Légendes des Terres Séreines* nhưng thành thực ngỡ ý mong mỏi ở tiên-sinh một tác phẩm dài hơn hơn, với chất liệu thuần túy do sự sáng tạo. Tiên-sinh đáp ngay rằng một tác-phẩm như thế đã được tiên-sinh thai nghén từ 10 năm nay, bản thảo hai nghìn trang nhưng tiên-sinh đang rút gọn thành khoảng 200 trang in cỡ nhỏ. Đây là cuốn *Nam et Sylvie* xuất bản sau đó ít lâu và được giải thưởng Louis Barthou của Hàn-lâm-viện Pháp.

Đáp lại một thắc-mắc của tôi, tiên-sinh giải thích tại sao lại lựa-chọn Pháp-ngữ làm ngôn-ngữ văn-chương. Chủ-ý của tiên-sinh là muốn có một số lượng độc-giả đông-đảo khắp-thế-giới bằng cách sử-dụng một thứ ngôn-ngữ quốc-tế thông-dụng. Tôi còn nhớ lời của tiên-sinh, hàm-súc như một công-thức :

— Học-giả Phạm-Duy-Khiêm góp phần xây dựng Việt-ngữ nhưng nhà văn Phạm-Duy-Khiêm phải tạo uy-danh Việt-Nam trên văn-đàn thế-giới.

Tôi thích-thú bất ngờ vì buổi trình diện đề nhận chỉ-thị công-tác lại biến thành một cuộc mạn-đàn văn-hóa. Trước mặt tôi, ông Đại-sứ đã hiện nguyên hình một nhà văn trưởng-

thành nói chuyện thân-mật cùng một nhà văn trẻ.

oOo

Phạm tiên-sinh vẫn tự-hào xưng-đáng với địa-vị Đại-sứ lúc bấy giờ, thành-thực tin tưởng rằng nhờ uy-tín riêng của tiên-sinh mà cuộc bang-giao Pháp-Việt có lần căng-thẳng, đã trở nên bình-thường tốt-đẹp. Đối với người Pháp mà tiên-sinh thường hóm-hỉnh gọi là « les Tây » khi nói chuyện bằng Pháp ngữ với người cộng sự, tiên-sinh không hề có chút mặc-cảm ngay từ khi nước nhà chưa độc-lập. Năm 1939, tiên-sinh tình-nguyện nhập ngũ vào bộ-đội Pháp, lấy tư-cách một bậc chính nhân quân-tử hăm hở đi cứu giúp một quốc-gia lâm nguy vì mưu đồ của bọn tiền-nhân. Lúc bấy giờ có một người muốn làm tiên, dọa tiên-sinh sẽ đưa cho báo chí đăng tải ảnh hình chụp tiên-sinh là sinh-viên sĩ quan ở trại La Courtine Âm-mưu làm tiên ấy thất bại vì tiên-sinh đã nhẫn trả lời :

— Nếu thế là một vinh-dự cho tôi

Tôi vẫn hẳn mắc-mắc muốn biết tại sao tiên-sinh lại chờ đến năm 1954 mới bước vào chính-trường. Trước đó đã có nhiều cơ-hội tham-chính đối với tiên-sinh nhưng mãi đến khi đất nước sắp chia đôi, tiên-sinh tham gia Chính-phủ Ngô-Đình-Diệm, làm Bộ-trưởng đặc-nhiệm tại Phủ Thủ-tướng trong năm tháng trước khi nhận lãnh chức-vụ Cao-ủy rồi Đại-sứ nước ta tại Paris. Tiên-sinh không dấu cảm-tình nồng hậu đối với đường lối chính-trị của Ngô Tổng-thống nhưng

định rõ tương quan với nhà lãnh đạo :

— Tôi đã đem lại cho chính phủ Ngô-Đình-Diệm một danh-vị, một uy-tín. Tôi là người cộng-sự chứ không phải là tay sai như ai.

oOo

Vào giữa năm 1957, Bộ Ngoại-giao điều động một nữ thư-ký đánh máy từ tòa Đại-sứ Việt-Nam tại Tokyo sang phục-vụ tại Tòa Đại-sứ Việt Nam ở Paris. Tại đây, tiên-sinh đã tuân-hành chỉ thị cho nghỉ việc một số lớn nhân-viên tuyển dụng tại chỗ. Mặc dầu biết người nữ thư-ký kia là người bà con với một cấp lãnh-đạo lớn tại Tổng-thống phủ, tiên-sinh vẫn cương quyết không cho nhận việc vì cho rằng như thế là bất công và mâu thuẫn với chỉ thị của Chính-phủ về nội-vụ.

Cuối năm 1957, tiên-sinh đến cáo biệt Tổng-thống Pháp vì có lệnh của của Chính-phủ cử bác-sĩ PKH kế-nhiệm tiên-sinh ở chức vụ Đại-sứ và riêng tiên-sinh sẽ được bổ-nhiệm làm Đại-diện Thường-trực nước ta cạnh tổ-chức UNESCO với hàm Đại-sứ. Trong dịp này, Tổng-thống Pháp vinh tặng tiên sinh Đệ-nhi-đẳng Bắc-đầu Bội-tinh. Tiên-sinh chưa kịp phúc-trình nội-vụ thì một điện-tin của Bộ Ngoại-giao cho biết Tổng-thống không hài lòng vì tiên-sinh nhận lãnh huy-chương ngoại-quốc mà không xin phép Chính-phủ thỏa hiệp trước.

Phản ứng của tiên-sinh rất nhanh chóng và quyết liệt. Tiên-sinh tự tay

thảo một văn-thư khá dài, đại-khái giải thích không thể xin thỏa-hiệp trước vì tiên-sinh không được thông báo trước có nghi-lễ vinh tặng huy-chương trong dịp cáo biệt, mĩa mai trình bày rằng trước đây đã có trường hợp tương tự mà không hề được tin Tổng-thống không hài lòng. Tôi nhớ rõ cuối thư không có công thức chào kính.

Các công-sự-viên thân-cận đã xin tiên-sinh lưu ý đến hậu-quả trầm-trọng của một văn-thư quyết-liệt như thế và xin tiên-sinh nên thay đổi nội-dung cho hòa hoãn hơn. Nhưng quyết-định của tiên-sinh đã dứt khoát. Văn-thư đã gửi đi và hậu-quả tiên-đoán đã xảy ra. Dự định cử tiên-sinh làm Đại-diện Thường-trực cạnh tổ-chức UNESCO đã bị diên-trì rồi về sau đình chỉ hẳn.

Trong thời-gian chờ đợi vị kế-nhiệm tiên-sinh trong chức vụ Đại-sứ, có công-sự-viên xin tiên-sinh nên về nước yết kiến vị nguyên-thủ quốc-gia vì nghĩ rằng một cuộc hội kiến như thế sẽ làm sáng tỏ ngộ-nhận. Tiên-sinh lắc đầu cho là không cần thiết và cho biết chỉ về nước nếu vị nguyên-thủ quốc-gia ngỏ ý muốn gặp tiên-sinh như trước đây đã từng mời tiên-sinh tham-gia chính-phủ. Tiên-sinh muốn nhân cơ hội này trải-nghiệm thái-độ của vị nguyên-thủ quốc-gia đối với tiên-sinh.

— Trong việc nước, có những nguyên-tắc xử-thế mà tôi phải tôn trọng.

Đó là lời nói cuối của tiên-sinh để chấm dứt mọi sự lăm bần đối

với thái-độ của tiên-sinh trong nội-vụ.

oOo

Giữa năm 1958, tôi làm đơn xin được giao hoan về Bộ Giáo-dục vì không còn thấy thí h thú tiếp tục làm việc với người kế nhiệm tiên-sinh. Được tin tôi sắp về nước, tiên-sinh tổ chức một tiệc tiễn-hành nhỏ tại một tiệm ăn *self-service*. Bữa tiệc thanh đạm này đã khắc ghi vào tâm khảm tôi những kỷ-niệm khó quên. Tiên-sinh thẳng thắn cho biết không có nhiều tiền như thuê mở tiệc đãi tôi tại một nhà hàng sang trọng, hồi tôi mới đến nhận việc. Tiên-sinh chưa chát nói :

— Chính-phủ đề tôi thất nghiệp tại một thủ đô mà trước đây tôi là nhà ngoại-giao đại-diện Chính-phủ.

Tiên-sinh thẳng thắn tiết lộ về sinh kế :

— Một bạn văn ngoại-quốc sẵn sàng làm Mạnh-Thường-Quân. Về tiền tiêu thì vị kế-nhiệm tôi được lệnh chu cấp tôi hàng tháng một ngân-khoản nhỏ, trích trong quỹ đặc-biệt tôi chưa sử-dụng hết và đã trao lại cho vị kế nhiệm tôi sử-dụng.

Nói về quỹ đặc-biệt, tiên-sinh cho biết, tiên-sinh đã từng phản đối lễ lối-buộc tiên-sinh kê khai tình-trạng sử dụng. Tiên-sinh cho đó là một biện-pháp bất xứng. Vì tiên-sinh không thể « đốt cháy » bằng cách kê tên những ai đã nhận các khoản tiền này để thi hành những công việc do tiên-sinh ủy thác. Vẫn theo tiên-sinh tiết lộ, đã có lần tiên-sinh báo cáo

tổng quát ngân-khoản hiện tồn của quỹ đặc biệt-đề yêu cầu vị nguyên-thủ cho trừ bớt vào ngân-khoản đã ấn định cho hạn kỳ sau.

Nhân bàn về hoạt động văn-nghệ, tiên-sinh đã thổ lộ tâm tình của một hiếu-tử bán khoán với những thắc-mắc siêu-lý :

—Tôi sẽ xuất-bản một tác-phẩm đã cứu mang từ lâu về mẹ tôi, người mẹ hiền chiếm trọn lòng thương yêu của tôi. Mẹ tôi bây giờ ở đâu ? Khi tôi chết, tôi sẽ gặp mẹ tôi ở đâu ?

....

oOo

Trong tập *Légendes des Terres*

Sereines, tiên-sinh có kể lại truyện người thợ may khéo tay biết may áo lễ cho ông quan : sơ bồ thì vênh vang uốn ngược nên vạt sau ngắn mà vạt trước dài ; thâm niên thì mệt mỏi lưng còng thì vạt sau dài mà vạt trước ngắn. Áo lễ của Phạm tiên-sinh, nếu có, thì hai vạt trước sau phải bằng nhau vị trên đường đời tiên-sinh luôn luôn đứng thẳng, không chịu khuất phục trước một thế-lực nào, thung dung tự nghĩa theo hai lối xuất, xử của một bậc hiền-nhân quân-tử trong thời-đại biến động ngày nay.

VÕ-LONG-TÊ

20-12-1974

Phạm Duy Khiêm người anh

Đàm thoại với PHẠM DUY

B.K. Ông Phạm Duy Khiêm gồm có 5 anh em mà ông là anh cả. Sau ông là Bà Châu (trước là Bà Tham Triết) hiện ở bên Pháp, Bà Trinh, Ô. Phạm Duy Nhượng (đã chết) và nhạc sĩ Phạm Duy (Phạm Duy Cận),

Trong dịp lại thăm nhạc sĩ Phạm Duy, Bách-Khoa có cho ông xem trước bài của các ông Phạm Trọng Nhân, Võ Long Tê và nhạc sĩ Phạm Duy đã tỏ ra rất xúc động, Nhân dịp này nhạc sĩ Phạm Duy cũng đã đàm thoại với Bách-Khoa như sau :

Hỏi : Người ta thường cho rằng ông Phạm-Duy-Khiêm, thuở sinh thời, là một người lạnh lùng khô khan trong khi xử thế và tiếp xúc với mọi người. Vậy trong gia đình đối với các người thân, ông có như thế không ?

Đáp : Ông Khiêm, như tôi biết, là một người rất tình cảm, nhưng ông biểu lộ tình cảm theo một cách riêng của ông nên có thể có người ngộ nhận là ông lạnh lùng khô khan chăng. Còn những người hiểu ông thì thường rất quý mến ông. Riêng mấy anh chị em tôi thì hiểu nhau lắm nên ai cũng biết rằng ông Khiêm là người giàu tình cảm.

H: Người ta còn nói là ông cô độc, ít bạn hữu và những bóng hồng trong đời ông càng ít hơn nữa.

Đ: Trái lại ông rất nhiều bạn ở khắp mọi nơi, nên ngày nào ông cũng viết thư và có ngày viết đến 10 cái thư, thì sao lại bảo là ít bạn được. Còn các cô trong đời ông thì có khi ông ấy còn nhiều hơn cả tôi nữa!

H: Thế tại sao tới giờ ông Khiêm vẫn chưa chọn được cô nào làm vợ?

Đ: Cái đó thì phải hỏi ông ấy chứ.

H: Theo báo chí thì ông Khiêm sau này thường sống trong một thôn trại ở vùng quê nước Pháp cách xa thị trấn, rất cô đơn. Vậy tại sao ông không ở nơi nào đông đúc cho vui vẻ và dễ tiếp xúc với bạn bè và người thân trong gia đình?

Đ: Tôi biết anh tôi bị bệnh mắt ngũ kinh niên, nên bó buộc ông phải sống trong một nơi tĩnh mịch như trong một nông trại ở vùng quê chẳng hạn mới bảo vệ được sức khoẻ, nhất là ở bên Pháp. Tôi sang Pháp cũng muốn về trại ở như thế.

H: Ông Khiêm có vui với cuộc sống trong u tịch đó không?

Đ: Chính anh Khiêm tôi đã viết cho tôi bảo phải biên thư cho bà chị tôi (Bà Tham) cắt nghĩa cho bà hiểu rằng anh tôi rất sung sướng với cuộc sống trầm lặng như vậy.

H: Anh có nhiều dịp sống gần với ô. Khiêm không?

Đ: Ông Khiêm ở Pháp thì tôi mới 7 tuổi, lúc ông về nước tôi vào khoảng 14. Quả thực thời thơ ấu và thời trẻ tôi ít gần anh tôi. Nhưng trong 5 năm trở lại đây, gần như tuần nào chúng tôi cũng có thư từ cho nhau nên tôi hiểu anh tôi lắm.

Tuy rằng hai năm học nhạc ở Pháp — 1954 và 1955 — lúc đó ông Khiêm còn làm Đại-sứ cho VNCH tôi chỉ gặp anh tôi có 1 lần trong dịp giỗ mẹ tôi. Nhưng sau này lần nào có dịp sang Pháp tôi cũng tới thăm anh tôi tại nơi ông ở hoặc ông ấy đến chơi với tôi.

H: Sau biến cố Tết Mậu-Thân, ông Khiêm có về nước một lần và đi thăm cố đô Huế bị chiến tranh tàn phá. Trong dịp này anh có gặp ông Khiêm không?

Đ: Chúng tôi gặp nhau rất nhiều. Ông Khiêm trong dịp này ở nhà ông Đoàn Bá Cang là người mời ông về nước, nhưng vẫn tới nhà tôi nên các con tôi đều biết bác chúng nó cả.

H: Có tin nói rằng ông Khiêm đã tự ý kết liễu đời mình, anh nghĩ thế nào về tin này.

Đ: Tôi không được biết rõ tin đó, nhưng ông Khiêm là người bao giờ cũng muốn tự định đoạt lấy cuộc đời mình, thì việc ông tự ý chấm dứt cuộc đời có thực chẳng nữa, tôi cũng không có gì ngạc nhiên cả. Ông Khiêm đã sống đúng với mẫu người quân tử mà ông quan niệm. Theo tôi có lẽ đó là người quân tử kiểu Khổng Mạnh cuối cùng của thế hệ anh tôi.

Sau đó anh Phạm Duy đã cho xem các thư của ông Khiêm viết cho anh. Chúng tôi xin phép nhạc sĩ Phạm Duy trích đăng một lá thư sau đây đề ngày 26-9-1970 để bạn đọc biết, qua lời thư, nếp sống, tính tình, và một vài cảm nghĩ do chính ông Khiêm viết ra chứ không phải người khác viết và nghĩ về ông. Cũng xin lưu ý bạn đọc chữ Cậu đây là tiếng gọi thân phụ ông (nhà văn Phạm Duy Tồn) và "Chị Tham" là Bà Hoàng văn Châu em gái ông, cũng là chị ruột Phạm Duy. Mặt khác cái tiêu đề (en tête) của lá thư chỉ có vắn vắn một chữ KHIÊM cùng địa chỉ, chứ không có đầy đủ Họ và Tên như thường lệ.

KHIÊM)
COLLEGE
ST-MICHEL DES PERRAIS
PARIGNÉ LE-POLIN

La Gare

72 - Evaulte

26 - 9 - 70
Sáng Thứ Bảy

Em, anh vừa nhận được thư em viết hôm 22, đầu nhà bưu-điện 23
mình làm (như nhà bưu-điện 23) mình làm

Thư bút của ông Phạm Duy Khiêm

26-9-70

Sáng thứ bảy

Em, anh vừa nhận được thư em viết hôm 22, đầu nhà bưu-điện 23 mình làm: thư từ lại không chậm nữa rồi (như cái thư anh Vương, mất 9, 10 hôm)... Đang rửa nhà, tìm cách làm sao cho khỏi ẩm và lạnh, rét sắp tới, anh đề đó giả nhời ngxy — chứ không thì lại đến ngày kia, thứ hai, thư anh mới ở đây đi.

Ah mình, khi đọc mảnh báo của người con ông Quảng Thịnh nói về Tiểu Lâm. Em nói hộ với người ta cho anh: còn người biết đến quãng đời

Ghi chú của Bách-Khoa: Quảng Thịnh và Ích Ký đều là 2 hiệu sách lớn, một ở phố Hàng gai một ở phố Hàng giấy Hà-nội.

Đó, anh thấy cũng đỡ cô độc, đỡ buồn. Nói đến anh Ngọc, không biết em còn nhớ không, có biết nhiều đến anh ấy không? Còn nhà Ích-Ký, em có biết rằng khi anh ở Tây về, cụ ông chết rồi, nhưng anh lên tại nhà, tìm cụ bà và con cháu (lúc ấy hiệu đã đóng cửa rồi) và anh đã giả nợ cũ của cậu, cho người ta. Một người trong nhiều người chủ nợ bao nhiêu năm về trước.

« Cậu » — Nói hay viết với chị Tham, anh và chị không khỏi dùng ngôn-ngữ thô xưa. « Cậu, mợ, bà, cô... » Hôm nọ, chị Tham nhận được « tài liệu » như em, mà ngắt đi,

Không biết em có biết rằng chính anh cũng có khế u... tài-tử không? Hỏi chị Tham kể chuyện cho : nghỉ hè ở Bắc-Ninh, anh đã lập... gánh hát với chị Ninh, Chị... Ngọc-báo-chí, hai chị « Thuận + Trinh », Huế và... (anh quên mất tên.. à : Nghệ) hai cháu cụ Kim. Không biết em còn nhớ : về sau, chính ở hàng Dầu, trong bếp, anh đóng trò, làm : Khi ăn chuối.

Vân vân. Manquer à sa vocation? Thật ra : anh nhiều chí-hướng. Nhưng đã đi con đường anh đi, trước nhất vì cậu, vì trường-hợp chung ; sau này, cho đến bây giờ, là vì anh chọn, tùy theo trường-hợp, theo đời mà liệu, chọn một đường lối. Tài-tử, nghệ-sỹ? Gì bằng : tạo ra một cái đời mình cho đẹp, cho hay... Trên... sân-khấu lý-tưởng, lương-tâm ; « giới » hay mình (và vài người) hiểu biết.

.....

Tái bút... Làm cái gì cũng vội, thành ra : quên, phải bóc cái phong bì ra, để giả nhời em : vẫn cậu..

Anh đã giả nhời em trong mấy năm trước : bao nhiêu (có ít thôi, không bao nhiêu) tài-liệu, di-tích vẫn cậu, để trong bồ, trên « gác » nhà hàng Dầu, lúc anh đi học bên Pháp về, mợ bảo : chuột nó ăn, nát, vứt đi rồi.

Anh còn nhớ : có mấy trang đầu « cuốn » tiểu thuyết « Giọt lệ chung »... Em có nhớ, có bao giờ nghe nói đến « cô Cả » hàng Ngang không?

K

Đã phát hành :

VIẾT CHO CÁC BÀ MẸ SANH CON ĐẦU LÒNG

của B.S. ĐỖ HỒNG NGỌC

- Những điều cần biết cho người mẹ trẻ từ lúc bé chào đời đến tuổi lên ba...
- Món quà tặng ý nghĩa và hữu ích cho những đôi vợ chồng mới cưới, cho các bà mẹ sắp sanh con...

LA-NGÀ xuất bản

399/8 Phan đình Phùng, Saigon 3

Anh Ch.

Thư viết ở quê nhà có khác gì với thư viết ở xứ ngoài không anh? Mấy tháng nay tôi về xứ, mỗi ngày là một ngày đáng được "vẽ lên tranh" cả. Dầu ngày ấy trong lịch có đề là "Hung đa cát thiêu, nghi sự bất thủ", dầu ngày ấy tôi có nằm khóc trên giường hay muốn đi lang thang dưới mưa. Thích nhất là tâm tư không phải khắc khoải, bị cái chứng đợi tin từ quê hương, hoặc đợi tin người quen từ bất cứ ở phương nào đến. Về đây tôi chẳng còn phải chờ đợi gì nữa cả. Nhưng hỏi lại anh câu trên, thư vi t t, trong nước hay từ ở ngoài nước có khác gì nhau không, hay chỉ khác có mỗi một con buro hoa và cái dấu nhà buro điện đóng bên ngoài. Nét chữ vẫn là một, tâm tình vẫn là một.

Hắn sẽ có một số người không chịu, vì trong nước thì đi đâu người ta cũng đi rồi, tin tức gì người ta cũng đọc thấy trên mấy tờ báo hàng ngày rồi. Nhưng thư tôi đâu có phải đề mang ra so sánh với Việt-tấn-xã hoặc hãng Reuter. Thư của tôi chỉ đề dành nói những gì lãng nhãng, những gì không ai thèm kể đến. Thì như anh đã thấy, nếu có lúc nào anh mở tập thư cũ ra đọc lại. Nó chẳng nói những gì cao siêu mới lạ cả.

Khoe với anh tôi vừa xin ở lại thêm một tháng, cứ nhỏ giọt như ơn mưa móc của Thượng đế. Có lắm người gặp tôi, hỏi thăm về sự sinh sống ở nước ngoài. Theo tôi thì chỉ có Việt Nam ta là một góc địa cầu đáng sống nhất ở trên đời này mà thôi.

Hôm vừa rồi nhân đi xin giấy phép, trong tờ đơn có mục hỏi lý do, tôi ghi: xin ở lại để giỗ bố. Có người xem được chế tôi hoài, bảo rằng sao thời buổi này mà đưa ra chỉ cái lý do hiền lành quá vậy. Với tôi

thì đấy cũng là một lý do rất quan trọng, đáng nêu ra lắm chứ, phải không anh. Quà thật số tôi rất ma mắn, ngày giờ này có bao nhiêu trăm nghìn người Việt Nam không được cái sung sướng của tôi: đi mộ thắp hương đúng ngày giỗ bố! Hội họp tất cả bà con, nghe những câu chuyện vui buồn, nhắc kỷ niệm cũ...

Người ta giàu sang biết mấy mà đến ngày giỗ bố cũng đành chịu, như vậy tức là tôi có điểm đáng kiêu hãnh rồi. Đừng tưởng có tiền mua tiên cũng được, lắm khi có tiền để chạt cả ngân hàng mà giỗ bố đâu có được về thắp hương ở mộ.

Anh đã chịu thế là tốt số chưa? Tôi còn muốn ở lì đến Tết rồi tính sau, có thể sẽ mất việc là cái chắc, có thể là mất tất cả, nhưng vẫn cứ liều.

Đời người có bao nhiêu mà tính toán, cho muốn ra sao thì ra.

Anh biết mấy hôm nay tôi làm được những gì không? Nhiều lắm, nhưng trong mọi sự có một, sự đáng

kể anh nghe là sự đi săn đêm với mấy người bạn. Anh lại sắp kêu là Minh Đức sao được chiều thế. Mà đúng vậy, các bạn có người mới quen, người chưa hề quen bao giờ, nhưng ai cũng muốn cho tôi vài hình ảnh, vài cảm giác vui buồn để còn có lúc ghi lên giấy.

Trước khi đi, các anh ấy hỏi tôi có tin dị đoan không? Tôi chẳng biết ý các anh ấy muốn nói gì nên chưa trả lời. Họ bảo rằng người nào hiền thì đi săn chẳng bao giờ gặp thú. Đấy cũng là một dịp để thử xem mình có «bản ác» không.

Tối ấy tôi đi cùng với hai anh Huân và Thông, Anh Thông là tay thiện xạ nổi tiếng, buổi chiều anh ấy đã đi có mấy tiếng đồng hồ mà vác về một xâu chim, hình như là loại sơn duật. Nghe bảo ngon chẳng kém gì bồ câu.

Buổi tối các anh ấy định đi săn thỏ, cố nhiên, nói thỏ chứ gặp voi, các anh ấy cũng không từ chối. Tôi giao hẹn với hai anh Huân, Thông là chỉ đi từ mấy giờ đến mấy giờ thôi chứ đi suốt đêm chịu sao nổi.

Thế là ba chúng tôi đi lung khắp bụi bờ, các anh ấy quen thuộc trong vùng đất đai này như quen thuộc với cái túi áo của họ. Xe cứ vậy mà phóng, nếu là người không quen tất sẽ phải ngập ngừng vì thấy lau sậy mọc cao, biết đâu chẳng có hang, có hố. Sau mùa mưa nên cỏ lau mọc cao quá, thế nhưng suốt cả buổi, tôi đã dùng thuật «tâm-tâm tương-truyền» với lũ thú

trong vùng, bảo chúng nó hãy trốn hết đi.

Chẳng biết có phải tại cái thuật «tâm-tâm tương-truyền» mang lại kết quả hay tại «cô Ký» có chút bản thiện vương vất quanh mình, hay tại số mấy con thú còn được sống, hưởng cho hết một vài mùa trăng, chưa tới ngày vào nôi của các anh này, nên chẳng có viên đạn nào nỏ.

Gần cuối, lúc sửa soạn ra về có chú thỏ béo chạy ngang làm tôi lo quá, may mà chú ấy chạy thoát được.

Thế là ôm súng về luôn. Nhà thiện xạ còn cố gắng, trước khi từ giả khu lau sậy, đi quanh thêm vài vòng để thử lại xem có thật là tôi bản thiện không?

Về đến trại đã khuya mà các anh ấy còn bày ra nấu món sơn duật làm một tiệc đêm, thật đông và thật vui. Mùi thịt chim quay thơm lên tới mũi... Thượng đế.

Các anh ấy làm thật ngon nhưng vì trót trông thấy con sơn duật nằm thành xâu, máu đỏ nhuộm đầy cánh, tôi đã quay mặt không muốn nhìn, nên lúc mạng ra không thể ăn được.

Hôm nay ngồi kể lại mà còn thấy vui, giá đời người mà biết và có hoàn cảnh để góp nhặt những đêm vui ấy thì thích biết mấy.

Về đây tôi chỉ có ăn rồi đi săn cảm giác, sẵn hình ảnh để tương lai còn viết chứ.

Khoe và giới thiệu với anh, tôi vừa mới quen thêm một vài nhân vật đặc

biệt, trong số ấy có bà Lydia Anan là bà Đại Sứ xứ Do Thái. Hiện là ấy đang đảm nhận một chức giảng sư về môn Xã-hội-học tại Đại-học Sư-phạm ở Saigon. Nghe bà ấy nói chuyện và đọc những bài bà ấy viết về vấn đề «Ngành Đại học ở các quốc gia đang phát triển».

Tuy nó không ở vào phạm vi của tôi nhưng đọc vẫn thấy vui, đáng hoan nghênh. Mừng cho các sinh viên và cho xứ nhà phải không anh, trong khi người Việt Nam hiện nay đang đi giáo-hóa cho Mỹ cho Pháp, cho nhiều nước trên thế giới thì có cái luật bù trừ, khiến xui người ngoại quốc lại say mê xứ ta và chỉ muốn làm được cái gì ích lợi cho đất nước ta.

Tuy nhiên họ cũng nhận xét về người Việt-Nam một cách rất sắc bén. Chẳng hạn như họ nói rằng người Việt-Nam, phần đông, đối với nước nhà đã có một thái độ của kẻ «tiêu phí» «ăn nhậu» chứ không có thái độ của người đầu tư. Anh thấy sao? Họ nhận định như vậy có đúng một phần nào chăng? Liệu rồi có thay đổi không anh? Hôm đi xin giấy, tôi lại gặp một anh chàng Ấn Độ từng sống từ 25 năm qua trên đất Việt Nam. Trong lúc chờ đợi được ông lớn tiếp, chúng tôi nói chuyện với nhau. Tôi không nhớ là bắt nguồn từ đâu mà câu chuyện bỗng đề cập đến vấn đề Hòa Bình. Anh chàng Ấn Độ kể cho tôi nghe rằng ở xứ Ấn có một ông vừa chiêm-tinh vừa triết-gia đã nhìn địa thế, ngôn từ của nước

Việt Nam mà đoán vận mệnh rằng đất nước này không bao giờ có được một nền hòa bình dài lâu. Vấn đề hòa bình đối với Việt Nam chỉ có thể có từng giai đoạn như một năm có 4 mùa.

Câu chuyện làm tôi băn khoăn, về nhà mở lại sử sách, thấy quả thật sự kiện đó cũng đã được chứng minh một phần nào trong quá khứ rồi. Dù quá khứ như vậy, nhưng còn tương lai thì ai cũng muốn tin tưởng nhiều vào tương lai. Nghe ai nói một cách quá quyết như vậy mình cũng buồn buồn.

Tôi không hỏi nhiều vì hôm ấy thì giờ hơi hạn hẹp, sau này nếu có dịp, chắc tôi phải tìm lại ông ta đề chất vấn thêm.

Cũng nhân vấn đề ngôn-ngữ tôi còn nhớ ngày ở Đài Loan, hồi năm ngoái tôi đã gặp một nhân vật rất đặc biệt, rất thông minh, «hành trang» hiểu biết khá nặng. Trong câu chuyện ông ta làm tôi suy nghĩ, ông ta hỏi: «Có thấy rằng, khi nước Việt Nam bỏ chữ Hán chữ Nôm để thay bằng thứ chữ La-tinh hóa ngày hôm nay, thì hầu như đã cởi bỏ tất cả những gì ràng buộc mình với một nền văn minh, văn hóa v.v... để đi dần đến một ngõ khác. Một bên thì từ mấy nghìn năm và bên này thì mới có hơn trăm năm mà thôi. Anh thấy sao? Nếu ngày nay có những kẻ kiêu hãnh vì thấy mình giống «lai căng» thì cũng có kẻ buồn rầu thấy xã-hội đang tiến dần xuống một cái hố mà nhìn chỉ thấy... thăm thẳm, rác rưởi lênh bênh mà thôi.

Eo ơi, thôi không nói những chuyện nặng nề ấy nữa, khơi ý ra cho các vị đại trí-thức suy-nghiệm, nhưng trong phạm vi bức thư này tôi phải kiếm những gì dễ tiêu đề nói với các anh mới được.

Hôm qua gặp mấy ông Đại-Hàn, họ đặt câu hỏi sao các cô gái Việt thích có con. Họ phàn nàn vấn đề người quân nhân Đại-Hàn sang đây gặp các cô (hình như toàn ở dưới tỉnh, ở các miền quê xa) sống chung một thời gian với các cô, lúc ra đi để lại một vài đứa con, đặt thêm vấn đề cho mọi người. Nước họ được giáo huấn kỹ về cái vấn đề đó hơn, họ sợ nạn nhân mãn và đa số dân chúng đã ý thức được cái vấn đề sẽ có thể trở nên trầm trọng ấy. Họ hỏi tôi, làm tôi khó trả lời quá vì sự thực, tôi hiểu thế nào được tâm trạng các cô gái ấy. Một ông còn nói thêm là họ đã đặt câu hỏi ấy với các cô thì các cô chỉ trả lời là tại thích có con. Không làm sao giảng cho họ hiểu rằng nếu họ không biết suy nghĩ thì tương lai sẽ nguy hại. Mỗi giây đồng hồ có hai đứa bé ra đời, mỗi ngày trên 20.000 người gia tăng mỗi tháng trên 600 vạn và mỗi năm trên 740 vạn miệng ăn mà quả đất phải dài thọ.

Anh nghe có sợ không? Tuy nhiên vẫn còn nhiều quốc gia và nhiều người lại không đồng ý. Tin rằng rồi đây kỹ thuật sẽ tăng tiến, phát triển, đủ sức nuôi ăn. Người ta đã biết trồng rau không cần đất, làm thịt bò bằng dầu hỏa v.v... Do đó mà ra trường thấy chật cả người. Tôi còn

nhớ hồi tôi đi học ở Anh, trong lớp cũng có một ông kỹ-sư chuyên việc nghiên cứu làm thịt bít-tết bằng dầu hỏa. Hồi ông ta đã ăn thử chưa ông ta bảo, chưa bao giờ nếm cái thứ thịt ông làm ra! Sau đó ông ta bay sang Hoa Kỳ làm việc, bây giờ dầu-hỏa lên giá không biết người ta còn có tiếp tục nghĩ đến việc sản xuất cái thứ bít-tết đó không?

Quên báo với anh rằng viết xong thư này tôi phải làm va-li đề lên đường, một chuyến đi gần thôi nhưng cũng mất nhiều ngày giờ để làm giấy tờ. Nếu là ở một xứ khác thì đợi đến hôm cuối cùng mới dồn áo quần vào va-li rồi cứ thế ra gọi tắc-xi lên tàu lửa đi quãng vài giờ là tới. Không cần phải suy nghĩ gì trước hôm đó cả. Nếu là chim thì lại càng khỏe hơn, chỉ cần vỗ cánh là bay ngay. Loài người bày đặt nhiều thứ quá, ngôn ngữ, biên giới, giấy thông hành v.v...

Anh biết về xứ kẹt nhất là cái gì không? Là cái mặt của những vị tùy phái, mấy ông quan bé ngồi gác phòng quan lớn. Làm như họ chỉ sợ mọi người vào thú tiêu quan lớn của họ, mà làm quan cũng chẳng lớn gì cho cam. Thành thử vào quan lớn bao giờ cũng chỉ ngại phải qua mấy cửa ải đó. Nếu bây giờ anh phải sang ngoại quốc mà gặp các ông tùy phái của họ nhất là ở Đức ở Thụy sĩ chắc anh sẽ ngạc nhiên lắm. Thấy họ không có lấy một tí nào là hách dịch, điều đóm v.v...

Đấy là một trong những lý do

khiến cho nhiều người không muốn về, anh biết không, bé nhỏ vụn vặt thế mà lắm khi mang một tầm quan trọng khá đầy chừ.

Nhân câu chuyện qua ải, anh biết ở Bỉ có trụ sở của cái gọi là *Marché Commun*, tại đây anh có thể đi vào thông thống, nhất là vào buổi trưa, mọi người bận đi ăn, thôi thì hành lang nào, tầng nào cũng vắng teo. Tôi có người bạn tinh nghịch, hán ta đi vào chơi một buổi, ngồi chỗ này sang chỗ khác. Còn có ý định mang sổ sách của bàn phòng này đặt

sang bàn phòng kia để trêu các ông "thị trường chung" ấy chơi cho vui!

Kề anh nghe cho anh thấy sự trái ngược của xứ người với xứ ta.

Thôi, đến đây có bà con từ Huế vào, phải ngừng để còn ra nghênh tiếp. Thăm Anh Chị, Tòa soạn và đọc giả *Bách Khoa*. Tôi bị một vị ra chính cho hôm nọ nên bây giờ rất ngoan không bao giờ quên nữa. Anh nào chính tôi hôm đó, có nhận thấy là tôi "dễ dạy" không?

MINH ĐỨC HOÀI TRINH

LỚP DẠY ĐÀN HUẾ

do Bà ĐỐC TRAI và Cô VĂN HOÀNG-OANH hướng dẫn

ĐÀN TRANH
ĐÀN NGUYỆT
ĐÀN TỶ BÀ

dạy theo phương pháp cổ truyền và phương pháp ký âm
DẠY TỪNG KHÓA HOẶC DẠY RIÊNG TỪNG NGƯỜI
THEO GIỜ HẸN

Xin hỏi tại nhà số 10 Cư xá Kiến Thiết Tân định
19 đường Nguyễn Hữu Cảnh Saigon — Đ. 97.854 (ngoài giờ làm việc)

TIN MỪNG

Được hồng thiệp báo tin Họa sĩ TẠ TỶ ở 18/8 Phan
văn Trị Saigon làm lễ thành hôn cho Trưởng Nam là :

TẠ KỶ LINH cùng cô **PHÙNG MỸ KHANH**
và hôn lễ cử hành tại Bạc Liêu ngày 16 tháng 11 năm Giáp
Dần (29-12-1974)

Xin trân trọng mừng Anh Chị Tạ Tỵ và chúc hai cháu
trăm năm hạnh phúc.

Ông Bà Văn Thanh, Phạm Duy, Lê Ngọc Châu, Đặng Trần Huệ

KHÁCH LỮ

Thơ KIM TUẤN

hãy hôn lên đất và yêu đất
yêu phận người trong cảnh nhiều nhưng
quảng gươm mà hát lời ta thán
thành quách xa mù đầu biên cương

biên cương khách lữ trên yên ngựa
hiu hắt rừng thiêng chiều khói bay
lên đên gió cuốn lên miền ngược
ta lữ phiêu bồng ta như mây

như mây che kín chân trời khuất
ta viễn phương còn đâu cố hương
đêm nao rượu tiễn đời luân lạc
cạn chén men nồng ta khôn khuấy

hãy len như gió qua cành lá
hãy khóc giùm cho những hạt mưa
lữ mai mưa khuất bên triền núi
lòng nhạt nhòa như tấm gương xưa

người cũng buồn như gương đã vỡ
mảnh em soi có thấy tâm hồn
ta soi thấy bóng đời đau khổ
thấy bóng đời hoen những vết thương

hãy quên đi nhé vui lên nhé
nào có hề chi bước lãng du
cớ sao em khóc khi từ biệt
ta vẫn một mình ta thiên thu

Còn một ít bán tại Nhà sách KHAI TRÍ 62 Lê Lợi Saigon

VƯƠNG HỒNG SÈN

KHẢO VỆ

ĐỒ SỨ CỔ TRUNG HOA

Từ đồ đất nung, qua đồ gốm, đến đồ sành — 50 ảnh và 9 hình vẽ do Hoàng Xuân Lợi trình bày.

Sách dày gần 500 trang khổ to, in đẹp. Giá 1.500đ.

VƯƠNG HỒNG SÈN

CUỐN SỔ TAY

của

NGƯỜI CHƠI CỔ NGOẠN

Quyển sách giá trị, dành cho những người thích sưu tầm cổ vật, sách dày gồm 400 trang, in trang nhã, gồm nhiều phụ bản ảnh cổ vật in trên giấy trắng. Giá 1.500đ.

VƯƠNG HỒNG SÈN

CẢNH ĐỨC TRẦN ĐÀO LỤC

Khảo về đồ gốm cổ, đồ sành xưa là Cảnh Đức Trấn, có bản danh từ chuyên môn và điển tích của mỗi loại từ khí cổ, phần phụ bản in trên giấy trắng đẹp, sách dày gần 400 trang, trình bày trang nhã. Giá 1.500đ.

Tìm hiểu ý-kiến về vấn-đề cải-tổ CHƯƠNG-TRÌNH TRUNG-HỌC

Đã từ lâu, nhiều người than phiền về sự bế tắc của chương-trình giáo-dục Việt-Nam, nhất là ở bậc Trung-Học. Các nhóm nghiên-cứu của Bộ Văn-Hóa Giáo-Dục và Thanh-Niên, các tổ-chức tư-nhân, hoặc các giáo-sư của trường Đại-Học Sư-Phạm đã đưa ra nhiều đề-nghị cải tổ chương-trình. Tuy nhiên, cho đến nay chưa có một cuộc thăm dò dư-luận nào về cải-tổ chương-trình được tổ-chức qui-mô và rộng rãi để biết ý-kiến quý vị giáo chức toàn quốc, cùng ý-kiến quý báu của quý vị phụ-huynh học-sinh.

Trước viễn-tượng cải-tổ toàn diện chương-trình giáo-dục Việt-Nam, nhóm Nghiên-Cứu Giáo-Dục chúng tôi tự nguyện đứng ra đảm nhiệm cuộc thăm dò ý-kiến này, để góp một phần nhỏ cho công cuộc cải-tiến giáo-dục bậc Trung-Học.

Kính xin quý độc-giả xem kỹ bản câu-hỏi dưới đây, và hăng hái viết thư trả lời nhóm Nghiên-Cứu Giáo-Dục chúng tôi, hoặc theo địa-chỉ của Tòa Báo, hoặc theo-hộp thư 2155 Bưu-Điện Saigon.

- 1.— Chương-trình trung-học hiện hành có những ưu và khuyết điểm nào ?
- 2.— Nếu Quý Vị nhận thấy cần phải cải-tổ chương-trình trung-học, thì Quý Vị đề-nghị cải-tổ theo chiều hướng nào ?
- 3.— Trong chiều hướng cải-tổ Quý Vị đề-nghị trong câu 2, việc cải-tổ chương-trình trung-học sẽ đưa đến các hiệu-quả tốt đẹp, hoặc gặp phải các trở-ngại khó khăn nào ? Vì sao ?
- 4.— Nếu hiện tại Quý Vị là giáo-sư trung-học, dạy môn.... (Quốc-Văn, Toán, Lý-Hóa, Sử-Địa, Công-Dân, Vạn-Vật, Hội-Họa, Âm-Nhạc,...) thì theo ý Quý Vị, chương-trình môn này nên được sửa đổi ra sao, từ lớp 6 đến lớp 12 ? Xin giới-hạn trong ba vấn-đề sau đây :

- Mục-tiêu chương-trình
- Nội-dung chương-trình
- Học-Liệu và trợ-huấn-cụ

- 5.— Nếu Quý Vị nhận thấy có vài tiêu-đề mới cần đưa thêm vào chương-trình trung-học, thì :

- Đó là những tiêu-đề gì ?
- Đưa những tiêu-đề ấy vào chương-trình lớp nào ?
- Xin phác họa các nét chính của tiêu-đề ấy.

Vì lợi ích chung cho nền giáo-dục Việt-Nam, trong đó có ích-lợi con em Quý Vị, mong Quý Vị gửi ngay ý-kiến về địa-chỉ nói trên càng sớm càng tốt (Xin gửi TRƯỚC NGÀY 15 THÁNG 3 NĂM 1975.

Các ý-kiến có giá-trị sẽ được đăng trên báo và sẽ được Nhóm Nghiên-Cứu Giáo-Dục nghiên-cứu kỹ-luỡng.

Ngã rẽ, đường giao

Mùa thi, sân trường vắng ngắt. Tôi đứng ở hành lang một phòng thực tập nhìn ra sân. Trường đang cất thêm phòng và những đồ vật liệu ngồn ngang tạo nên một khung cảnh hỗn độn. Mùa hè đã qua và phượng đã tàn. Hoa lim vàng đã biến thành trái xám, già cỗi, u sầu. Những hoa sứ hiếm hoi còn sót lại cũng tìm cách lẩn khuất vào đám lá xanh.

Ngôi trường này, lần đầu tiên tôi bước vào, lúc mười tám tuổi, mới dễ thương làm sao. Dưới mắt tôi, vẻ cũ kỹ và u trầm ấy thực là dễ dàng để quen thân. Khoảng thời gian đó cũng vào mùa mưa và đám cỏ cao bên đường vào cổng khiến trường càng thêm vẻ « lâu đài trong rừng rậm ».

Những năm dài đại học với đủ các biến đổi và biến động đã khiến cái nhìn của tôi trở nên bao quát hơn, thận trọng hơn. Tôi sắp rời trường, xa lìa thành phố ồn ào này và tách rời khỏi những bạn bè thân thiết. Tôi đã nhận từ họ rất nhiều và tôi sẽ cất giữ tất cả, như những gì quý giá nhất của một khoảng đời đẹp nhất.

Tôi trông thấy Huỳnh, một bạn trai, đang hối hả băng ngang sân.

— Lâu quá mới gặp em. Em đang chờ ai đây ?

— Chờ một người bạn nào đó. Anh chẳng hạn.

— Đề làm gì ?

— Nói cho họ nghe những gì Thương đang nghĩ.

— Nhiều lắm không ? Về cái gì chẳng hạn.

Tôi ngẫm nghĩ một lát, rồi trả lời :

— Trước hết là về ngôi trường này, trường của mình. Thương nghĩ, sang năm, khi trở lại trường chắc Thương sẽ ngạc nhiên vì những thay đổi.

Đôi mày rậm của Huỳnh nhíu lại. Anh nheo mắt, nhìn tôi :

— Trở lại ? ! Tức là em sắp bỏ đi ?

— Trở về chứ. Thương trở về thành phố của Thương. Phải trở về.

— Lấy chồng ?

Huỳnh nghiêng đầu, đặt câu hỏi ấy, với một ít đùa cợt. Rồi anh nhìn chăm tôi, chờ câu trả lời. Tôi không thích nghe những câu như vậy. Và tôi đáp gọn :

— Không !

— Thế em định làm gì ?

Định làm gì. Chính tôi cũng không biết rõ nữa. Bao nhiêu bạn bè đã ra trường. Họ đang làm gì. Có bao nhiêu người trong bọn họ bằng lòng với việc làm của chính mình. Khả năng của họ đã được dùng như thế nào, và, những ước vọng ngày còn đi học. Họ có mang theo không.

— Anh nghĩ, Thương có thể làm những gì ?

— Tất cả những gì mà em muốn làm, nếu em còn giữ vững ý muốn đó.

Đưa tay ra, tôi lắc đầu.

— Chắc không được như lời anh nói đâu. Xem này, tay Thương yếu quá.

Huỳnh nhìn tay tôi, bàn tay rất gầy, và anh mỉm cười, nhưng giọng anh quả quyết :

— Nào phải một mình em. Còn bao nhiêu người nữa. Có bao giờ em lẻ loi đâu. Chung quanh em còn có bạn bè chúng ta. Em phải biết điều đó. Em phải tin điều đó.

Tôi hiểu tất cả điều Huỳnh định nói. Anh đã sống và đã làm việc ở môi trường này trước tôi cả mấy năm. Hơn nữa, anh già dặn và biết rõ những gì anh muốn. Anh luôn luôn tiến trước tôi một khoảng và tôi bằng lòng chấp nhận khoảng cách đó. Cái ngày dự bị ngỡ ngác bây giờ đã xa thật xa rồi. Tôi đã trở thành một người lớn hẳn hoi trước mắt những cô cậu đang chập chững bước vào đại học. Bức thư của Vinh, đứa em trai có những câu tôi không thể quên được ; « Học, học, học ! Em thét vào tai mình như vậy. Tụi em thét vào tai nhau như vậy. Đề thúc nhau mà học, ganh nhau mà học, chế diễu nhau mà học. Hoảng hốt học, thức đến ba bốn giờ sáng mỗi đêm, ghi thêm cours, luyện thêm sách, bàn tán, lo lắng, sợ hãi... Chỉ vì cái máy IBM quái gở đó. Tụi em biết, không có cha mẹ đứa nào muốn

con mình vào quân trường sớm nên cố bằng hết cả sức mình để khỏi làm tủi lòng cha mẹ. Em tưởng tượng, nếu ngày đi xem bảng không có tên chắc em sẽ không có can đảm nhìn mặt những người thân nữa. Thức khuya thì nghe được thêm nhiều tiếng động lắm. Tiếng súng, tất nhiên rồi, tiếng xe tuần tiễu chạy, tiếng còi phi trường ư, và nhất là tiếng trở mình, thở dài của mẹ. Mẹ ngủ ít lắm, em biết. Chắc mẹ lo lắng vì việc buôn bán lúc này trở nên khó khăn quá. Em thương mẹ mà chẳng biết làm gì hơn ngoài việc cố đem hết sức mình ra học.

« Bây giờ tụi em đậu cả rồi, đứa nào cũng có hạng cao cả. Bình ưu, ưu binh. Lạm phát đến khôi hài. Em mắc cỡ chẳng muốn nhắc đến chuyện bằng cấp nữa. Bạn em đứa nào cũng mơ đi Saigon, vài đứa tính chuyện du học. Ngày nào gặp nhau, tụi em cũng bàn tính chuyện chọn trường đề học, mỗi đứa thích mỗi phân khoa, chia nhau ra mà thích. Nhưng, thích là một chuyện mà vô được hay không lại là chuyện khác. Ngán quá. Sao năm này người ta đậu nhiều quá. Em chẳng biết thân phận em rồi sẽ thế nào đây... »

Tôi cũng đã mang những thắc mắc của em tôi bây giờ khi vừa cầm được mảnh bằng tú tài. Đại học, cả một thiên đường màu xanh ! Tôi đã nghĩ như thế và hăm hở bước vào. Bây giờ tôi sắp bước ra, tự tay kéo cánh cổng đóng lại sau lưng mình mà không hề luyến tiếc. Những điều tôi học được bên trong giảng đường và

bên ngoài công trường đại học thật khác nhau xa.

— Sau em không ở lại Saigon ? Rồi trường em không hề có một lưu luyến nào sao ?

Giọng Huỳnh có vẻ buồn trách.

— Tiếc rẻ cũng chẳng níu kéo được. Nhưng đầu sao Thương vẫn nhớ những ngày đầu dự bị. Lúc đó, sao mà trường dễ thương ghê.

— Lúc đó, em còn bé bỏng, ngỡ ngác, đúng là một « cô bé lạc loài ». Bọn anh vẫn gọi em như vậy. Chắc là em không biết.

Tôi lắc đầu.

— Bây giờ Thương thấy mình người lớn, già nữa là khác, khô khan, đầy những lo nghĩ, đánh mất tất cả cái trẻ con hồn nhiên ngày xưa rồi.

— Đừng quá lời như thế. Thời gian làm chúng ta lớn lên nhưng chỉ có buồn phiền chán nản mới đem đến sự già cỗi. Em chưa già được. Em chỉ mới trưởng thành.

Với Huỳnh, luôn luôn tôi thấy mình nhỏ hẳn lại. Thật lạ. Vậy mà tôi sắp phải trả hết các tình thân ấy cho ngôi trường này. Tôi sẽ đi dạy, có lẽ. Nhưng tôi sẽ không cho Huỳnh biết điều đó, bây giờ.

Đi dạy. Có nghĩa là tôi sẽ đứng trên bục cao giữa lớp, trước mặt bao nhiêu học trò và chịu sự quan sát, phê bình của họ. Từ cách ăn mặc họ sẽ suy ra sở thích tính tình của tôi. Từ lối giảng dạy, họ sẽ đánh giá khả năng và tư cách của tôi. Không xuất thân từ trường Sư phạm, tôi

sẽ dạy học trò theo một phương pháp của riêng mình và tự trách nhiệm về phương pháp đó.

Không có gì đáng sợ cả, tôi nghĩ. Tôi sẽ có đủ bình tĩnh và thân mật để cầm viên phấn lên và nói với các em rằng « Hôm nay, chúng ta sẽ bắt đầu... ». Không có một chút khó khăn gượng ép nào cả. Vì tôi là chị của các em, tôi sinh ra trước các em chỉ vài năm và tôi biết rất rõ những gì các em đang nghĩ. Tuổi thơ đã không còn hoàn toàn là tuổi thơ, tuổi trẻ đã không còn hoàn toàn là tuổi trẻ. Khi trên một tờ báo xuân học sinh những bài thơ đánh mạnh vào tri thức tôi, tiếng nói đổng dạc của một học sinh :

« .. Mặt đất quê hương biến thành
chữ nổi
Em thấy o tròn như những hố-bom »

Cụ thể hơn bất cứ cái gì. Các em đã thấy nhiều hơn những gì người lớn muốn các em thấy và sâu hơn những gì người lớn tưởng các em có thể thấy. Đó phải chăng là bài địa lý hiển nhiên nhất cho chính các giáo sư.

Tôi sẽ yêu nghề. Chần chẫn như vậy. Vì tôi nghĩ rằng những gì tôi truyền đạt và khơi nguồn sẽ đem cho các em một lợi ích nhỏ nhoi nào đó. Vì tôi biết rằng nếu tôi sống và làm việc bằng sự tận dụng khả năng và thiện chí của mình, điều đó sẽ không thể hoàn toàn bị phí phạm, bị khước từ. Giác mơ của tôi rất nhỏ và rất thực nên tôi sẽ không phải tỉnh giấc và thất vọng.

— Em nhất định về thật sao ?

Có lẽ, anh sẽ gặp em... ở Đà Nẵng.

Không hiểu hết ý của Huỳnh, tôi nhìn anh, chờ một lời giải thích.

— Khoảng cách Sài Gòn - Đà Nẵng đâu có lớn. Sao em không nghĩ rồi anh sẽ còn gặp em, không chỉ ở Đà Nẵng mà còn ở bất cứ nơi nào trên đất nước mình. Những con đường tàu song song còn có lúc gặp nhau ở những ngã rẽ, hướng chi...

Đột nhiên, trời đổ mưa. Những hạt mưa lớn rơi trên đất nghe thật mạnh bạo, giống như tiếng chân cả đoàn người đang chạy. Huỳnh lặng ngắm những giọt nước, hình như chúng gọi trong óc anh một ý tưởng nào đó.

— Sao anh lại rời Saigon, anh không tiếp tục học lên nữa sao ?

Mắt Huỳnh dừng lại thật lâu trên cái nhìn của tôi. Anh cười, nụ cười bao dung như của một người cha.

— Anh vẫn tiếp tục học chứ. Có quá nhiều điều cho mình học và có

quá nhiều trường đề học. Em vẫn chỉ là cô sinh viên dự bị, chẳng khác hồi xưa là mấy.

Tôi đứng yên một lát rồi khoác áo mưa vào, nói với Huỳnh :

— Anh ở lại. Thương về trước đã.

— Trời đang mưa, em không thấy sao.

— Mặc kệ. Thương thích rứa.

Băng mình giữa màn mưa, tôi đi nhanh ra đường. Lúc sắp bước qua sợi xích giăng ngang công, một cô bé mặc váy chặn tôi lại :

— Xin lỗi, chị cho em hỏi tí, thông cáo về việc ghi danh năm dự bị dán ở đâu.

Tôi dừng lại, chỉ đường cho cô chuẩn sinh viên nọ. Và quay nhìn, tôi thấy Huỳnh vẫn còn đứng ở chỗ cũ. Anh đưa tay, vẫy tôi. Tôi cười với anh và bước nhanh qua công.

VÔ ƯU

TIN MỪNG

Được hồng thiệp báo tin Ông Bà HOÀNG TƯ TÍCH ở 3014 A Phạm Thế Hiền Saigon 7, làm lễ thành hôn cho Thứ nữ là :

HOÀNG-THỊ ĐOAN-TRANG cùng **NGUYỄN-THIỆN-HƯƠNG** và hôn lễ đã cử hành tại Thánh đường xứ Bình-Sơn (Saigon 7) ngày 29 tháng 12 năm 1974.

Xin trân trọng mừng Ông Bà Hoàng-Tư-Tích và chúc cô dâu chú rể trăm năm hạnh phúc.

Ông Bà Nguyễn Văn Khánh, Nghiêm Nhật Hiền, Nghiêm Ngọc Huân, Lê Ngộ Châu.

THỜI SỰ VĂN NGHỆ

Người mê gia phả

Đó là ông Dã Lan Nguyễn Đức. Dụ, tác giả cuốn « Gia phả khảo luận và thực hành ». Ngoài sách xuất bản, khảo-luận về gia phả, ông còn viết rất nhiều bài biên-khảo cũng cùng về đề-tài trên, phần lớn đăng trên tập san *Sứ Địa* về Phương Đông. Cách đây mấy tháng ông có gửi một « *Tâm thư* » cho các nhà văn, nhà thơ V.N trong và ngoài nước, đề xin cung cấp cho ông về tông tích và thân thế để ông biên soạn cuốn *Phổ-trạng lược-khảo* các văn-h'gia cận-đại. Với một chiếc xe đạp cũ, nhiều khi ông đã phải kiên nhẫn đi tới nhà từng người một, đề xin ghi chép phổ-trạng. Ông cũng đã từng bị mất một chiếc xe đạp trong công cuộc sưu tập phổ trạng này.

Ngày 10/12/74, nhân dịp Trung Tướng Trần Văn Minh, Tư lệnh không quân — tác giả « Chết non » và « Trong Đục » — cùng một số nhà văn thơ nhạc, tới tận nhà ông Dã Lan để xem các gia-phả ông đã sưu tập được, ông có cho biết tại sao ông mê say theo đuổi công việc sưu tập phổ trạng (tài liệu dành cho các nhà làm sử, làm văn hóa, sau này; nghĩ đến lớp con cháu của các văn thi sĩ vv..) và cho tới nay ông đã có trong tay 152 bản phổ-trạng của các văn thi-gia cận đại. Với sự kiên nhẫn của ông, thì chẳng bao lâu ông sẽ có được đủ 200 bản như ông mong muốn và xin các nhà văn nhà thơ đã nhận được « *Tâm thư* » của tác giả « *Gia-phả khảo-luận...* » hãy bớt thì giờ trả lời ngay cho ông, để ông sớm hoàn thành được cuốn sách nói trên, rất ích lợi và cần thiết cho mọi ngành văn-hóa.

Nhà thơ Ngu Í

Ngu Í hàng năm nay đã im lìm không viết lách gì. Trong tiệc cưới của anh Nguyễn-Liên, người chủ trương nhà xuất bản và nhà in Trí-Đăng (đã in cho Bách Khoa từ nhiều năm nay) cũng có mặt Ngu Í giữa các anh em văn nghệ đã có sách do Trí-Đăng xuất bản. Ngu Í bình tĩnh kể lại các chuyện vui mà anh đã trêu chọc một vài nhà văn nữ (Trùng Dương, Nguyễn Thị Vinh vv..) khi anh còn lãng trí mấy năm về trước. Sau cùng anh ứng khẩu 4 câu thơ mừng đám cưới và viết ngay vào sau tờ Thực đơn, trao cho chú rể, như sau :

Mừng Anh chị Liên-Tuyết

Trời Đất làm li

Người ta ngồi li

Sen mọc trên Tuyết

Quả chuyện li-kì

Tất nhiên N u Í đã viết bằng lối chữ của anh, như :

« *Quả chuyện li-cì* »

Triển lãm tranh Đinh Cường và Dương Đình Sang tại Huế

Mỗi họa sĩ có 10 bức tranh sơn dầu mới nhất, triển lãm chung tại Hội Việt-Mỹ Huế. Khai mạc lúc 17 giờ thứ sáu 06-12 và mở cửa đến 10-12-1974. Không khí chung của phòng tranh ngả về xu hướng hội họa vô hình dung, chú trọng đến chất sơn, ánh sáng, bố cục và đường nét. Ý tưởng phong phú, kỹ thuật thông minh. Người xem dù không được « bức tranh kể chuyện gì » nhưng cảm thấy sáng khoái, lạc vào một thế giới nghệ thuật trình tiết.

Trường Giang ghi

HỘP THƯ

— *Bách Khoa đã nhận được những bài của quý bạn sau đây :*

* **THƠ** : Nguyễn Đông Ngự, Qui Bắc, Lê Thánh Thư, Lý Thiện Ngộ, Võ văn Lê, Hoài Diễm Từ, Phạm hồng Linh, Thủy Triều, Bửu Quyển, Hà đức Thông, Thích quảng Trí, Trần Niên, Hồ ngọc Ngử, Tương Tri, Phạm tường Lynh, Ngọc Sáng, Nguyễn huy Chương, Trần quang Huy, Huỳnh kim Sơn, Lương Trọng Minh, Bùi Quân, Hoài mặc Thanh, Sương Hồng, Phạm hoàng Hoa, Đặng vinh Chánh, Phạm quang Ba, Lê nguyên Ngử, Nguyễn Khiếu, Mừng hoang Vu, Trần ngọc Kim, Huỳnh Ba, Trần văn Nghĩa, Huy Tường, Xuân Hữu, Phan văn Quang, Nguyễn khắc Nhượng, Nguyễn niêm Nghiễn, Phi Anh, Phạm Hoàng Hoa.

* **TRUYỆN** : Đào Biền (Một chút ám lòng), Trần hoài Thư (Ngày trở lại của một người), Trần Việt Tuấn (Giữa mây nước, Trong cơn say), Nguyễn Mặt Trời (Bóng tối giữa sân), Phương hoa Sứ (Cầu ao), Phù Sinh (Mua tương lai), Lê miên Tường (Số 213), Huỳnh Ba (Ao vuông ; Thắng cảnh Vĩnh Bình), Thanh oặc Nguyên (Cặp nạng gỗ của anh Ba), Lê hồng Thuyên (Đời bọn họ), Đặng tư Nhượng (Gió tháng Chạp), Lê văn Trung (Tiếng khóc hồi sinh), Ngọc Hải (Những đôi mắt trợn trừng).

* **KHẢO LUẬN** : Phan Kim Huê (Giá trị thật của Nhị Thập Tứ Hiếu).

— *Ô. Ngô văn Ban (Nhà Trang).*—
Sẽ xin đăng bài góp ý của ông với ông Bằng Giang trên Bách-Khoa, sau số Tân Niên.

— *Ô. Võ văn Dật (Đà nẵng).*—
Rất cảm ơn ông đã gửi cho bài về quê hương Thoại Ngọc Hầu. Chúng tôi sẽ đăng vào sau số Tân Niên.

— *Ô. Nguyễn Sinh Duy (Đà nẵng).*—
Xin lỗi anh, đã không kịp đăng vào số cuối năm vì bài quá dài. Sẽ xin đăng vào số Tết hay số Tân Niên.

— *Cùng quý bạn gửi bài :* Vì phần biên khảo kỳ này bất thường có những bài quá dài nên một số thơ, truyện phải gác lại. Xin trân trọng cáo lỗi cùng quý bạn đã có các thơ truyện gửi Bách Khoa.

Sách mới

Rập rờn cánh hạc, nguyên tác Nhật ngữ « Sembazuru » của Kawabata Yasunari, dịch bản Việt-ngữ của Nguyễn Tường Minh do Sông Thao xuất bản và dịch giả gửi tặng. Sách dày 150 trang, dịch từ Nhật ngữ sang Việt ngữ. Giá 500đ.

— *Thơ Nhạc tuyển tập 14 bài thơ được phổ nhạc của Cao Tuyền, do Bội Ngọc xuất bản và tác giả gửi tặng. Sách in rất đẹp và công phu, gồm những bài thơ của tác giả trong tập « Đăng Trình » được soạn thành 14 ca khúc do 15 nhạc sĩ : Phạm Duy, Anh Việt Thu, Dương Thiệu Tước, Hoài Bắc, Phan Thế v.v... Mỗi ca khúc đều có chân dung và thủ bút của nhạc sĩ kèm theo bài thơ của tác giả. Nguyễn Đình Toàn và Du Tử Lê viết tựa và跋. Phụ bản của Tạ Tỵ, Nguyễn Khai, Nguyễn Trung. 9 bài thơ đã được Nguyễn Ngọc Bích dịch sang Anh ngữ và Bùi Xuân Uyên dịch sang Pháp ngữ. Tác phẩm dày 160 trang in trên giấy quý Hoàng Lan.*

MỤC LỤC THEO BỘ MÔN CỦA BÁCH KHOA

Từ số 412 (L*) đến số 420 (T*) từ tháng 7 đến tháng 12 năm 1974 (*)
 Sự sắp xếp theo bộ môn dưới đây chỉ có tính cách hướng dẫn, giúp bạn đọc dễ tra cứu, bởi vậy nếu có những sai lầm trong sự phân loại, cũng mong bạn đọc lượng thứ cho

ĐỀ MỤC SẮP THEO BỘ MÔN	TÁC GIẢ	Số tạp chí	Trang
BIÊN KHẢO - NGHỊ LUẬN			
<u>CHÍNH TRỊ</u>			
— Cách mạng tại Ethiopie	Đặng Trần Huân	416	09
— Ed. Kennedy và tai nạn 5 năm về trước	— nt —	417	15
— Hội nghị thượng đỉnh Á Rập và viễn ảnh người Palestine trở về Đất Hứa	— nt —	418	09
— Hội nghị thượng đỉnh Mỹ Nga	— nt —	419	09
— Các cuộc du hành của T.T. Nixon	Từ Minh	412	09
— Đảo Chypre	— nt —	413	15
— Bi kịch chính trị Hoa-thịnh-đốn	— nt —	414	09
<u>DÂN TỘC HỌC</u>			
— Huyền-thoại-học và huyền-thoại-lí-học trong sự đi tìm nguồn gốc dân-tộc	Trần Ngọc Ninh	413	39
<u>GIÁO DỤC</u>			
— Nhận xét về chương trình Quốc văn lớp 12	Nguyễn Thiếu Dũng	417	09
— Ivan D. Illich và "Hủy bỏ học đường"	Trần Trung Lương	415	39
— Ivan D. Illich và Y khoa	Trần Văn Tích	415	47
— Thực chất của một nền giáo dục nô dịch	Phạm Long Điền	420	09
— Giáo dục thường trực và phát triển văn hóa	Đoàn Nhật Tấn	413	49
— Bàn về vấn đề Mẫu giáo	— nt —	415	09
<u>KHOA HỌC — Y HỌC</u>			
— Chữa mắt bằng tia Laser	Trần Nhật Bảo	412	33
— Tai họa Minamata	Nguyễn Hiền Lê	415	16
— Phương thuốc trị bệnh Glaucome	Đỗ Trọng Lễ	414	45
— Đọc "Tư tưởng Lão Trang trong Y thuật Đông Phương".	Đỗ Hồng Ngọc	417	41
— Cây sâm của Lê Quý Đôn	Trần Văn Tích	417	31
— Thuốc Nhật	— nt —	418	24

(*) Bách Khoa số 412 (L) 01-08-74
 Bách Khoa số 413 (M) 15-08-74
 Bách Khoa số 414 (N) 01-09-74
 Bách Khoa số 415 (O) 01-10-74
 Bách Khoa số 416 (P) 15-10-74

Bách Khoa số 417 (Q) 15-11-74
 Bách Khoa số 418 (R) 01-12-74
 Bách Khoa số 419 (S) 15-12-74
 Bách Khoa số 420 (T) 01-01-75

ĐỀ MỤC SẮP HEO BỘ MÔN	TÁC GIẢ	Số tạp chí	Trang
— Thương xác với B.s. Đỗ Hồng Ngọc	Trần Văn Tích	412	49
— Y học Tần và Hán	— nt —	419	29
— nt —	— nt —	420	27
<u>KINH TẾ</u>			
— Thể lực dầu lửa	Dohamide	418	13
— nt —	— nt —	419	15
— nt —	— nt —	420	43
— Bản đồ dầu hỏa Đông-Nam-Á	Trần Kim Thạch	418	19
<u>NGHỆ THUẬT</u>			
— Nghệ thuật và thời đại chúng ta	Đỗ Trọng Huệ	413	09
— nt —	— nt —	414	31
— G.s. Trần văn Khê nói chuyện về Cổ nhạc	Thế Nhân	415	74
— nt —	— nt —	417	76
— Nhạc võ Sơn Tây	Hồ Hữu Tường	420	19
<u>TIỂU SỬ — DANH NHÂN</u>			
— Mạnh Tử đời sống và hoạt động chính trị	Nguyễn Hiến Lê	412	23
— Phạm Duy Khiêm	Phạm Trọng Nhân	420	65
— nt —	Võ Long Tê	-nt-	61
— nt —	Phạm Duy	-nt-	65
<u>VĂN HỌC — VĂN HÓA</u>			
— Góp ý về Gia-đình báo	Lê văn Cận	416	73
— Đi thăm nhà thơ Á Nam Trần Tuấn Khải	Lê Phương Chi	416	79
— Đi thăm nghệ sĩ Năm Châu	— nt —	419	65
— Đàn bà viết văn	Trùng Dương	416	49
— Thương xác về hiện tượng Trương Vĩnh Ký	Nguyễn Sinh Duy	416	15
— Hai tập thơ bình dân đầu thế kỷ 20	Phạm Long Điền	412	17
— Những khám phá về Gia-đình báo	— nt —	413	33
— nt —	— nt —	414	23
— Cải lương trên chiến tuyến văn hóa	— nt —	415	29
— nt —	— nt —	416	35
— Trương Vĩnh Ký và thực dân Pháp	— nt —	417	45
— nt —	— nt —	418	32
— Văn học «Hán Nôm» trên đất Đồng Nai	Nguyễn văn Hậu	412	13
— nt —	— nt —	413	21
— Phong trào nói thơ Miền Nam	— nt —	415	23
— nt —	— nt —	416	27
— Đọc «Mảnh vụn văn học sử» của Bằng Giang	Nguyễn Hiến Lê	414	77
— Ngày ký giả đi ăn mày	Thế Nhân	416	83
— Nguyễn Mộng Giác và Giải thưởng VB 74	— nt —	418	75

ĐỀ MỤC SẮP THEO BỘ MÔN	TÁC GIẢ	Số tạp chí	Trang
— Nhạc khí truyền thống và trống Nhật-bản	Thế Nhân	419	70
— Ngôn ngữ V.N. trước ngã tư quốc tế	Phạm Trọng Nhân	419	39
— nt —	— nt —	420	37
— Y khoa và Văn chương	Trần Ngọc Ninh	413	73
— Thái Thuận và Lữ Đường thi tập	Quách Tấn	416	43
— nt —	— nt —	417	23
— nt —	— nt —	418	43
— Văn Bút và quyền tự do cầm bút	Thu Thủy	415	83
— Thư gửi Bút Việt về Giải Truyện 74	Hoàng Ngọc Tuấn	419	75
— Hiện tượng Trương Vĩnh Ký	Hồ Hữu Tường	414	15
— Ai là diễn giả «Chinh Phụ Ngâm...»?	Nguyễn Văn Xuân	412	45
— Đọc cuốn «Thư tịch hồi tổ quốc gia VN»	Bùi Vị Xuyên	416	74
XÃ HỘI			
— Patty Hearst, một huyền thoại?	Đào Trường Phúc	414	39
— Homo Urbanus?	Trần Văn Tích	414	49

VĂN NGHỆ

LÁ THƯ NƯỚC NGOÀI

- | | |
|--|------------|
| — Lá thư Paris (BK 412, 413, 414, 415) | Minh-Đức |
| — Lá thư Mexico (416) Đài Loan (417) | Hoài-Trinh |
| — Saigon (418, 419, 420). | |

TRUYỆN NGẮN

- | | | | |
|------------------------------|-------------------|-----|----|
| — Ngọn khói hân hoan | Hồ Minh Dũng | 419 | 51 |
| — Vết ran trên da đá | Nguyễn Mộng Giác | 415 | 65 |
| — Một linh hồn sa mạc | Dư Li | 414 | 61 |
| — Hạnh ngộ | Minh Quân | 417 | 60 |
| — Cánh tay đã lìa | Nguyễn Xuân Quang | 415 | 61 |
| — Những đám mây đen | Phù Sinh | 412 | 75 |
| — Một cuộc gặp gỡ ngắn | Trần Công Sung | 418 | 67 |
| — Nghề mới | Ng. thị Thụy Vũ | 416 | 61 |
| — Quà sinh nhật | Kinh Dương Vương | 418 | 59 |
| — Trường hợp của Thư | Vô Ưu | 412 | 61 |
| — Sông Thu bồn, nước Thu bồn | — nt — | 417 | 66 |
| — Ngã rẽ, đường giao | — nt — | 420 | 77 |

THƠ

- | | | | |
|--|-------------------|-----|----|
| — Nghe hòa bình; Chiều thu ngồi lại nơi
hiên nhà xưa; Trở lại vườn xưa. | Nguyễn Huy Chương | 413 | 70 |
| — Tắm biển; Tình cờ. | — nt — | 419 | 62 |
| — Phố chợ; Ngã tư; Chiều trên đầm | Võ Chân Cửu | 417 | 75 |
| — Tạ Ty hồi hưu | Cao Nguyên Tiêu | 414 | 73 |

ĐỀ MỤC SẮP THEO BỘ MÔN	TÁC GIẢ	Số tạp chí	Trang
— Tạ Ty hồi hưu	Lê Nguyên Phu	414	73
— nt —	Hà Huyền Chi	-nt-	73
— nt —	Nguyễn Tất Nhiên	417	80
— Anh không phải là thi sĩ	Gì Khánh	413	72
— Đêm mưa về Hội-An	Luân Hoán	415	59
— Nỗi buồn gác trọ	Trần Ngọc Kim	414	74
— Niềm vui, như sự thật	Vô Tấn Khanh	417	74
— Sương ngọc	Tường Linh	413	71
— Khi mới đến Đà Lạt	Hoàng Lộc	416	70
— Thơ gửi bé gái quê nhà	Ng. Khắc Nhượng	416	71
— Kinh hoàng	Nhất Phương	418	52
— Trên đường về Miền Tây	Trần Cỏ Sương	415	60
— Cường phong	Minh Đức H.T.	412	72
— Tình chúng mình sẽ được vẽ lên tranh ; Kỷ niệm, kỷ niệm ; Gỗ đá.	— nt —	413	60
— Một chuyến đi	Phạm Tăng	412	73
— Bệnh lòng ; Bước chân cỏ nội	Đặng Tấn Tới	414	74
— Thư gửi người bạn Thơ	Đông Trình	417	72
— Cảnh cũ	Lê Văn Trung	417	71
— Tôi về thăm	Tạ Ty	413	73
— Khách lữ	Kim Tuấn	420	74

SINH HOẠT

— Duy Lam nói chuyện về Nhất Linh tại Huế	Nguyễn Kinh Châu	413	79
— Thời sự văn nghệ	Thế Nhân	413	83
— nt —	— nt —	417	84
— nt —	Thu Thủy	414	80
— nt —	— nt —	417	80
— nt —	— nt —	420	81
— Thời sự khoa học	Tử Diệp	412	79
— Những khám phá mới về sao chổi Kohoutek	— nt —	413	77

TIN MỪNG

Được hồng thiệp báo tin Bà Quả phụ PHẠM THẾ ĐÌNH ở 154 Phan Đình Phùng Saigon làm lễ thành hôn cho Thử nữ là :

PHẠM THỊ TÚY VÂN cùng **NGUYỄN TRÍ THÀNH** và hôn lễ đã cử hành tại Saigon ngày 29 - 12 - 1974 (16 tháng 11 Giáp Dần).

Xin trân trọng mừng Bà Quả phụ Phạm Thế Đình và chúc tân giai nhân cùng tân lang trăm năm hạnh phúc.

Ông Bà LÊ NGỘ CHÂU

Trong Gia-đình êm-ấm
Hay trên đường xa
khát mệt

Chị cô



NUỐC-NGỌT "CON-COP"



Chai "HÒA TIÊN"!

CAPSTAN điều dài đầu lọc
Hiệu thuốc QUỐC TẾ



Nếu Quý vị thích
hương vị hảo hạng
CỦA
CAPSTAN

Quý vị sẽ rất hài lòng khi hút

CAPSTAN điều dài đầu lọc



Đôi hàng cảm ơn:

Gom góp được đủ 426 số báo *Bách Khoa* thu vào một DVD là công sức của nhà văn/nhà báo Phạm Phú Minh và Quản thủ Thư viện Phạm Lệ Hương, với sự tiếp tay của chuyên viên Nguyễn Vũ. Nghĩ tới độc giả của *Quán Ven Đường* và đưa tặng là nhã ý của Gs. Trần Huy Bích. *Quán Ven Đường* xin thành thật cảm ơn các vị.